

F O R U M



Công trường (ảnh N. A. L.)

Mục lục

2 Bạn đọc và Diễn Đàn

Thời sự, những vấn đề

- | | | |
|----|-------------------------|----------------------|
| 1 | Tại sao Bush thắng cử ? | Tiểu Hằng Ngôn |
| 4 | Tin tức | |
| 9 | Nông dân bỏ ruộng | Anh Tuấn (báo L. Đ.) |
| 13 | Hết « W » tới Bush | Nguyễn Quang |
| 17 | Chúng tôi vẫn lạc quan | Võ Nguyên Giáp |

Văn hoá, Khoa học, Nghệ thuật

- | | | |
|----|-----------------------------------|-----------------|
| 19 | Ngô Bảo Châu nhận giải Clay 2004 | Đ.T. |
| 20 | Sức nén của ngôn từ | Hà Sĩ Phu |
| 22 | Thơ | Phan Nhiên Hạo |
| 23 | Và lí trí phê phán khắc nghiệt... | Phạm Thị Hoài |
| 25 | Hội chợ nghệ thuật Paris | Đặng Tiến |
| 26 | Dioxine, kinh nghiệm Seveso | Nguyễn Văn Tuấn |
| 30 | Nạn đói năm Ất Dậu | Văn Ngọc |

Thư từ Mỹ

Tại sao Bush thắng cử ?

Tiểu Hằng Ngôn

Cuối tháng 11, 2004

Bạn quý,

Thế là ngày 2/11 đã đi vào lịch sử và chúng ta (như tôi đoán đa số các bạn đọc thư này) đều vô cùng thất vọng phải “ sống ” với Bush-Cheney thêm bốn năm nữa. Hẳn nơi bạn đã có đầy dẫy những bài tường thuật, phân tích về cuộc bầu cử này. Ở đây, tôi chỉ ghi lại một ít nhận xét và đưa ra vài con số có thể làm bạn ngạc nhiên.

Trước hết, xin tóm tắt : Bush thắng Kerry với tỷ số đại cử tri (electoral vote) 286-252, khoảng 51 % phiếu cử tri toàn quốc, và hơn Kerry độ 3,5 triệu lá thăm. Nhìn vào bản đồ nước Mỹ thì Kerry chỉ thắng ở các tiểu bang miền tây bắc, các tiểu bang vùng Đại Hồ (Great Lakes), và ba tiểu bang ven Thái Bình Dương. Tất cả các bang còn lại đều rơi vào tay Bush. Đặc biệt là Florida mà Bush chỉ thắng (với nhiều mờ ám) vài trăm phiếu năm 2000, thì kỳ này số chênh lệch (cho Bush) có hơn mấy trăm ngàn. Bush cũng thắng Ohio, một tiểu bang nạn nhân của chính sách kinh tế Bush bốn năm qua. Chỉ một tiểu bang đổi từ Cộng hoà lần trước sang Dân chủ lần này, đó là New Hampshire. Về phía quốc hội thì đảng Dân chủ, vốn là thiểu số, lại mất thêm ghế (đảng Cộng hoà sẽ chiếm 53 % hạ viện, 55 % thượng viện). Đau nhất, nghị sĩ Tom Daschle (thủ lãnh Dân chủ ở thượng viện) cũng bị cử tri cho về vườn. Ngược lại, một người như ông già Jim Bunning (nghị sĩ Cộng hoà bang Kentucky) tuy có về chớm bị Alzheimer, lại được cử tri tín nhiệm thêm một nhiệm kỳ sáu năm nữa !

Hẳn bạn cũng đã đoán là các nhà bình luận Mỹ (nhất là những người ủng hộ Kerry) đã có vô số bài phân tích nguyên do sự thất bại của Kerry trước một đối thủ mà, trong bốn năm qua, đã tăng số thất nghiệp lên nhiều triệu, làm thâm hụt ngân sách nặng nề, và (theo nhiều người) đã ngông nghênh đưa nước Mỹ vào một cuộc chiến tranh vô cớ và phi nghĩa, khiến nước này ngày càng bị thế giới thù ghét, v.v. và v.v. Các “ khám nghiệm hậu sự ” này đưa ra ba kết luận : thất bại này là lỗi của Kerry, lỗi của đảng Dân chủ, và lỗi của ... dân Mỹ !

(xem tiếp trang 10)

MÊ THẢO Thời vang bóng

sẽ ra mắt công chúng Paris từ ngày 8.12 tại rạp Le Reflet Médicis, Paris 5 (5-7 rue Champollion, tél : 08 92 89 28 92, 08 92 68 48 24, M° Cluny, St-Michel)

Phim Việt Nam, phụ đề tiếng Pháp, phỏng theo Chùa Đàn của Nguyễn Tuân, Bông hồng vàng Liên hoan Bergamo.

Đạo diễn : Việt Linh. Diễn viên : Minh Trang, Thuý Nga, Dũng Nhi, Đơn Dương. Giọng hát : Thanh Hoài

MÙA LEN TRÂU

của Nguyễn Võ Nghiêm Minh (dựa theo tác phẩm của Sơn Nam) sẽ ra mắt công chúng Paris vào tháng 2.2005. Giải Kì Lân vàng tại Liên hoan điện ảnh Amiens (tháng 11.2004), giải thưởng đặc biệt của Ban giám khảo trẻ tại Liên hoan điện ảnh Locarno (tháng 8.2004), giải thưởng Đạo diễn Silver Hugo của Festival quốc tế Chicago (10.2004) và được tuyển chọn tham gia nhiều liên hoan quốc tế (Toronto, Pusan, Rotterdam).

Ra mắt CÁ VOI TRĂM SÁT tiểu thuyết của MAI NINH

15 g thứ bảy 15.01.2005

tại Phòng khánh tiết Thị xã Sceaux

95, rue Houdan, 92330 SCEAUX

(RER Ligne B2, ga Sceaux)

ĐẶNG THÁI SƠN tại PARIS

20 g thứ ba 11.01.2005

tại Théâtre des Champs-Élysées

15 avenue Montaigne, 75008 PARIS (M° Alma-Marceau)

CONCERTO số 1 cho piano và dàn nhạc, cung sol thứ

của MENDELSSOHN, với Ensemble Orchestral de Paris
và nhạc trưởng John NELSON

giữ chỗ : 0800 42 67 57 (10g-13g ; 14g-18g)

Xem lịch sinh hoạt văn hoá cập nhật trong

www.diendan.org

DIỄN ĐÀN FORUM

Chủ nhiệm : Nguyễn Quang Đổ

Tổng biên tập : Hà Dương Tường

Ban chủ biên : Hà Dương Tường, Nguyễn Ngọc Giao,

Bùi Mộng Hùng (1932-1999), Văn Ngọc

Ban biên tập, quản lí, kĩ thuật :

Vũ An, Trần Hữu Dũng, Trần Đạo, Nguyễn Lộc, Hoàng Lệ,

Tuấn Linh, Nguyễn Trọng Nghĩa, Thoại Phong

Nguyễn Quang, Phong Quang, Bảo Tâm, Thanh Thanh,

Vũ Thanh, Nguyễn Thắng, Hàn Thuý, Đặng Tiến, Nam Trân,

Hoài Văn, Kiến Văn, Hải Vân, Hoà Văn

Bạn đọc & Diễn Đàn

Điện thoại viễn liên rẻ tiền

Tôi nghe nói hiện nay từ Pháp có thể gọi điện thoại về Việt Nam hay ra các nước ngoài với giá « địa phương » nghĩa là ngang với giá điện thoại gọi trong thành phố. Nếu đúng như vậy, xin quý báo chỉ dẫn cách gọi.

N.T.T.M. (Paris, Pháp)

☎ Theo chỗ chúng tôi biết, hiện nay có những công ti điện thoại tư doanh cạnh tranh với FranceTélécom, sử dụng phối hợp điện thoại và internet và đưa ra một bảng giá điện thoại viễn liên tương đối rẻ. Tuy nhiên, bất luận thuê bao của công ti nào, ta cũng có thể điện thoại đi xa với giá rẻ, thí dụ bằng cách gọi qua các số của TeleRabais.

Trung tuần tháng 11, có thể gọi từ Pháp về Việt Nam với giá « appel local » (gọi địa phương). Nhưng sau đó ít ngày, TeleRabais đã đổi giá. Khi chúng tôi lên khuôn số này (cuối tháng 11), giá điện thoại về Việt Nam (cho một số cố định) là 0,12 Euro/phút. Cách thức : gọi số 08 21 23 40 00, sau đó gọi tiếp số điện thoại ở Việt Nam : 00 84 ..., rồi bấm tiếp nút #. Giá điện thoại « địa phương » được áp dụng cho các nước Bắc Mỹ, Châu Âu và cả Trung Quốc (gọi số 08 11 65 31 31 rồi làm như trên).

Như vừa nói trên, bảng giá của TeleRabais thường thay đổi. Tốt hơn cả, bạn đọc có thể vào trạm internet :

www.telerabais.com

để biết rõ chi tiết cập nhật. Cũng vì sự thay đổi thường xuyên ấy, chúng tôi xin thông tin với tất cả sự dè dặt.

Đồng tính luyến ái

Tôi vừa đọc trên mạng VietNamNet (ngày 11.11) bài trả lời phỏng vấn của bà Nguyễn Thị Hoài Thu, chủ nhiệm Ủy ban về các vấn đề xã hội của Quốc hội. Đây là thái độ của bà đối với vấn đề đồng tính luyến ái :

« Theo tôi biết, có nước cho phép 2 người cùng giới được cưới nhau ! Qua báo chí năm kia ở Vĩnh Long có một trường hợp người ta cho cưới nhau giữa một cặp vợ chồng cùng giới. Rất tiếc tôi không có điều kiện để xem họ sống với nhau thế nào ! Cái này tôi hơi lạ, chưa từng thấy ! Nhưng vấn đề đồng tính luyến ái thực ra không tốt ! Họ đồng tính luyến ái về yêu đương, về mặt tình cảm đã không tốt nhưng còn hại hơn khi họ có quan hệ tình dục. Tôi nhớ không nhầm pháp luật của mình chưa có quy định về vấn đề này nhưng mình không khuyến khích đồng tính luyến ái. (...) ! Trước hết, tư tưởng nó bệnh hoạn, mà tư tưởng bệnh hoạn nhiều khi dẫn đến hành động cũng bệnh hoạn ! (...) Tôi cho rằng, các nhà khoa học nên ra tay để nghiên cứu và giải đáp cho thanh niên, đó là một hiện tượng xã hội lành mạnh hay không lành mạnh. Chỉ có những nhà khoa học trên cơ sở nghiên cứu về tâm sinh lý của con người, giúp cho thanh niên xác định được việc đồng tính là tốt hay xấu ! Nếu như nó không phương hại đến sức khỏe, không hại gì đến đạo đức lối sống thì không nên cấm ! Nếu nó phương hại đến cuộc sống của con người, của thanh niên, các nhà khoa học nên khuyên thanh niên : Không nên yêu người cùng giới, nhất là không nên sinh hoạt tình dục ! »

« Theo ý kiến riêng của tôi, với trách nhiệm của một người quan tâm về các vấn đề xã hội, **không nên ngay bây giờ ra pháp luật cấm**, không khuyến khích đồng tính luyến ái mà khuyến khích các nhà nghiên cứu, khoa học giúp thanh niên xác định được việc này tốt hay xấu, đúng hay sai để họ tự điều chỉnh hành vi của mình ! » (những chỗ in đậm là do tôi nhấn mạnh)

Độc phát biểu của bà Nguyễn Thị Hoài Thu, thú thực là tôi có những suy nghĩ và cảm nhận trái ngược nhau.

Trước hết, tôi thấy rất đáng hoan nghênh sự thận trọng của bà đại biểu Quốc hội khi bà chủ trương không nên ra luật cấm (ít ra trong lúc này), và chờ đợi tiếng nói của các nhà khoa học. Nếu các đại biểu Quốc hội, ai cũng tìm nghe ý kiến của các chuyên gia trước khi bàn và quyết định việc gì, thì cũng là một tiến bộ lớn.

Mặt khác, tôi không khỏi lo lắng về tình trạng thiếu thông tin, trình độ kiến thức của một vị chủ nhiệm uỷ ban Quốc hội :

- Vụ đám cưới của hai phụ nữ đồng tính ở Vĩnh Long : hai chị này đã vi phạm luật hôn nhân ở Việt Nam chỉ nói đến hôn nhân giữa « hai người », không hề nói « một nam một nữ », nên chính quyền địa phương phải chịu. Sau đó, Quốc hội đã sửa lại luật hôn nhân, Quốc hội, chính quyền và Mặt trận đã làm sức ép, bắt họ ngừng sống chung, và đã huỷ bỏ cuộc hôn nhân đồng tính đầu tiên ấy ở Việt Nam. Đường như những tình tiết này, bà chủ nhiệm không biết.

- Nghiêm trọng hơn, là sự thiếu hiểu biết về thực tại đồng tính trong mọi xã hội, bất luận văn hoá, pháp luật cấm đoán hay chấp nhận, từ đó là những thành kiến khá phổ biến trong một xã hội (hay thành phần xã hội) thiếu thông tin (« bệnh hoạn », « không tốt »...).

Tôi băn khoăn khi thấy một mặt, bà chủ nhiệm dường như chưa hề tìm hiểu hiện tượng đồng tính nhưng đã có sẵn những xác tín dứt khoát, mặt khác, bà chờ đợi các nhà khoa học lên tiếng. Tôi mong rằng bà thực sự cầu thị, muốn tìm hiểu vấn đề và sẵn sàng thay đổi những thành kiến không dựa trên tri thức khoa học. Bà mong muốn các nhà khoa học giúp thanh niên xác định vấn đề. Tôi mong họ giúp cả các đại biểu quốc hội và toàn xã hội nữa.

Ngô Xuân (London, Anh)

ĐÍNH CHÍNH : Trong số trước (trang 2, cột 1), chúng tôi thông báo cuốn phim của đạo diễn Việt Linh : *Mê Thảo Thời xa vắng*. Số này, đã sửa lại cho đúng : *Mê Thảo Thời vang bóng*. Sai lầm này do sự lẫn lộn với một phim khác, vừa hoàn thành : *Thời xa vắng* của Hồ Quang Minh, dựa trên tiểu thuyết cùng tên của Lê Lựu. Xin cáo lỗi cùng tác giả và độc giả.

CONFERENCE Dans le cadre du séminaire de la section d'études vietnamiennes (UFR LCAO), M. **Ngô Đức Thọ**, chercheur de l'Institut Hán-Nôm (Hà Nội) donnera le **mardi 14 décembre 2004 de 18h à 20h** en salle 101 (section d'études vietnamiennes de l'UFR LCAO, tour 24-34, 1er étage) une conférence sur le **Chữ Nam ngọc âm giải nghĩa**.

Université Denis Diderot (Paris VII)
2, place Jussieu, 75005 PARIS
(M° Jussieu, Bus 67, 89)

Phiếu mua báo Diễn Đàn

Họ và tên :

Địa chỉ :

.....

.....

Email :

mua một năm báo Diễn Đàn kể từ tháng (số)

Kèm theo đây là ngân phiếu : €

Giá mua 1 năm báo (11 số)

Pháp (các tỉnh, lãnh thổ DOM TOM) : 40 €

Châu Âu ngoài Pháp : 45 €

Các nước ngoài Châu Âu : 50 €

Bạn đọc ở **Pháp** có thể chuyển thẳng vào trương mục của Diễn Đàn : CCP 4.414.16 W PARIS-DIENDAN (nhưng xin báo cho toà soạn tên và địa chỉ).

Châu Âu thuộc khối Liên hiệp Âu châu UE : có thể chuyển số tiền 45 € vào trương mục của DIENDAN FORUM, số IBAN (International Bank Account Number) đầy đủ là : FR 90 30041 00001 0441614W02076 Bank Identifier Code : PSSTFRPPPAR

Bạn đọc ở **Đức** có thể gửi séc 45 € cho ông Trần, Am Stadtpark 6, D-92237 SULZBACH-ROSENBERG, hoặc chuyển khoản vào trương mục (Überweisung) DIENDAN-FORUM (Bank: SPARKASSE AMBERG-SULZBACH, Konto: 380 48 94 76, blz 752 500 00).

Bạn đọc ở **Thụy Sĩ** có thể thanh toán (70FS/năm) vào trương mục JOURNAL DIENDAN, CCP 12-83273-3, 1211 GENEVE 1. Xin viết thư để chúng tôi gửi phiếu chuyển ngân (bulletin de versement virement).

Bạn đọc ở **Ba Lan**, giá đặc biệt 15\$ US, xin gửi ngân phiếu tương đương (bằng zloti) đề tên CHWISTEK và gửi về toà soạn, hoặc chuyển vào trương mục của M. CHWISTEK, Bank : SLASKI - ODDIZIAL GLIWICE, số ngân hàng và tài khoản : 15 1050 1285 1000 0022 5595 5185.

Bạn đọc ở **Canada** xin gửi séc 70\$ CND đề tên ông DUNG TRAN và gửi về MR TRAN, 4817 Lalande Blvd, Pierrefonds, QUEBEC H8Y 3H4.

Bạn đọc ở **Hoa Kỳ** xin ký séc 50\$ US đề tên ông HOANG NGUYEN và gửi về toà soạn (DIENDAN, B.P. 50, 92340 BOURG LA REINE, France).

Úc và các nước khác : xin gửi 50 € bằng money order đề tên Diễn Đàn về địa chỉ toà soạn :

DIỄN ĐÀN, B.P. 50, 92340 BOURG-LA-REINE (FRANCE)

FAX : 33 1 43 68 91 44 (quốc tế), 01 43 68 91 44 (Pháp)

Email : diendan@diendan.org

Địa chỉ mạng : www.diendan.org

Tin Tức - Tin Tức Tin Tức - Tin Tức Tin Tức - Tin Tức

Lũ ở Trung Bộ làm 37 người chết

Sau vài năm tương đối thuận lợi, thời tiết năm nay đang trở lại khó khăn cho các vùng Trung, Nam bộ.

Tới giữa tháng 11, nhiều vùng báo động hạn hán nặng, đặc biệt là các tỉnh nam Trung bộ, Tây nguyên, diện tích cây trồng bị thiếu nước vượt quá con số 120.000 ha. Bị nặng nhất là Đắk Lắk với gần 64.000 ha (chiếm 83% diện tích gieo trồng) các loại cây trồng vụ thu - đông 2004 bị khô hạn, thiệt hại ước tính lên đến 450 tỉ đồng. Tại Bình Thuận, thiệt hại tới ngày 23.11 ước tính lên hơn 200 tỉ đồng, và hơn 75 nghìn dân trong diện phải cứu đói.

Ngày 22.11, đài khí tượng thông báo cơn bão số 4 tiến gần vào bờ biển nam Trung bộ và đông Nam bộ, các tỉnh từ Ninh Thuận đến Cà Mau biến động rất mạnh, gió giật cấp 8, cấp 9, bắt đầu có mưa. May là, cuối cùng cơn bão (lên tới cấp 11 ở tâm bão) đã vòng xuống phía tây nam, chỉ lướt qua vùng bờ biển Nam bộ và gây thiệt hại không nhiều cho các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long (một ngư phủ mất tích, vài trăm căn nhà bị sập hay bị tốc mái), song lại tưới nước cho hàng chục ngàn hecta lúa ở Bạc Liêu, Cà Mau đang bị khô cạn.

Nhưng Nam bộ vừa thở phào thoát nạn thì thiên tai lại ập xuống các tỉnh trung Trung bộ. Một cơn mưa lũ ào về đột ngột trong đêm 25-26.11, không kéo dài nhưng lại gây thiệt hại nặng nề : ở 4 tỉnh Quảng Ngãi, Quảng Nam, Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế, lũ cướp đi 37 sinh mạng, làm 5 người mất tích, nhấn chìm hàng chục nghìn ngôi nhà (tín ngày 28.11, khi trang báo này được cập nhật lần chót trước khi đưa nhà in). Tại Quảng Trị, mưa lũ gây ngập trên diện rộng làm 10.000 ngôi nhà ở các huyện Hải Lăng, Triệu Phong và thị xã Đông Hà bị nhấn chìm. Trong đó riêng huyện Hải Lăng có tới 8.000 nhà ngập. Tại đô thị cổ Hội An, 500 ngôi nhà cổ bị ngập sâu.

Ngoài ra, diện tích nuôi tôm và cá nước ngọt bị ảnh hưởng nặng chưa tính được thiệt hại. Ở tất cả các tỉnh bị lũ, nhiều tuyến đường, kể cả quốc lộ 1A và đường Hồ Chí Minh (Trường Sơn), bị ngập hoặc sạt lở nặng gây ách tắc giao thông, chưa biết bao giờ sẽ khắc phục xong. Tuyến đường sắt Bắc - Nam cũng bị ngập, các đoàn tàu phải tạm ngưng ở khu vực Huế đến Truồi, thuộc tỉnh Thừa Thiên - Huế... (tín tổng hợp từ 12 đến 27.11.2004)

Báo điện tử VnExpress bị xử lý kỷ luật

Theo báo Hà Nội Mới ngày 9.11, văn phòng chính phủ đã có công văn số 6060/VPCP-VX, ngày 8.11.2004, theo đó : «Sau khi bộ Văn hóa - Thông tin có công văn số

3923/VHTT-BC ngày 25.10.2004 về việc xử lý sai phạm của báo điện tử VnExpress trong việc thông tin sai sự thật xung quanh việc nhập khẩu 78 chiếc ô tô Mercedes phục vụ hội nghị cấp cao Á - Âu lần thứ 5 (ASEM 5), thủ tướng chính phủ có ý kiến cho rằng những sai phạm của báo điện tử VnExpress là đặc biệt nghiêm trọng, không chỉ vi phạm Luật Báo chí và các văn bản quản lý Nhà nước về báo chí, mà còn gây dư luận xấu trong và ngoài nước, tạo điều kiện cho các phần tử xấu kích động dư luận chỉ trích, phê phán, bôi nhọ Chính phủ Việt Nam. »

Tin này cũng được đưa trên đài phát thanh VN cùng ngày. Cả hai báo không nói rõ, theo công văn 6060/VPCP-VX, những sai phạm nào của VnExpress là « đặc biệt nghiêm trọng » và vi phạm Luật báo chí ở điều khoản nào. Người đọc VnExpress thì chỉ thấy tờ báo đưa (ngày 20.9) một thông tin rất bình thường : một sáng kiến cho phép chính phủ có xe sang phục vụ một hội nghị quốc tế tầm cỡ mà không tốn bao nhiêu vì sau đó những chiếc xe này được đưa ra bán lại (và không thiếu người mua, như bản tin ngày 23.9 cũng của VnExpress cho biết !). Hay trong chuyện này có gì mờ ám phải che giấu (số xe này được nhập với thuế suất ưu đãi, có nghĩa là phần thu thuế của nhà nước giảm đi - một cách tự nguyện - mà không hi vọng thu hồi được trong việc bán lại, vì việc bán lại này cũng không qua quá trình đấu giá nào) ? Hay, như nhiều người giải thích, chính những bài « bạn đọc viết » trên VnExpress chung quanh vụ nhập và bán xe này mới chạm nọc những quan chức chính phủ ? Một giải thích có thể là vô đoán, nhưng cũng rất có thể có căn cứ, khi người ta để ý thấy mục « bạn đọc viết » tự dung biến mất trên VnExpress hơn một tháng nay ? Dầu thế nào, phải chăng chính cung cách đối xử thô bạo với báo chí của chính quyền mới là một cách tự bôi nhọ mình « đặc biệt nghiêm trọng », đang « gây dư luận xấu trong và ngoài nước » ? Trong điều kiện ấy, những người có thiện ý không thể mong gì hơn sự sớm tỉnh ngộ của những nhà hữu trách, để trả lại cho VnExpress cũng như những tờ báo khác, những chức năng thông tin và phản ánh suy nghĩ của người dân một cách bình thường, trung thực. Như họ đã cố gắng làm từ mấy năm gần đây, góp phần cải thiện hình ảnh của đất nước.

90 % người bệnh ung thư không được điều trị !

Hàng năm, VN có thêm khoảng 150.000 người mắc bệnh ung thư. Thế nhưng, với mạng lưới của ngành ung thư còn quá mỏng như hiện nay, chỉ có 15.000 bệnh nhân (tức 10 % tổng số người mắc bệnh ung thư) được điều trị.

Con số trên được đưa ra tại Hội thảo ung thư quốc tế do Hội ung thư Việt Nam tổ chức sáng 28/10. Tuy nhiên, theo PGS.TS Phạm Thụy Liên, Hội ung thư Việt Nam : « Con số 10 % bệnh nhân được điều trị có khả năng thấp hơn trong thực tế. Nguyên nhân là do nhiều người bệnh chưa được chẩn đoán đầy đủ, tự điều trị tại nhà. Đa số bệnh nhân ung thư được chẩn đoán muộn... ».

Hội ung thư Việt Nam sẽ quan tâm đến vấn đề tuyên truyền giáo dục phòng bệnh cho mỗi người dân ; giúp đỡ các địa phương đào tạo cán bộ y tế để khi bệnh nhân đến khám có thể chẩn đoán, phát hiện bệnh sớm. Về phương pháp điều trị, sẽ ưu tiên phương pháp phẫu thuật đối với người bị ung thư vì

nước ta còn nghèo chưa có nhiều điều kiện sử dụng tia xạ, hóa chất... (theo VietNamNet 28.10.2004)

Sẽ khôi phục cầu Long Biên như « nguyên trạng »

Cầu Long Biên – cây cầu trên 100 tuổi gắn liền với lịch sử của thủ đô Hà Nội vừa được liên danh tư vấn Thales (Pháp) và tổng công ty Tư vấn thiết kế GTVT (TEDI) trình bộ giao thông vận tải (GT-VT). Theo báo cáo cuối kỳ của dự án đã được bộ chấp nhận, cây cầu sẽ được khôi phục lại nguyên trạng như trước năm 1965 – năm cầu bắt đầu bị máy bay Mỹ đánh phá. Đồng thời, sẽ có thêm một cầu đường sắt mới được xây dựng song song với cây cầu này.

Phương án khôi phục cầu Long Biên theo hai giai đoạn : giai đoạn 1 (đầu tư khoảng 12 triệu euro) gia cố các kết cấu hiện tại để phục vụ giao thông. Đường giữa cầu vẫn dành cho tàu hỏa, đường hai bên dùng cho người đi bộ và xe đạp, xe máy. Sửa chữa, thay thế 53 % dầm gốc, dầm tạm, đặt các vòng vây cọc cán thép quanh các trụ đã được gia cố để chống nước lũ xói mòn.

Sau khoảng 5 – 10 năm, sẽ tiến hành giai đoạn 2 (đầu tư khoảng 136,4 triệu euro). Khi đó, sẽ dành khoảng 85 triệu euro để xây dựng một cây cầu đường sắt mới song song với cầu Long Biên hiện tại, cách khoảng 50m về phía thượng lưu. Cây cầu mới này sẽ phục vụ cho tuyến đường sắt trên cao Yên Viên – Ngọc Hồi. Số kinh phí còn lại (51,4 triệu euro) được dùng để khôi phục cầu Long Biên như trước năm 1965. (Hanoi mới 16.10.2004)

Pháp hợp tác nghiên cứu di tích Hoàng thành

Viện Viễn Đông Bác Cổ Pháp (EFEO) và Viện Khoa học Xã hội Việt Nam vừa ký thoả thuận hợp tác nghiên cứu trong lĩnh vực khoa học.

Trả lời phỏng vấn của báo Lao Động, ông Franciscus Verellen, giám đốc EFEO, cho biết bản thoả thuận này sẽ làm khung cho 3 dự án nghiên cứu lớn là giao lưu văn hóa của Việt Nam với các nước láng giềng, hệ thống hóa kho văn bia của viện Hán Nôm, và nghiên cứu khảo cổ, lịch sử tại khu di tích Hoàng thành Thăng Long.

Đối với dự án nghiên cứu Hoàng thành, ông Verellen cho biết chính phủ Pháp đã ký một dự án tài trợ 100.000 USD, do bộ Ngoại giao Pháp và EFEO đồng tài trợ, để triển khai việc nghiên cứu khu di tích này từ tháng 7 đến hết năm nay. Nhiều chuyên gia xuất sắc của EFEO trong lĩnh vực sử học và bảo tồn đang nỗ lực tham gia dự án này.

Hiện EFEO đã lập một danh sách những công việc dự định hợp tác với các chuyên gia Việt Nam tại khu di tích Hoàng thành, bao gồm thành lập tại khu di tích một trung tâm tư liệu về thành cổ Việt Nam và thế giới, nghiên cứu xác định vị trí chính xác của tường thành qua các thời kỳ, nghiên cứu khảo cổ học (làm catalogue các di vật khai quật được, tìm giải đáp những bí ẩn xung quanh các kết quả khảo cổ), nghiên cứu hệ thống nước và thoát nước của Hoàng thành, bảo tồn di vật, di tích. (Lao Động 12/10/2004)

Lương Quốc Dũng lĩnh án 8 năm tù

Ngày 29.10, toà án Hà Nội đã tuyên phạt Lương Quốc Dũng, nguyên phó chủ nhiệm Ủy ban Thể dục thể thao (tương đương cấp thứ trưởng) 8 năm tù về tội hiếp dâm trẻ em. Sự việc xảy ra vào tháng 12.2003, nhưng mãi hai tháng sau mới bị tố giác (xem Diễn Đàn số 138, tháng 3.2004). Nguyễn Quỳnh Nga (biệt hiệu Nga "Chọi"), người dẫn mối cho ông Dũng, bị án 7 năm tù, cùng với tội danh hiếp dâm. Phần bồi thường dân sự sẽ được tách khỏi vụ án và giải quyết sau theo thủ tục dân sự.

Trong phần thẩm vấn, bị cáo Lương Quốc Dũng luôn khẳng định mình không phạm tội hiếp dâm trẻ em. « Tôi mua dâm và đã trả tiền », bị cáo nói. Tuy nhiên, toà bác bỏ đề nghị của luật sư về việc chuyển đổi tội danh này, vì « *Lời khai của các bị cáo tại phiên toà không phù hợp với trạng thái tâm sinh lý của người bị hại và các chứng cứ khác* ». Sau thời hạn hợp pháp 15 ngày, toà không nhận được đơn kháng cáo của cả hai bị can, song gia đình nạn nhân thì lại kháng cáo vì cho rằng việc tách phần dân sự khỏi vụ án là không hợp lý. (theo VnExpress 29.10, 15.11.2004)

“ Nhà nước hoá ” các hội đoàn “ phi chính phủ ” ?

Theo tin VietNamNet ngày 8.11.2004, vụ Các tổ chức phi chính phủ (bộ Nội vụ) đã hoàn chỉnh một dự thảo Quyết định của thủ tướng chính phủ về việc giao cho các bộ, cơ quan ngang bộ « quản lý nhà nước » đối với những hội đoàn hoạt động trong lĩnh vực do bộ quản lý và vừa đưa ra lấy ý kiến tại cuộc hội thảo do Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam (VUSTA) tổ chức mới đây !

Theo tinh thần của dự thảo quyết định này thì chỉ trừ 6 tổ chức chính trị - xã hội (Mặt trận Tổ quốc VN, Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam, Hội cựu chiến binh Việt Nam, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội nông dân Việt Nam và Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam) không nằm trong đối tượng điều chỉnh, còn lại tất cả các hội đều được đưa vào diện “quản lý” của các bộ và cơ quan ngang bộ. Việc quản lý này thể hiện từ việc ra quyết định công nhận hội đến giới thiệu nhân sự ứng cử vào các chức vụ chủ chốt trong hội...

Như vậy, theo tờ báo, có nghĩa là VUSTA sẽ chịu sự quản lý của bộ Khoa học và công nghệ ; Liên hiệp các hội văn học nghệ thuật Việt Nam, Hội nhà báo Việt Nam sẽ chịu sự quản lý nhà nước của bộ Văn hoá - thông tin ; Hội liên hiệp thanh niên Việt Nam sẽ do Ủy ban quốc gia về thanh niên quản lý ; Hội chữ thập đỏ Việt Nam sẽ “về” bộ y tế ; Hội khuyến học sẽ do bộ Giáo dục đào tạo “cai quản”. Hiệp hội dệt may Việt Nam sẽ “nằm” dưới sự quản lý của bộ Thương mại hoặc bộ Công nghiệp...

VietNam Net cũng cho biết, tuy mới là dự thảo ban đầu, nhưng đã có không ít những ý kiến không đồng thuận.

Tờ báo trích lời của bà Đỗ Thị Vân, trưởng ban tổ chức cán bộ của VUSTA : “ Các hội chuyên ngành nếu không còn độc lập nữa thì liệu có phát huy được tiếng nói của mình với cộng đồng quốc tế nữa hay không ? Trong các vụ kiện tôn, cá tra và cá ba sa gần đây, thử hỏi, nếu dưới “cái ô” của bộ

Thủ sản thì các hội có đại diện được cho quyền lợi của các thành viên để đấu tranh hay không ? "...

Và nêu câu hỏi tương tự : nếu Hội chữ thập đỏ Việt Nam do bộ Y tế quản lý thì cuộc vận động công lý " vì nạn nhân chất độc da cam " đang được tiến hành hiện nay có được cộng đồng quốc tế, các tổ chức phi chính phủ, các hiệp hội... trên khắp hành tinh ủng hộ ?

Những câu hỏi mà cựu bộ trưởng Tài chính Hồ Tế đã gián tiếp trả lời với nhận xét : " Trên thế giới này không có nơi nào mà hội hè, đoàn thể lại " nằm " trong bộ máy nhà nước và hưởng lương từ ngân sách nhà nước cả ". Trừ Việt Nam, nếu bản dự thảo của vụ « Các tổ chức phi chính phủ » được thông qua ?

[☞ người đánh máy không nắm rõ hết sự tình của các hội được nêu trên, nhưng ngây thơ nghĩ rằng, chỉ riêng việc « đưa » Liên hiệp các hội văn học nghệ thuật Việt Nam và Hội nhà báo Việt Nam ra khỏi sự quản lý của ban Tư tưởng văn hoá, đã là một tiến bộ vượt bậc đáng cho mọi người xem bản dự thảo với đôi mắt thiện cảm. Còn như, việc vụ các tổ chức không chính phủ muốn thông qua bản dự thảo này để không còn phải tồn tại nữa, thì chẳng phải là trong chiều hướng lịch sử « nhà nước tự tiêu vong » của chủ nghĩa Mác đó sao ?]

Bắt đầu thực hiện Công ước Berne

Sau quyết định của chủ tịch nước ký ngày 7.6.2004, Việt Nam đã trở thành thành viên thứ 157 của công ước quốc tế về bảo hộ tác phẩm văn học nghệ thuật (thường gọi tắt là Công ước Berne), với hiệu lực từ ngày 26.10.2004.

Từ nay, mỗi cuốn sách dịch xuất bản ở Việt Nam, mỗi bài hát, ca khúc được trình diễn ở Việt Nam đều phải trả tác quyền, như tại các nước thành viên khác của công ước. Ngược lại, bản quyền của các tác giả Việt Nam cũng sẽ được bảo hộ tại các nước thành viên.

Các ca sĩ thường sử dụng ca khúc nhạc ngoại lách đầu ngón ngầm. Nhà xuất bản lo không mua nổi bản quyền, giá sách tăng cao... Tuy nhiên, những người nắm luật lại có cái nhìn hoàn toàn khác. Ông Đào Anh Tuấn, chuyên gia về sở hữu trí tuệ, lạc quan nói : « Cũng như khi luật công ty ra đời thì kéo theo nó là sự nở rộ của các công ty. Phải gọi ngày 26/10 là ngày mở ra một tương lai sáng lạn cho văn học nghệ thuật ». Theo ông, việc thực hiện công ước là để nhạc sĩ sống được bằng bài hát của mình, nhà xuất bản sống được bằng tác phẩm, thay vì như hiện nay, nhiều nhạc sĩ ngán ngẫm vì mất nhiều tháng có khi vài năm mới ra được một bài hát, nhưng nó được sử dụng tràn lan mà không có một chút gì gọi là an ủi với người sinh ra nó !

Tuy nhiên, bà Quách Thu Nguyệt, giám đốc nhà xuất bản Trẻ, lại lo lắng về cơ sở pháp lý trong nước có đảm bảo quyền cho người đứng ra mua tác quyền hay không. Ví dụ như việc nhà xuất bản Trẻ đã đầu tư mua độc quyền dịch mấy cuốn sách của Harry Porter nhưng các sách này do các đơn vị khác xuất bản vẫn nhan nhản trên thị trường. « Cơ quan quản lý phải có cơ chế cho đơn vị thực thi nghiêm túc các quy định mà quốc tế cũng như Nhà nước đề ra và hạn chế tình trạng

cạnh tranh không lành mạnh trong thị trường sách dịch », bà Nguyệt đề xuất.

Theo ông Phạm Minh Thuận, giám đốc công ty phát hành sách Fahasa, sách dịch đang chiếm khoảng 40-50 % tổng lượng sách phát hành ở TP HCM. Trong đó, sách khoa học kỹ thuật, tin học, sinh ngữ có tỷ lệ lớn nhất với 70-80 %. « Chắc chắn giữa năm 2005 trở đi, thị trường sách sẽ biến động, tuy nhiên tôi chưa hình dung được sự biến động cụ thể thế nào. Giá dịch phẩm cao 10 % có thể chấp nhận được còn lên 20-30% thì rất khó cho đơn vị phát hành », ông Thuận nói...

Một vấn đề khác, theo ông Trần Đình Việt, giám đốc nhà xuất bản Tổng hợp TP HCM, hiện có không ít nhà xuất bản của Việt Nam chưa có bộ phận chuyên trách về giao dịch với nước ngoài và cần có sự hỗ trợ của cơ quan quản lý nhà nước như Cục Bản quyền, Cục Xuất bản. Song ở 2 cục cũng chưa hình thành cơ quan chức năng đảm nhiệm. Việc thực hiện bản quyền ở Việt Nam vốn được chằng hay chớ, người bị vi phạm bản quyền có la lên mới được trả tác quyền, còn không thì thôi !

Việt Nam vẫn chưa có một bộ luật riêng về sở hữu trí tuệ đầy đủ, chi tiết và khả thi. (tin tổng hợp các báo hai ngày 26-27.10.2004)

Tin Ngắn

* Cước viễn thông quốc tế của VN được xếp vào loại đắt thứ ba trên thế giới, chỉ sau Cuba và Guyana. Tiền sĩ Lê Đăng Doanh, chuyên gia cao cấp bộ kế hoạch đầu tư, cho rằng khi chưa có cạnh tranh thật sự và bình đẳng thì VNPT còn tiếp tục chiếm thị phần khổng lồ hơn 10 năm nữa (hiện nay, thị phần đó là 92,2 %). Và chắc chắn mục tiêu các doanh nghiệp khác đạt 20-30 % thị phần viễn thông vào năm 2005 không đạt kế hoạch. Và giá cước viễn thông tiếp tục đắt...

* Thu Phương và Bằng Kiều mất quyền nghệ sĩ tại VN. Ngày 22/11, cục Nghệ thuật biểu diễn ra công văn cho biết lý do là vì hai ca sĩ này « tự ý rời bỏ tổ quốc, phát biểu xuyên tạc chế độ dân quyền, vi phạm nghiêm trọng pháp luật VN ». Ngoài đề nghị không sử dụng dưới mọi hình thức các tiết mục biểu diễn và những sáng tác của hai người này, Cục còn buộc các nhà xuất bản phải cắt bỏ các tiết mục của hai ca sĩ khi tiếp tục nhân bản hoặc tái xuất bản những ấn phẩm đã được phép phát hành. Vẫn một phong thái đốt sách hay xóa hình người trên ảnh cũ. Xin miễn bàn thêm !

* « Nếu so với tốc độ làm luật trước đây thì theo tính toán phải cần đến 50 năm mới có thể hoàn chỉnh được một hệ thống pháp luật tương đối đồng bộ. Nhưng với tốc độ mà chúng ta vừa đạt được do đổi mới thì chúng ta cũng cần tới 25 năm nữa. Nhưng 25 năm vẫn là khoảng thời gian quá dài. Tôi đề nghị, chúng ta mạnh dạn nghĩ tới phương án, trong những năm sắp tới chúng ta phải đưa số lượng luật, kể cả chất lượng thông qua tại mỗi kỳ họp là 30 đến 40 luật, thậm chí là 50 luật », chủ tịch quốc hội Nguyễn Văn An tuyên bố như vậy trong kỳ họp quốc hội mùa thu năm nay (chưa chấm dứt khi số báo này lên khuôn). Trong số tới, Diễn Đàn sẽ trở lại một số vấn đề được đặt ra tại kỳ họp này, như luật xuất bản, giáo dục v.v.

Khi lãnh đạo thành phố Hà Nội... cưới 3000 con trâu

LTS : Từ nhiều năm nay, mỗi khi công luận xôn xao, thủ tướng Phan Văn Khải đều cho ra chỉ thị « nghiêm cấm » các cơ quan nhà nước mua sắm và sử dụng xe công vụ sai nguyên tắc và định mức. Cho đến nay, các chỉ thị đó hầu như không có tác dụng, như trường hợp vừa được đưa lên mặt báo và xảy ra ngay giữa thủ đô Hà Nội : theo báo chí, chính người lãnh đạo thành phố Hà Nội, ông Hoàng Văn Nghiên, phó bí thư Thành ủy đảng cộng sản và trước đây là chủ tịch ủy ban nhân dân thủ đô, đang sử dụng một chiếc xe Lexus đời mới giá trên 5 tỉ bạc... tức giá trị hơn 3000 con trâu. Dưới đây, Diễn Đàn đăng lại phản ứng của một công dân trên báo Tuổi Trẻ (11.11.04) và những giải thích trên báo Vietnam Net (9.11.04) của bộ trưởng tài chính Nguyễn Sinh Hùng, người trách nhiệm về chi tiêu ngân sách nhà nước.

Ý kiến của dân

Cưới trên chiếc xe Lexus giá 5 tỉ bạc là tương đương với việc cưới trên 3000 con trâu. Ở một đất nước mà « con trâu đi trước, cái cày theo sau » còn là một thực tế thì cưới trên 3000 con trâu, trên 1000 con trâu hay chỉ trên 500 con trâu thôi thì đều phải tính rất kỹ. Vì con trâu chỉ có thể kéo mãi được cái cày, chứ nó không thể kéo mãi được sự xa hoa.

Ở những đất nước con trâu không còn phải kéo cày nữa, như Thụy Điển, thì xe công cho các quan chức cũng không thể nhiều. Ví dụ, ở quốc hội Thụy Điển chẳng hạn, chỉ có mỗi một mình chủ tịch quốc hội là có xe công vụ. Tất cả các quan chức còn lại đều sử dụng xe công cộng. Nhiều thủ tướng của đất nước này vẫn hàng ngày ra ga tàu điện để đi làm. Nhiều thủ tướng của Hà Lan thậm chí còn đi làm bằng xe đạp. Nếu chúng ta còn phải chịu thua các nước này về sự giàu có thì cũng chớ nên hơn họ về xa hoa.

Xe công vụ có thể là cần thiết cho các chức danh quan trọng của nhà nước. Tuy nhiên, tỷ lệ này chỉ nên ở mức mà nền kinh tế chấp nhận được. Và sự chấp nhận của xã hội cũng rất cần thiết ở đây, vì suy cho cùng, những chiếc xe được quy thành hàng trăm, hàng ngàn con trâu này đều phải mua bằng tiền đóng thuế của người dân.

Đưa tiền xe vào lương là cách làm thiết thực hơn. Cách làm này có mấy cái lợi. Cái lợi thứ nhất là tiết kiệm. Nếu một thứ trưởng với tiêu chuẩn xe trị giá 300 con trâu (2 triệu đồng/con) và thời hạn khấu hao xe là 5 năm, thì mỗi tháng sẽ tiêu tốn khoảng 5 con trâu. Đó là chưa kể đến tiền xăng, tiền bảo dưỡng xe cũng phải mất đến khoảng 2 con trâu nữa. Nếu bù tiền xe vào lương, thì mức cao nhất cũng chỉ vào khoảng 2 con trâu/tháng. Mức này đã gấp hơn hai lần lương của thứ trưởng, nhưng nhà nước vẫn còn tiết kiệm được 5 con trâu nữa. Ngoài ra, việc tiết kiệm thời gian của đội ngũ lái xe suốt ngày ngồi chờ thủ trưởng cũng rất đáng kể.

Cái lợi thứ hai là ngành dịch vụ giao thông có điều kiện

để phát triển. Hệ thống taxi công cộng ở những thành phố lớn hiện nay đã tương đối phát triển và khá tiện lợi. Với một lượng khách hàng mới, dịch vụ này sẽ có điều kiện phát triển hơn. Mà như vậy thì nhà nước cũng sẽ thu thêm được không biết bao nhiêu con trâu nữa dưới dạng tiền thuế.

Cái lợi thứ ba là sự đồng thuận của xã hội. Cưới trên 3000 con trâu thì cũng chẳng khác gì ngồi trên một tổ kiến lửa, nếu như dư luận xã hội chế trách và đàm tiếu.

Ý kiến của quan

Trong cuộc phỏng vấn ngày 9.11, bộ trưởng tài chính Nguyễn Sinh Hùng đã trả lời như sau một số câu hỏi chất vấn của báo chí.

- Theo báo cáo của cục quản lý công sản thuộc bộ tài chính, năm 2002-2003, chúng ta [nhà nước] đã mua 6000 chiếc xe ?

- Cục quản lý công sản không đưa ra báo cáo ấy ! Đây là một thông tin không chính xác [nhưng bộ trưởng cũng không cho biết con số chính xác đó là bao nhiêu]. Nói chung, tình hình mua xe cũng đúng với tiêu chuẩn. Thực tế hàng năm bộ tài chính đều có kiểm tra cái nào mua vượt tiêu chuẩn. Bởi vì ‘anh’ bị xuất lệnh tiền mua, báo cáo lên ‘mình’ biết. Biết thì xử lý ngay.

Bây giờ chỉ còn một chuyện : tính toán thế nào đó để dẹp bớt xe công đi ? Nhưng muốn dẹp xe công, phương tiện đi lại phải bảo đảm. Ở các nước khác, phương tiện công cộng nhiều, người lãnh đạo có thể đi bằng phương tiện đó. Hơn nữa, xe tư người ta nhiều, không đi xe công mà đi xe tư. Mình xe tư không có, chẳng lẽ bảo lãnh đạo đi xe ôm ?

- Tại sao chúng ta không tịch thu tất cả những xe mua vượt định mức, tiêu chuẩn ?

- Khi tôi trình qui định đưa ra các mức để từ nay dừng chơi xe loại sang nữa, lúc bấy giờ có câu chuyện : Thế nhưng đã mua rồi thì làm thế nào ? Tất cả những xe đã mua ấy đem ra đấu giá hết chẳng ? Lại xét hiệu quả : ‘Cậu’ đang đi xe 800 triệu đồng, tiêu chuẩn của ‘cậu’ chỉ được 600. Bây giờ tôi lấy xe 800 triệu đồng mang ra đấu giá để bán thì bán cho ai ? Để đâu mà bán và bán có được 500 triệu đồng hay không ?

Khi ‘anh’ lấy xe thì anh phải cấp cho người ta xe mới 500-600 triệu đồng đã. Tiền đâu cấp, nếu không cấp người ta đi bằng gì ? Như vậy xử lý vấn đề phải bình tĩnh. Đã có ý kiến tịch thu hết. Tính đi tính lại, thế này thì đem cả bãi sông Hồng mà để xe tịch thu ! Như vậy có phải dở không ?

Còn trách nhiệm của người chi tiền ?

Không chi không được ! ‘Anh’ chi không có quyền bác lệnh của cấp có thẩm quyền. Bởi vì ‘mình’ đã phân cấp. Người chịu trách nhiệm là người ra lệnh xuất tiền chứ không phải người chi tiền đâu !

- Có vị thứ trưởng nói rằng đưa tiền xe vào lương, ông ấy sẵn sàng đi xe ôm ?

- Chúng tôi đang nghiên cứu cái này, nhưng thấy lớn quá. Thứ trưởng, cấp thứ trưởng cũng nhiều. Trong xã hội ta có người lĩnh lương 10-15 triệu cũng khó...

Văn Tiến ghi

Liên hoan phim Buôn Ma Thuật :

Bộ trưởng văn hoá trực tiếp chỉ đạo ban giám khảo

Được tổ chức tại Buôn Ma Thuật, Đắk Lắk, tháng 11 vừa qua, liên hoan phim Việt Nam lần thứ 14 đã trao giải thưởng bông sen vàng phim truyện nhựa cho bộ phim *Người đàn bà mộng du* của Nguyễn Thanh Vân (Hãng phim truyện Việt Nam). Bộ phim này cũng đoạt hầu hết các giải quan trọng khác: đạo diễn, quay phim, nữ diễn viên chính, nam diễn viên phụ. Giải đặc biệt của liên hoan phim, có giá trị tương đương với bông sen vàng, được trao cho bộ phim *Nguyễn Ái Quốc ở Hồng Kông* của các đạo diễn Khắc Lợi (hãng phim Hội nhà văn hợp tác với Trung Quốc) và bông sen bạc cho ba phim: *Lưới Trời* của Phi Tiến Sơn (Hãng phim truyện 1), *Hà Nội 12 ngày đêm* của Bùi Đình Hạc (phim đặt hàng của Hãng phim truyện Việt Nam) và *Những cô gái chân dài* của Vũ Ngọc Đăng (hãng phim tư nhân Thiên Ngân).

Điều đáng ngạc nhiên là, lần đầu tiên sau một liên hoan phim, dư luận báo chí - kể cả các báo « chính thống » như *Nhân Dân*, *Quân đội Nhân dân* hay *Sài Gòn Giải Phóng* - hầu như đồng thanh đánh giá giải thưởng bông sen vàng trao cho *Người đàn bà mộng du* không được thoả đáng, trong khi một số phim khác, như *Mê Thảo* của Việt Linh và *Thời xa vắng* của Hồ Quang Minh, « bị đứng ngoài cuộc thi ». Các lời phê bình đều nhấn mạnh đến « thủ pháp cũ kỹ » của đạo diễn Nguyễn Thanh Vân và động cơ « an toàn » trong chọn lựa của ban giám khảo. Thật ra, sự khác biệt trong đánh giá nghệ thuật giữa công luận và một ban giám khảo liên hoan phim, tự nó, không phải là một điều bất bình thường hay chướng tai gai mắt, nếu đó quả là chọn lựa thật sự của ban giám khảo. Nhưng ở đây, hình như không phải như vậy !

Ngay trước khi liên hoan phim khai mạc ở Buôn Ma Thuật, báo chí cho biết ban giám khảo đã « cơ bản » chấm xong các giải thưởng tại Hà Nội và nhận xét rằng những giám khảo năm nay « đặc biệt kín tiếng », có lẽ vì - rút kinh nghiệm những liên hoan trước - « kết quả có thể có sự điều chỉnh sau cuộc họp của ban giám khảo với ban chỉ đạo liên hoan phim ». Người ta còn được biết rằng đứng đầu « ban chỉ đạo » liên hoan thứ 14 là bộ trưởng văn hoá-thông tin Phạm Quang Nghị, và chính ông Nghị « đích thân kiểm tra phiếu của ban giám khảo và bàn bạc với ban giám khảo để có được giải thưởng đúng với chất lượng vàng ». Đêm bế mạc liên hoan phim ở Buôn Ma Thuật, trong buổi lễ trao giải được truyền hình đi khắp nước, người xem đã nghe rõ người giới thiệu chương trình, 'MC' Thiệu Ánh Dương, lơ lửng nói vào micro : « Giải

thường của ban giám khảo chỉ là đề nghị, kết quả của ban chỉ đạo liên hoan phim mới là quyết định cuối cùng » ! Và sau khi nghe tuyên bố kết quả chính thức, một thành viên ban giám khảo đã chửi thề và giải thích cho nhà báo : ban giám khảo đã quyết định một danh sách khác, nhưng sau khi bộ trưởng Phạm Quang Nghị xuất hiện và ra lệnh thì tất cả kết quả trước phải huỷ hết, và chỉ còn kết quả cuối cùng từ lệnh miệng của bộ trưởng mà thôi...

Đây không phải là lần đầu tiên mà kết quả của một liên hoan phim được áp đặt từ trên. Năm 1999, sau liên hoan phim thứ 12 ở Huế, chủ tịch ban giám khảo phim truyện nhựa, đạo diễn Vũ Xuân Hưng, có tiết lộ qui chế chuyên quyền của ban chỉ đạo (lúc đó do bộ trưởng văn hoá - thông tin Nguyễn Khoa Điềm đứng đầu) : các thành viên ban giám khảo không những không được phép chứng kiến cuộc kiểm phiếu bầu chọn mà cũng không được quyền biết kết quả mà họ bầu chọn trước khi nó được công bố ở liên hoan phim [xem *Diễn Đàn* tháng 5 và 6 1999]. Như vậy là năm năm sau, cung cách chỉ đạo của bộ văn hoá vẫn như cũ và người phán quyết cuối cùng các giải thưởng vẫn chưa phải là ban giám khảo liên hoan phim.

Trong khi đó, công chúng xem phim không còn như cũ, đặc biệt là trong khán giả thanh niên đã có nhiều đổi thay. Qua những tiếp xúc khá rộng với điện ảnh nước ngoài - đặc biệt nhờ các đĩa DVD - đã hình thành trong công chúng những yêu cầu thẩm mỹ mới và một thói quen của khán giả đi xem phim trở lại ở rạp chiếu bóng. Đáng chú ý là sự xuất hiện của các trang web dành cho những ai đam mê điện ảnh - như *yxine.com*, *moviesboom.com...* - trên đó người truy cập tìm thấy các thông tin, phê bình và trao đổi tự do, chân thực và sâu sắc không thể có trên các phương tiện truyền thông cổ điển. Đêm bế mạc liên hoan phim Buôn Ma Thuật, *yxine.com* đã trực tuyến theo dõi và bình luận kết quả các giải thưởng. Người ta đã có thể đọc ý kiến thẳng thắn như sau : « Những gì động lại sau buổi lễ là những cảm xúc lẫn lộn, bức xúc, phẫn nộ, thất vọng, và cảm thấy mình như một thằng ngốc khi ngồi 2 tiếng đồng hồ theo dõi một cái màn hình bé xíu trên Internet ». Hay : « Sự sáo mòn, cũ kỹ, lặp lại, trì trệ, uể oải trong cách làm phim, trong tư duy làm phim vẫn còn được ưu ái ». Hoặc nhận định cá nhân khá triệt để : « Đó là kết quả của những cái đầu cũ điều khiển cả một hệ thống quan liêu, những nhiều từ trên xuống dưới. Không biết một đời người có đủ dài để cho tôi chờ đợi một sự thay đổi hay không ? ». Khái quát hoá cảm nhận về nền điện ảnh Việt Nam mà không ít người chia sẻ, một thành viên trong *yxine.com* đã sử dụng câu thoại của bộ phim truyện được trao bông sen vàng « Có lẽ, tôi đã sống với người chết quá lâu » : « Đó là câu nói ẩn tượng và gần như lý giải hết tâm lý của người đàn bà mộng du mà cuộc đời cô như con tàu cứ mãi đi qua những nhà ga xếp nhỏ trong đời. Nó cũng lý giải được phần nào ý nghĩa của giải thưởng bông sen vàng và nhiều giải thưởng khác trao cho *Người đàn bà mộng du* ». Đúng là điện ảnh Việt Nam đã sống với người chết quá lâu...

[Lao động 6.11; *yxine.com* 7.11 ; Thanh Niên Online 8.11; Doanh Nhân Sài Gòn 10 và 13.11 - M.A. tổng hợp tin và bình luận]

Nông dân bỏ ruộng

LTS. “ Vấn đề dân cày”, theo luận điểm nổi tiếng của Qua Ninh và Văn Đình (Trường Chinh và Võ Nguyên Giáp), là vấn đề cốt yếu quyết định thành bại của cách mạng VN ! Song, từ giữa những năm 1950, các chính sách cải cách ruộng đất kiểu Mao-ít, chính sách hợp tác hoá cưỡng bách... đã nhiều lần làm điều đúng ruộng đồng VN. Mãi cho tới những cải cách của cuộc “ đổi mới” từ hơn một thập kỷ nay. Tuy nhiên, người ta vẫn thường xuyên thấy nhiều vấn đề chính trị, xã hội ở nông thôn không được chú trọng đầy đủ. Hiện tượng “ nông dân bỏ ruộng”, mà bài phóng sự của báo Lao Động nêu ra dưới đây, liệu có được những nhà hữu trách quan tâm hơn ?

Thành ngữ “nông bất ly hương” đã không còn đúng khi hàng vạn nông dân rời vườn ruộng tha hương kiếm sống. Điều gì đang diễn ra đằng sau hiện tượng này ? Và liệu nó có thể ảnh hưởng đến chiến lược an ninh lương thực và hàng loạt vấn đề việc làm cho nông dân ?

Trả ruộng, bán ruộng - đi làm thuê

Khảo sát sơ bộ của chúng tôi cho thấy rất nhiều hộ dân ở một số tỉnh Thanh Hoá, Ninh Bình, Nam Định... đang có nhu cầu bán ruộng. Họ đang sẵn sàng cho cuộc “ly hương” với niềm hi vọng mong manh sẽ tìm được một việc làm mang lại thu nhập 10 - 15 nghìn đồng/ngày. Ở một số huyện thuộc Thái Bình - nông dân đang ô ạt trả ruộng cho thôn, cho xã. Nguyên nhân có nhiều nhưng cơ bản do giá phân bón, giống cây trồng, các loại dịch vụ tăng quá cao, các khoản đóng góp cho xã hội đã vượt quá sức chịu đựng của người nông dân khi đảm nhận ruộng khoán Nhà nước giao.

Không lãi sao làm được !

Chị Phạm Thị Hoa (xã Vũ Quý, Kiến Xương, Thái Bình) - người nông dân đầu tiên tôi gặp trong hành trình tìm hiểu hiện tượng nông dân trả ruộng ở quê lúa - vừa gầy rơm, vừa nói : “ Một sào rươi đầy chú ạ, vừa gặt xong được đúng 50kg thóc. Không cấy lúa chẳng biết làm gì, cấy thì thu chẳng đủ bù chi. Anh nhà tôi đang bàn trả hết ruộng cho xã, lên Hà Nội ai thuê gì làm đó, kiếm 5-7 nghìn/ngày cũng được. Ở cái thôn này đây nhà trả ruộng rồi”.

Nhà bà Lương Thị Diệp (thôn Luật Ngoại, xã Quang Lịch) vụ mùa này cấy tám sào, cho thu hoạch được 7 tạ thóc, tính ra mỗi sào lỗ gần 100 nghìn đồng. Bà Diệp thở dài : “ Tính toán chỉ lý, nhà tôi có 6 sào ruộng khoán thuộc loại đất quỹ 1, 2 sào thuộc đất quỹ 2 của hai đứa cháu (đất quỹ 2 là đất do xã cho những công dân sinh sau khi chia ruộng năm 1993 mượn). Hai sào này năng suất lắm đạt 1,6 tạ thóc/ vụ, như vụ này do bị rầy nâu cắn phá chỉ đạt 50kg/sào. Mỗi vụ xã thu 40kg sản cộng với các khoản chi phí phân bón, cây bừa, các loại thuốc trừ sâu vậy là sạch sành sanh. Chúng tôi có ruộng không thể làm được.

Còn cho người khác thuê để làm một vụ đóng 60kg thóc mà họ đang còn ngắc ngứ không muốn cấy, anh bảo như vậy chúng tôi ăn gì ? Năm ngoái đã có trường hợp dân trả ruộng cho xã, xã cho đầu trâu 25kg/sào mà người nhận còn không muốn cấy, bỏ ruộng hoang. Bây giờ bắt buộc phải cấy đất quỹ 1 vì Nhà nước đã không thu thuế nông nghiệp. Nhưng còn các khoản đóng góp, các khoản chi phí khác nặng gánh quá. Dân chúng tôi khó khăn nên các loại phân bón, thuốc trừ sâu đều phải mua chịu, đến mùa có hạt thóc bán đi mới có tiền trả, họ tính lãi thóc lại tụt giá, bình thường 200 nghìn đồng 1 tạ nhưng vào mùa chỉ được trăm tám, trăm chín thôi”.

Bà Diệp cho biết đang làm đơn xin trả lại cho thôn 4 sào ruộng. “ Lên thành phố làm “ Ôsin” bẽ con cho người ta một tháng còn kiếm được 200 - 300 trăm nghìn đồng, tính ra hơn tạ thóc bằng cả vụ trồng lúa. Lương cán bộ nhà nước tăng bao nhiêu, nông dân khổ bấy nhiêu, giá cả thị trường tăng vùn vụt, gói thuốc sâu trước 2.000 đồng giờ tăng lên 2.500 đồng, phân đạm 3.500 đồng/kg nay tăng lên 5000 đồng/kg, phân lân tăng từ 36 nghìn đồng lên 42 nghìn đồng/bao 25kg. Bỏ ruộng hoang thì không đành, tốt hơn cả cứ trả lại cho xã, họ giao cho ai, ai có đủ khả năng cứ nhận mà làm ”.

Cao trào trả ruộng

Tôi ghé qua nhà ông Phạm Văn Tâm - trưởng thôn Luật Ngoại, xã Quang Lịch. Có 4-5 người đang ngồi chăm chú xem ông Tâm ghi ghi chép chép. Tường hợp hành gì, ai ngờ ông đang làm cái công việc ghi tên các chủ hộ đến trình bày “ nguyện vọng” được trả ruộng để trình lên UBND xã.

Sau màn chào hỏi, ông trưởng thôn thở hắt ra. Những năm gần đây do giá cả phân bón, các khoản chi phí cho đầu vào sản xuất quá cao nhưng đầu ra lại thấp. Vụ mùa năm này, lúa Q5 thương lái cũng chỉ mua với mức cao nhất là 200 nghìn đồng/ tạ. Tính chi phí cho 1 sào ruộng vừa hết, hầu như hộ nông dân nào cũng lỗ, mà là lỗ quá nặng. “Tôi khẳng định với anh ở thôn Luật Ngoại, hiện tượng bỏ ruộng, trả ruộng lại cho trưởng thôn là có thật, những nhà còn làm là bắt buộc dĩ do họ không tìm được việc gì để kiếm sống. Riêng thôn này cư dân nông nghiệp chiếm 97%, không nghề phụ. Tôi cảm thấy chưa khi nào người ND lại bức xúc như hiện nay. Thôn đang thu sản, song đã có một số hộ đến trả ruộng. Thôn có 90,77ha đất canh tác nhưng ở khu dân cư số 2 đã có gần 10 hộ dân trả lại 30 sào gồm gia đình anh Lượng 1 sào, Chương 1,7 sào, Điện 1,5 sào, Toán 0,7 sào, ông Phạm Văn Vượng 4,5 sào... ngoài ra còn rất nhiều hộ khác cũng đang nói sẽ trả ruộng trong vài ngày tới”.

Xã Đông Phương, huyện Đông Hưng đã có hàng chục hộ dân nộp đơn cho ông Chủ tịch Nguyễn Đức Tiêm - khước từ canh tác hơn 20ha đất nông nghiệp thuộc khu đồng Chiều Ngâm.

Thôn 1, xã Quang Lịch, huyện Kiến Xương có 10 hộ dân trả hơn 5ha ruộng. Thôn Đoài, xã Hoà Bình, huyện Kiến Xương có hơn 20ha đất thuộc xứ đồng Cổng Ngâm các hộ dân cũng đang trả lại cho thôn.

Nông dân trả ruộng ở các địa phương ngày một nhiều

nhưng đến nay các ngành chức năng tỉnh Thái Bình vẫn chưa hay biết gì. Trao đổi với chúng tôi ông Phạm Anh Đức - Chủ tịch huyện Kiến Xương - vẫn khẳng định chắc như đinh đóng cột. " Huyện tôi không có hiện tượng nông dân trả ruộng, hơn 13.700ha đất canh tác nông nghiệp chưa có một héc-ta nào bỏ hoang ". Ông còn tự hào : " Kiến Xương có 46 cánh đồng 50 triệu/ha trong đó 23 cánh đồng đạt 60-80 triệu/ha. Đây cũng là huyện có trình độ thâm canh cây lúa đạt năng suất cao nên 3 năm qua luôn đạt sản lượng lương thực cao nhất tỉnh ".

Ồ ạt bán ruộng

Khác với Thái Bình, ở một số tỉnh, tuy chúng tôi chưa thấy có hiện tượng nông dân trả ruộng nhưng bán ruộng thì nhiều. Vào nhà chị Trần Thị Quy (thôn 19 xã Dân Lực, huyện Triệu Sơn, Thanh Hoá), vừa thấy tôi hỏi muốn mua ruộng đã có 4-5 người kéo đến. " Chú mua ruộng làm gì ? Mua nhiều không ? Ruộng mỗi thửa nằm một nơi không liền nhau có mua không ? ". Tôi nói mua tất.

Một chị tên Hoa hồ hởi : " Nhà có 3 sào, nếu chú mua thì thống nhất giá cả, bàn giao ruộng xong vợ chồng tôi cuốn gói vào Nam luôn " Sau khi thống nhất giá cả với mức 10 triệu/sào, tôi hẹn mấy hôm nữa quay lại. Qua xã Quảng Thịnh, huyện Quảng Xương tôi gặp chị Nguyễn Thị Khuyên thôn Gia Lộc. Chị bán 2 sào, đòi 13 triệu một sào, giá ấn định 12 triệu, khởi mặ cả, bán trọn gói từ nay đến khi Nhà nước thu hồi đất (2013). Tôi kèo nèo, chị nói : " Nhà ông Nguyễn Như Bình ở thôn Tiến Thọ vừa bán 6 sào giá 14 triệu/sào. Chú cứ ra đó xem nếu ưng vào đây chồng tiên, tôi viết giấy giao luôn ".

Thực trạng người nông dân không còn mặn mà với nghề nông đã đến lúc báo động, cần được Đảng và Nhà nước đặc biệt quan tâm. Người dân đang mong chờ vào những quyết sách đúng đắn của Chính phủ để có thể làm việc và sống được bằng mảnh ruộng của mình.

197 nghìn đồng/vụ cho 1 sào ruộng (360m²) ở đồng bằng Bắc Bộ gồm: Phân đạm 8kg = 40.000đ, phân kaLi 5kg = 25.000đ, phân lân 25kg = 40.000đ, thuốc trừ sâu, trừ cỏ cộng công phun = 35.000đ, công thuê cày bừa làm đất = 25.000đ, nilon bao quanh ruộng chống chuột cắn phá lúa 1kg = 20.000đ, thóc giống 3kg = 10.000đ, và 3 tạ phân chuồng cùng công chăm bón.

1.000 đồng/ngày là thu nhập bình quân của ND làm ruộng. Tính theo năng suất bình quân thu được từ một sào ruộng trong điều kiện canh tác tốt, thời tiết thuận lợi đạt 2,0 - 2,2 tạ thóc/vụ (quy sang tiền là 400 - 440 nghìn đồng. Trừ 197 nghìn đồng chi phí sản xuất, nông dân còn phải đóng: 40kg sản cho quỹ đất loại 1, bằng 80 nghìn đồng. Tiền nông giang 4kg thóc/vụ bằng 8 nghìn đồng. Sửa chữa mương máng 1,2kg thóc/vụ bằng 2.500 đồng. Công thổ lúa 2 xe/sào bằng 12 nghìn đồng. Trừ hết mọi khoản còn lãi gần 100 nghìn đồng chia cho 90 ngày.

(ghi chép của Anh Tuấn)

Lao Động, 21/11/2004

Thư từ Mỹ

(tiếp theo trang 1)



Lỗi Kerry ? Như tôi đã viết trong thư tháng 10, nhìn lại thì sự im lặng của Kerry trước những cáo buộc dối láo của bọn *Swift Boat Veterans for Truth* (một nhóm tự xưng là cựu đồng ngũ với Kerry) và trong những ngày đại hội đảng Cộng hoà, là một lỗi lầm chiến thuật rất lớn của Kerry. Khi Kerry công khai phản kích những vu khống này thì đã trễ, các cuộc thăm dò dư luận cho thấy ông đã tụt quá xa. Sau này biết thêm là Kerry hay chần chừ, thiếu quyết định. Lúc ấy, Kerry muốn trả lời ngay, nhưng rồi lại nghe một số cố vấn, đổi ý.

Hai sự cố nữa cũng là lỗi lầm của Kerry. Một lần, khi được yêu cầu giải thích tại sao ông bỏ phiếu chống chi thêm 87 tỉ đô la cho Iraq, Kerry phân trần : " Tôi bỏ phiếu thuận trước khi tôi bỏ phiếu chống ! ". Một lần khác, khi được hỏi nếu đã làm tổng thống thì ông có đánh Iraq không, thì ông trả lời " Yes ! ". Hai câu này đã bám theo Kerry suốt mấy tháng tranh cử. Phe Bush tha hồ dùng chúng để cười nhạo, chỉ trích Kerry thay đổi lập trường như chong chóng, gieo nghi ngờ trong cử tri về con người của ông ta.

Kerry thay đổi bộ tham mưu không dưới ba lần, lần chót là chỉ hai tháng trước ngày bầu cử. Nhóm sau cùng (đa số là người của Clinton) tuy có kinh nghiệm và thực tài, và nhờ họ mà con thuyền Kerry có vững lại đôi chút, nhưng lại bị vợ Kerry nghi kỵ, không ưa. Mà những người này cũng có lỗi : Kerry đã van nài họ giúp từ năm ngoái nhưng họ lại ham tiền (bận làm ăn béo bở với thân chủ riêng) nên cứ thoái thác. Sự thật là ít người (kể cả những cố vấn của ông) hiểu rõ Kerry, thật tình sống chết với Kerry.

Là nghị sĩ hai mươi năm nay, Kerry quen lối ăn nói dài dòng, quanh co, rào trước đón sau của các chính trị gia lập pháp. Ông đưa ra hàng loạt chương trình, chính sách, nhưng không ai rõ được cái nhìn xa (nếu có) của ông. Thú tiêu khiển của Kerry cũng là xa lạ với đa số dân Mỹ : chạy xe đạp (mặc trang phục ô-mét người như của ro Tour de France), trượt tuyết (và té tẹo vai !), lướt ván buồm (windsurfing) trên biển.

Dù có nhiều nhược điểm như thế, nhưng nhờ ba lần đầu khẩu trên truyền hình Kerry cũng đã phục hồi đến mức ngang ngửa với Bush trong các cuộc thăm dò dư luận. Theo sự “tự kiểm thảo” của chính bộ tham mưu phe Kerry thì có ba cụm vấn đề trong bầu cử kì này : vấn đề Iraq, vấn đề kinh tế, và vấn đề “giá trị văn hoá”. Theo họ, những tin tức dồn dập về Iraq trong hai tuần trước ngày bầu cử (nhất là vụ mất chất nổ ở Al-Qaqua và băng video của Bin Laden) đã át tiếng nói của Kerry về vấn đề kinh tế, cho phép Bush đánh lá bài “giá trị văn hoá”. Họ nói thế, song theo tôi thì lá bài kinh tế (thường là đặc chiêu của đảng Dân chủ) cũng không chơi mạnh được trong tay Kerry vì phong thái lãnh đạm của ông ta, mà ông lại có bà vợ quá giàu. Thế nên khi Kerry bảo là ông “thông cảm” với cảnh đầu tắt mặt tối của đa số gia đình Mỹ thì cũng hơi khó tin. Thực vậy, theo tôi, sự kiện “sốc” nhất là đa số cử tri phụ nữ (thường lo nhiều hơn về hoàn cảnh gia đình, và hay ủng hộ đảng Dân chủ) lại chọn Bush thay vì Kerry.

Tuy có người đổ lỗi cho Kerry như nói trên, song thực sự thì số này không nhiều (so với những lần bầu cử trước), bởi vì kì này tương đối là đảng Dân chủ đã đoàn kết chung quanh Kerry (kể cả bộ tham mưu của ông cũng gồm hầu hết “tinh hoa” của đảng Dân chủ). Kerry cũng không thiếu tiền tranh cử, không thiếu người đi gõ cửa vận động cử tri. Tất nhiên Kerry không là một ứng cử viên thập toàn (có ai được thế đâu ?) nhưng khó nói rằng một Howard Dean, hay một Hillary Clinton đã có thể khá hơn ông.

*

Lỗi đảng Dân chủ ? Nhiều người cho rằng đảng Dân chủ thua vì chẳng biết cách gói ghém “thông điệp” của họ. Nhưng nên gói ghém sao cho đúng ? Một số lớn cho rằng đáng lẽ đảng Dân chủ nên nói nhiều hơn về “trách nhiệm đạo đức” và “giá trị văn hoá”, dẫn chứng với kết quả thăm dò là 22 % cử tri cho biết “giá trị đạo đức” là quan tâm hàng đầu của họ (và 79 % số này bỏ cho Bush). Song, nhìn kĩ thì chưa chắc như thế. Một là, con số này là giảm xuống từ 35 % năm 2000, và 40 % năm 1996. Hai là, cụm từ “giá trị đạo đức” trong câu hỏi thăm dò cử tri là rất chung chung, mơ hồ, mỗi người có thể hiểu một cách. (Thật vậy, nếu những vấn đề khác, như kinh tế, ngoại giao, mà được hỏi một cách chung chung như thế thì quan tâm về “kinh tế” sẽ lên hàng đầu và về “đạo đức” sẽ xuống hạng bét.)

Ngược lại, nhiều người thì nghĩ như Thomas Frank (xem thư tháng 9 của tôi) rằng lỗi của đảng Dân chủ là đã không nhấn mạnh đến những vấn đề kinh tế, mà xưa nay dân Mỹ vẫn tin là đảng này có chính sách hữu hiệu hơn. Theo họ, vì ít nhắc đến quyền lợi kinh tế của dân Mỹ, đảng Dân chủ đã vô hình chung nhường sân chơi cho đảng Cộng hoà hù dọa dân chúng với “kẻ thù” trong lẫn ngoài nước theo định nghĩa của đảng này : Trong nước thì có đòi hỏi hôn nhân của người đồng tính, văn hoá đồi trụy, chẳng hạn, còn ngoài nước thì có khủng bố, Bin Laden, tất nhiên. Dân Mỹ đâm lo sợ và bỏ phiếu cho “lãnh tụ mạnh”, tín đồ đạo chúa George W. Bush.

Nhiều người khác, trong cả hai đảng, cho rằng đảng Dân chủ thua kì này vì thiếu một “cái nhìn xa, toàn cục” cho một thế giới mới. Nhà bình luận bảo thủ David Brooks, chẳng hạn, đưa ra giả thuyết rằng có một thay đổi sâu rộng trong xã hội Mỹ (nhiều người từ thành phố dời nhà ra ngoại ô, trở thành bảo thủ hơn) mà đảng Dân chủ không nhận thấy. Song nhìn vào các con số thì giả thuyết của Brooks không vững : mức ủng hộ Bush ở các đô thị tăng lên 10 % (giảm 2 % ở thôn quê, và giảm 9 % ở các thành phố nhỏ). Cũng có người nói đến luồng di dân từ các tiểu bang miền bắc (phóng khoáng) xuống miền nam (bảo thủ). Nếu có dịp thì tôi sẽ viết thêm về vấn đề này.

Chính những người đảng Dân chủ cũng nhìn nhận rằng Bush thắng không phải vì số phiếu của những người *evangelical* (phái Tin lành cực đoan) tăng vọt kì này, mà vì Kerry không thu hút được phiếu những người tuy không là *evangelical* nhưng không tìm thấy ở đảng Dân chủ (và Kerry) một “nguyên tắc chỉ đạo” (guiding principle) nào. Nói cách khác, theo họ, đảng Dân chủ cho ấn tượng là chống tôn giáo. (Tất nhiên, những người đảng Cộng hoà thì vui vẻ khẳng định đây không phải là “ấn tượng” gì sắt, đảng Dân chủ là thật sự chống đạo chúa !)

Về mặt chiến thuật, phải nói rằng đảng Dân chủ đã thành công trong việc vận động (khá rầm rộ !) giới trẻ đi bầu, và nâng cao số người tham gia bầu cử nói chung. Tuy nhiên, họ không để ý là đảng Cộng hoà cũng tích cực (nhưng khôn ngoan lảng lạng) huy động người ủng hộ của họ (nhất là qua các nhà thờ) đi bỏ phiếu. Kết quả cho thấy đảng Cộng hoà đã trội hơn trong khâu này.

Đảng khác, con số ba triệu rưỡi phiếu chênh lệch chưa chắc là phản ánh sự ủng hộ Kerry kém Bush đến thế. Có giả thuyết cho rằng những người ủng hộ Bush thường nồng nhiệt hơn, và họ vẫn đi bỏ phiếu dù sống trong các tiểu bang mà ai cũng biết trước là Bush sẽ thắng đậm. Còn dân ủng hộ Kerry thì “lè phè” hơn, và nếu họ sống ở những bang mà Kerry đã chắc chắn thắng (như California, New York, hay Illinois) thì họ có thể nghĩ lá phiếu của họ là không cần thiết, và không đi bầu !

Dù sao, phải nhìn nhận là nội bộ đảng Dân chủ, và phe cấp tiến nói chung, cũng ít đổ lỗi nhau sau bầu cử (cho đến nay). Khách quan mà nói thì đảng Dân chủ kì này vận động tranh cử cũng khá. Trong quá khứ, gần ngày bầu cử là đảng Dân chủ phải cắt bớt quảng cáo vì hết tiền, nhưng lần này thì họ quảng cáo trên TV rất hăng đến phút chót, không thua đảng Cộng hoà. Và đảng Dân chủ cũng có nhiều thành công nổi bật đáng học hỏi cho tương lai. Ở Montana, chẳng hạn, tuy là tiểu bang miền tây (và Bush thắng lớn), người đảng Dân chủ lại được bầu vào mọi chức vụ khác, từ thống đốc trở xuống.

*

Lỗi dân Mỹ ? Đối với những ai theo dõi thời sự, có tư tưởng tiến bộ (trong đó hẳn có người viết và đọc thư này !) thì, dù Kerry không phải là một ứng cử viên lý tưởng, hay đảng Dân chủ phạm nhiều lỗi lầm, cũng khó hiểu tại sao 51 % dân Mỹ lại có thể bỏ phiếu cho một người như Bush, tiếp tục bốn năm nữa chính sách bốn năm qua. Không

trách có người kết luận : Đa số dân Mỹ hẳn là ngu dốt, mê muội, nhẹ dạ, hẹp hòi, nếu không là mất trí hoàn toàn.

Cụ thể hơn, những người này đổ lỗi cho những người theo “ đạo chúa toàn thống ” (Christian fundamentalists). Vai trò của nhóm này trong cuộc bầu cử vừa qua rõ ràng là có tính quyết định (và chính họ sẵn sàng nhận, thậm chí thối phong, “ công trạng ” ấy). Đây là những người rất bảo thủ, nhiệt tình tin vào những vấn đề như cấm hôn nhân đồng tính, cấm phá thai, cấm dùng tế bào gốc trong nghiên cứu y khoa, cho phép cầu nguyện trong trường học, chống lại thuyết tiến hoá của Darwin, v.v. Trước đây họ chỉ tập trung ở các bang miền nam nước Mỹ nhưng sau này lan lên cả miền (trung) bắc như Ohio, Indiana, Iowa, thậm chí Wisconsin (là tiểu bang nổi tiếng với truyền thống cấp tiến), lan qua miền tây, và xuống sâu Florida. (Florida tuy là miền nam nhưng có tính miền bắc vì đông đảo người nghỉ hưu từ miền bắc xuống sống ở đây). Tất cả các bang này (nổi bật là Florida và Ohio) đều rơi vào tay Bush.

Những người “ đạo chúa toàn thống ” ủng hộ Bush hơn Kerry thì cũng tất nhiên, nhưng lí do năm nay họ đi bầu đông khác thường thì phải nói là do mưu đồ khôn khéo của phe Bush, nhất là của Karl Rove, cố vấn “ thiên tài ” của Bush, biết cách tìm ra họ, rồi tổ chức, sách động họ đi bỏ phiếu. Sự kiện nổi bật là số người này đi bỏ phiếu lần đầu năm nay là 3,7 triệu, gần như y chang số phiếu mà Bush hơn Kerry !

Không ít nhà bình luận cho rằng phản ứng đối với các dự luật cho phép hôn nhân đồng tính là một lí do khiến Bush đắc cử. Song theo nhiều thăm dò dư luận sau này thì, chính xác hơn, những người ủng hộ Bush cũng ủng hộ ngăn cấm hôn nhân đồng tính, thay vì ngược lại. Trường hợp Oregon cũng đáng để ý : cử tri bang ấy chấp thuận ngăn cấm hôn nhân đồng tính, song lại dồn phiếu cho Kerry. Trường hợp Ohio (cũng là một bang mà dự luật hôn nhân đồng tính được đem ra bỏ phiếu) cũng gần như thế : trong lúc số ủng hộ Bush toàn nước Mỹ tăng lên 3 % so với năm 2000 thì ở Ohio chỉ tăng 1 %. (Nhưng có người lại phản biện : nếu không có vấn đề này thì Bush đã thua ở Ohio vì thất nghiệp ở đây rất cao, và thất cử hoàn toàn).

Có thể đa số dân Mỹ bỏ phiếu cho Bush vì thiếu hiểu biết, kém thông tin ? Bị những cơ quan truyền thông cánh hữu (Fox News, v.v., như tôi đã kể trong thư tháng 9) phỉnh dụ, lừa bịp ? Chẳng những họ không biết tình hình thế giới (đa số người bỏ phiếu cho Bush vẫn tin rằng vụ 11/9 là có bàn tay Hussein, rằng Mỹ đã tìm được vũ khí giết người hàng loạt ở Iraq, v.v.), mà cũng không biết về tình hình ở ngay nước họ. Một con số điển hình : so với năm 2000, số người không xong trung học ủng hộ Bush năm nay tăng lên khoảng 10 %, trong lúc chính họ đã bị nghèo đi vì chính sách kinh tế của Bush. Bạn thử giải thích xem !

Cũng làm sao giải thích sự kiện hơn 50 % cử tri cho rằng kinh tế Mỹ năm nay (với thất nghiệp cao hơn, ngân quỹ đi từ thặng dư sang thâm hụt, v.v.) là *khá hơn* bốn năm trước ? Rồi lại nhìn nhận là hoàn cảnh gia đình của

chính họ là *tệ hơn* ? Rồi lại bỏ phiếu cho Bush ? Cũng theo các thăm dò dư luận thì đa số những người có thu nhập không cao đã ủng hộ Bush vì sợ “ khủng bố ”. Trớ trêu là, như nhiều nhà bình luận đã chỉ rõ, khi đảng Cộng hoà cầm quyền thì chính những người này là bị thiệt thòi nhất về kinh tế.

Nước Mỹ ngày nay hầu như chia làm hai : Một nước Mỹ “ xanh ” của những bang đông dân (New York, California, Illinois), những thành phố lớn, của giới trí thức... và một nước Mỹ “ đỏ ” của những bang ít dân, những ngoại ô, của những người sùng đạo chúa ... Trong lúc đảng Dân chủ than phiền là những người bỏ phiếu cho Bush là lạc hậu, cuồng tín, thậm chí ngu dốt (nếu bạn muốn biết : cử tri ủng hộ Kerry trung bình có 14,64 năm đi học, cho Bush : 14,48 năm), thì đảng Cộng hoà đổ lỗi cho đảng Dân chủ là đã trở thành ưu tú, không còn biết, hay cùng chia sẻ, những giá trị của đa số dân Mỹ.

Trước khi chấm dứt “ báo cáo ” đã khá dài này, tôi xin thêm vài điều. Cũng như nhiều bạn, sự thắng cử kỳ này của Bush làm tôi “ đau ” còn hơn năm 2000. Chúng ta không thể đổ lỗi cho Ralph Nader (nếu không có ông này phá đám thì Al Gore đã thắng, nhưng lần này thì ông không có ảnh hưởng gì), cũng không thể đổ lỗi cho gian lận (như rõ ràng ở Florida bốn năm trước), không thể đổ lỗi là đảng Cộng hoà nhiều tiền hơn, không thể đổ lỗi là dân ít đi bầu. Song, hãy nhìn cách khác : tuy là Kerry thua nặng (khoảng 3,5 triệu phiếu), nhưng có thể coi như sém thắng (nếu 60.000 lá phiếu ở Ohio là cho Kerry thay vì Bush thì Kerry đã đắc cử rồi). Nhìn cách khác nữa : tính theo đại cử tri thì Bush thắng với tỷ số 286-252. Đây là tỷ lệ mong thứ nhì trong lịch sử nước Mỹ. (Còn mong nhất ? Thì cũng chính là Bush, năm 2000 : 271-267.) Về tỷ lệ 51 % cử tri ủng hộ Bush thì cũng chẳng có gì “ đáng nể ” vì đó là tỷ lệ thấp nhất từ năm 1828 đến nay.

Theo tôi, Kerry thất cử là do nhiều lí do nhỏ, không vì chỉ vài lí do lớn. Những lí do này cũng không phải là mới lạ, và cũng không phải là dấu hiệu sự thay đổi căn bản, không thể đảo ngược, của nước Mỹ (như các nhà bình luận ở các nước khác thường dễ dãi kết luận). Đúng là nước Mỹ có trở thành “ bảo thủ ” hơn trong vài thập kỉ vừa qua, nhưng tôi còn nhớ những năm 60 (nhất là sau khi Lyndon Johnson đại thắng Barry Goldwater năm 1964) thì mọi người đều bảo là phong trào bảo thủ đã cáo chung ở nước Mỹ. Lịch sử không bao giờ đứng yên (dù Fukuyama có nói thế nào !). Tôi sẽ bàn thêm về tương lai của đảng Dân chủ và phe cấp tiến trong những bức thư sắp đến.

Cuối cùng, xin bạn tha thứ, tôi phải đưa một tin thật buồn : Cô Iris Chang (người Mỹ gốc Hoa) tác giả nhiều quyển sách về Trung Quốc rất được mến phục, nổi tiếng nhất là *Cuộc hãm hiếp Nam Kinh* (The Rape of Nanking), đã từ trần ngày 9 tháng 11. Tụ từ. Ba mươi sáu tuổi.

Hẹn bạn thư sau,

Tiểu Hằng Ngôn

Hết « W » tới BUSH



Kết quả cuộc bầu cử tổng thống Hoa Kỳ năm 2004 : George « W » về vườn, John Kerry thắng đậm, 35 nước trên 38, với số phiếu 46 % cử tri ghi tên (Bush được 20 %), thậm chí có nơi lên tới 76 % (Bush tụt xuống, còn 10 %)... Tiếc thay, đó là kết quả cuộc bỏ phiếu « ảo » trên địa cầu, qua cuộc thăm dò dư luận tiến hành tại bốn chục quốc gia (1). Còn cuộc bầu cử thực, thì như mọi người đều biết : vị tổng thống Mĩ bị oán ghét nhất từ trước tới nay trên toàn cầu đã tái cử với phiếu bầu của 274 « đại cử tri » (Kerry được 257 phiếu), với 51 % phiếu bầu toàn quốc, còn Đảng cộng hoà đã củng cố vị trí đa số ở cả Hạ viện lẫn Thượng viện. Tóm lại, có thể nói là nước Mĩ đã cười đùa với cả thế giới.

Bốn năm về trước, Bush mang tiếng là đã « cướp giật » cái ghế tổng thống. Lần này, ông được bầu một cách danh chính ngôn thuận. Năm 2000, GWB thua đối thủ Al Gore 500 000 lá phiếu, năm nay, GWB hơn John Kerry 3,5 triệu phiếu, nghĩa là sau bốn năm, ông ta đã giành được hơn 4 triệu phiếu bầu so với đối thủ dân chủ. Cuộc tranh cử biến thành một cuộc trưng cầu dân ý, tán thành cả con người lẫn chính sách của tổng thống đương nhiệm. Nếu phe ABB (*Anybody But Bush : Ai cũng được, trừ Bush*) muốn phân tích thất bại để chuẩn bị thắng lợi tương lai, thì trước tiên họ phải tìm hiểu Bush đã làm thế nào để biến một bản tổng kết tai ương như vậy thành một cuộc trưng cầu dân ý thành công.

Một bản tổng kết tai hoạ

« Thật đáng kinh ngạc ! », một nhà chính trị học Mĩ đã phải thốt lên. Xét về mặt lí trí, thì quả là đáng kinh ngạc thật. Trong tất cả những chủ đề mà Bush nhắc đi nhắc lại trong cuộc tranh cử, nếu đem ra mổ xẻ một cách thuần lí, thì không có đề tài nào đứng vững. Xin đơn cử hai thí dụ :

1/ Cuộc « chiến tranh chống khủng bố »

Trước mặt cử tri, Bush luôn luôn thủ vai « tổng tư lệnh » (hàm ý : trận chiến đang tiếp diễn, không ai đại gì mà thay người chỉ huy). Thoạt nghe cũng logic lắm, nhưng vấn đề là tiến hành chiến tranh cách nào hay nhất, và làm sao thắng trận. Chưa bàn đến vấn đề : bản thân quan niệm « chiến tranh

chống khủng bố » có trật chĩa không ? Trước hiểm hoạ khủng bố đa dạng, chứa đựng cả kích thước chính trị và tư tưởng hệ, mà chỉ đối phó thuần tuý bằng quân sự và biện pháp công an thôi sao ? Chưa cần bàn tới vấn đề cơ bản ấy, người ta vẫn có thể hoài nghi khả năng lãnh đạo của « tổng tư lệnh » và bộ « tham mưu » với thành tích là một chuỗi dài những sai lầm và thất bại : trước ngày 11.9, mặc dầu « đèn đỏ nhấp nháy » báo động liên tục (2), các cơ quan an ninh đã tỏ ra bất cập, còn những người trách nhiệm chủ chốt (Condoleeza Rice, Paul Wolfowitz, John Ashcroft...) thì bình chân như vại một cách vô ý thức ; đến khi xảy ra biến cố, thì « tổng tư lệnh » ngồi đực mặt, bất lực (7 phút rưỡi im lặng của Bush trong cuốn phim của Michael Moore, ngay cả Ben Laden trong cuộn băng truyền hình mấy hôm trước ngày bầu cử cũng mang ra chế nhạo) ; và từ đó đến nay, xâm chiếm Afghanistan, rồi Irak, bỏ ra mấy trăm tỉ đô la, huy động mấy trăm ngàn quân (quân nhân tử trận lên tới số ngàn, thường dân lên tới trăm ngàn (3)), mà vẫn chưa đụng tới đầu não của Al Qaeda... Sau ba năm, cuộc tiến công quân sự – công an của Mĩ tuy đã giáng những đòn nặng vào các lực lượng « khủng bố thánh chiến », nhưng nó không ngăn chặn được mạng lưới khủng bố lan rộng như di căn ung thư ăn vào máu và lan khắp cơ thể. Nó cũng không tiêu diệt được năng lực tác chiến của chúng : bằng chứng là các cuộc đánh bom tàn sát ở Tây Ban Nha, Thổ Nhĩ Kỳ, Indonesia, Kenya, Yemen, Ai Cập, Tunisie, Maroc, Arabia Saudi, Pakistan... và cổ nhiên, ở Irak. Cuộc « chiến tranh phòng ngừa » tiến hành ở Irak, xuất phát từ những động cơ chỉ phân tâm học mới có thể lí giải, nay đã trở thành một bãi lầy mà Mĩ (và cả thế giới cùng với Mĩ) đang loay hoay không biết cách nào thoát ra. John Kerry không bỏ lỡ cơ hội, chỉ chiết : « Ông tổng thống này đã phạm một sai lầm phán đoán to lớn (...) Ông đã lao đầu vào cuộc chiến tranh mà không hề tính tới kế hoạch giành lại hoà bình (...) Vũ khí tiêu diệt hàng loạt thì chẳng thấy đâu, nhưng tuyên truyền dối trá hàng loạt thì ông rí rả đêm ngày ». Ứng viên của Đảng dân chủ còn bồi thêm một câu kết ác khẩu : « Khác nào, sau sự kiện Trân Châu Cảng, tổng thống Roosevelt khai chiến với Mexico ! ». Vậy thì « W » là *wrong* (trật lắt) hay sao ? « Không, trăm lần không, ngàn lần không », Bush cãi lại, « không còn Saddam Hussein, thế giới an toàn hơn », có thể Saddam không có vũ khí huỷ diệt hàng loạt đấy, nhưng nhất định là hắn ta có ý định trang bị... Người ta có thể cười khẩy khi thấy « W » đóng bộ quân phục « top gun » vênh vác trên hàng không mẫu hạm, nhất là những ai biết rằng trong những năm chiến tranh Việt Nam, cậu ấm « W » đã chui vào lực lượng « vệ quốc » để làm lính kiểng. Nhưng nếu biết rằng 55 % người Mĩ tưởng rằng chiến tranh Irak là chiến tranh chống khủng bố, 60 % (69 % quân nhân, 57 % cựu chiến binh) tiếp tục tín nhiệm « tổng tư lệnh », thì ta khó lòng mà cười nổi.

2/ Từ « bảo thủ nhân ái » đến « xã hội sở hữu chủ »

Người ta còn nhớ, năm 2000, Đảng cộng hoà đã tung ra khẩu hiệu « bảo thủ nhân ái » để tranh thủ cử tri trung phái. Năm nay, những đề án tương tự lại được tái bản với những biện pháp kèm theo, nhất là trong lĩnh vực giáo dục. Nhưng cũng phải nói cho rõ, các dự án này sẽ do các tổ chức từ thiện tôn giáo (Faith Based Initiatives) thực hiện, chứ không thuộc phạm vi chính quyền, đứng theo hệ tư tưởng của Đảng cộng hoà : giảm thiểu vai trò của Nhà nước, giải toả luật lệ, giảm

bớt thuế má. Thực sự mà nói, biện pháp nổi bật nhất của Bush I là, bắt đầu từ năm 2001, tiến hành chương trình giảm 1900 tỉ đô la trong vòng 10 năm. Nay Bush II đề nghị « trường thọ hoá » chương trình này. Theo giải thích của Nhà trắng, chương trình này có mục đích kích thích tiêu thụ (*Stimulus Bill*) và nhờ đó, tái khởi động guồng máy kinh tế đã bị quá nhiều cú sốc bạo liệt (vỡ tung bong bóng Internet năm 2000, suy thoái đầu năm 2001, cuộc khủng bố 11.9, sự phá sản gian manh của Enron và các vụ xì căng đan tài chính chứng khoán, các cuộc chiến tranh Afghanistan và Irak...). Sự thật, chương trình này có mục đích tạo ra tăng trưởng bằng mọi giá. Song cũng có thể nhận ra ở đây thành tố của một thay đổi cơ bản trong hệ thống thuế má, nhằm thay thế nguyên tắc đánh thuế trên mọi nguồn thu nhập bằng một hệ thống thuế má chỉ căn cứ vào tiêu thụ. Cách đây không lâu, người ta chế nhạo đề nghị của nhà tỉ phú Forbes : huỷ bỏ thuế thu nhập, thay vào đó là đánh thuế đồng loạt mỗi khi mua hàng. Nhưng các cải tổ thuế má của Bush I (giảm tỉ lệ đánh thuế cho các thu nhập cao, định mức tối đa 15 % cho thuế đánh vào lợi tức, từng bước huỷ bỏ thuế thừa kế...) và các dự án thuế khoá của Bush II (thường trực hoá việc giảm thuế, cải tổ chính sách thuế lợi tức xí nghiệp, mở rộng diện áp dụng quỹ tiết kiệm, tiền góp vào quỹ tiết kiệm được trừ đi trong thu nhập phải nộp thuế, miễn thuế cho lợi tức tiết kiệm...) đều đồng quy vào một mục tiêu là : bãi bỏ thuế lũy tiến đánh vào thu nhập, thay thế nó bằng thuế tỉ lệ cố định (« flat tax »), nghĩa là thuế không còn là công cụ để phân phối lại tài nguyên theo tinh thần công bằng xã hội. Đó là chủ trương mà nhà bình luận Paul Krugman đã lên án khi ông gọi nó là « hệ thống « **Dooh Nibor** » (viết ngược cái tên **Robin Hood** / *Hiệp Sĩ Rừng Xanh* : ngày xưa Robin Hood lấy của nhà giàu chia cho người nghèo, nay « W » lấy của nhà nghèo chia cho nhà giàu, và gọi nó bằng cái tên mỉa mai « xã hội của những sở hữu chủ »).

Thử nhìn kĩ xem « xã hội của những sở hữu chủ » là như thế nào ? Theo một báo cáo của Vụ ngân sách của Quốc hội Hoa Kỳ, các biện pháp giảm thuế của chính quyền chỉ phục vụ quyền lợi của 1 % dân chúng, và khoảng cách giữa thu nhập của những người giàu nhất và thu nhập của những người nghèo nhất đã lên tới tỉ số 11:1. Còn theo một nghiên cứu của Trường đại học Pennsylvania, trên bảng xếp hạng 160 quốc gia theo những thông số xã hội, thì Mỹ đứng thứ 27, đồng hạng với Ba Lan và Slovenia (4). Trong khi những chỉ số thô của nền kinh tế Mỹ rất khả quan, hơn hẳn Châu Âu (tăng trưởng hàng năm 3,5 %, tỉ số thất nghiệp 5,4 %), thì cảm nhận của người Mỹ trung bình lại khác hẳn : sự hoài nghi và lo ngại của họ bắt nguồn từ sự « rạn nứt về mặt xã hội », tình hình xấu đi của thị trường nhân dụng và từ các hậu quả của toàn cầu hoá.

Rạn nứt xã hội :

Trong khi Bush I tặng quà thuế khoá cho các nhà tỉ phú và triệu phú thì có thêm 4 triệu người Mỹ phải sống dưới ngưỡng nghèo khó. Kết quả là : tính đến cuối năm 2003, tổng cộng có tới 36 triệu người (12,5 % dân số) sống dưới mức nghèo khó. Trong khi chỉ tiêu về sức khoẻ nhảy vọt (lên tới 15 % GNP), bảo hiểm sức khoẻ cho người ăn lương tăng 60 % trong vòng 4 năm, mang lại một nguồn lợi lớn cho các « Health Maintenance Organizations » (công ti bảo hiểm sức khoẻ tư nhân), còn chương trình tranh cử của Đảng cộng hoà dự trù đặt ra Quỹ tiết kiệm cá nhân về sức khoẻ (Health Savings

Account) mà thực chất là tiền bảo hiểm sức khoẻ không còn do doanh nghiệp đóng góp nữa, mà do cá nhân mỗi người làm công, thì năm 2003, có tới 45 triệu người Mỹ (15,6 % dân số) không còn được bảo hiểm xã hội về sức khoẻ nữa. Một triệu chứng chưa từng có : trong số 45 triệu người này, có tới 8 triệu không phải là thất nghiệp hay nghèo khó, sống bằng trợ cấp xã hội, mà là những « lao động nghèo » (*working poors*), tức là người làm thuê trong những doanh nghiệp nhỏ, nhân viên kí hợp đồng với các công sở, những người làm việc bán phần, những người làm việc lặt vặt... lương lậu quá thấp để có thể trang trải cả tiền thuê nhà, tiền đi lại và bảo hiểm sức khoẻ.

Phi công nghiệp hoá và chuyển dời doanh nghiệp :

Hiện tượng « *working poors* » là triệu chứng suy thoái của thị trường lao động trong 4 năm nhiệm kì đầu của « W » Bush. Kể từ thời Hoover đến nay, George W. Bush là tổng thống đầu tiên xin cử tri tái tín nhiệm với một thành tích « âm » về lao động (số công ăn việc làm giảm đi 821 000 chỗ). Nhiều người ngạc nhiên, không hiểu tại sao mà kinh tế khởi động trở lại từ hai năm nay (tốc độ tăng trưởng từ 3 đến 5 %) mà vẫn tạo ra ít công ăn việc làm mới (và đa phần là những công việc cấp thấp, lương bổng ít ỏi, từ đó nảy sinh hiện tượng « *working poors* »). Nhưng ngược lại không thiếu nhà phân tích từ lâu đã chẩn đoán xu hướng phi công nghiệp hoá của nền kinh tế Hoa Kỳ (5). Đây là một xu hướng « nặng », không thể đổ trách nhiệm cho một mình chính quyền Mỹ. Các nhà phân tích kể trên không ngạc nhiên khi họ ghi nhận những con số cụ thể : trong vòng 4 năm, công nghiệp đã mất đi 2,7 triệu chỗ làm, không những trong khu vực I như dệt may, luyện kim, mà cả trong những ngành tiên tiến như công nghiệp bán dẫn (*semi-conducteurs*) mất đi 1/3 nhân dụng, hay những ngành « công nghệ cao » (*high-tech*) hiểu theo nghĩa rộng (mất 1/4 nhân dụng) ; tiếp theo đó, và nghiêm trọng hơn, khu vực dịch vụ cũng bị tác động bởi quá trình « *outsourcing* » chuyển dời doanh nghiệp sang các nước « đang lên » (6). Thật vậy, trong một thời kì đầu, sản xuất công nghiệp được chuyển sang những nước nhân công rẻ (Đông Nam Á, Trung Quốc), sang giai đoạn hiện nay, 90 % các doanh nghiệp Mỹ đã làm « *outsourcing* ». Phương thức này ngày một tăng cường trong mỗi ngành, và đang lan tràn sang cả các ngành dịch vụ, nhất là trong tin học (Án Độ). Theo nhiều nghiên cứu, các công ti công nghệ cao cấp sẽ giảm 1/10 chỗ làm từ nay đến cuối năm, và trong vòng 10 năm tới, số chỗ làm mất đi sẽ lên tới từ 3 đến 4 triệu. Một hệ quả khác của hiện tượng chuyển dời doanh nghiệp (*délocalisation*) là những công việc chưa « di tản » sẽ bị giảm lương thẳng tay. Thí dụ : trong vòng hai năm, lương của các lập trình viên giảm đi 15 % (và tỉ lệ thất nghiệp trong nghề này cũng cao hơn trung bình toàn quốc : 7 %).

Tóm lại, phải thừa nhận là vết rạn nứt xã hội đã mở rộng hơn, người nghèo nghèo đi và đông lên, giai cấp trung lưu bị lung lay, các lực lượng sản xuất bị tác động – sau tầng lớp « cổ cồn xanh », tới phiên « cổ cồn trắng » – thế mà không hiểu làm sao mà chương trình của Đảng cộng hoà lại thuyết phục được cả những người không sống nhờ lợi nhuận của tài chính và tư bản. Khẩu hiệu « xã hội của những sở hữu chủ » của Bush thực ra phải gọi là « xã hội dành cho những người ngồi hưởng tô tức » (*rentiers*).

Cách mạng bảo thủ

Đó là nói logic. Nhưng thực tế không phải là logic, vì ở Mỹ làm gì có tới 51 % người dân (tức là tỉ số cử tri bỏ phiếu tái cử Bush) sống bằng tô tức. Với một thành tích « bất hảo » như đã nói trên, lẽ ra tổng thống đương nhiệm phải bị « vánh đai hoen ri » (gồm những bang công nghiệp cũ đang bị khốn đốn, như Pennsylvania, Michigan, Ohio...) thẳng tay cho về vườn... Vậy mà không phải vậy. Chính bang Ohio (trong 4 năm, mất đi 1/4 công ăn việc làm trong khu vực công nghiệp) đã mang lại cho Bush số phiếu quyết định thắng lợi. Những cuộc thăm dò ý kiến cử tri khi họ bước ra khỏi phòng phiếu giải thích phần nào nghịch lí này : quan tâm hàng đầu của cử tri là « giá trị tinh thần » (22 %), rồi mới tới kinh tế (20 %), nạn khủng bố (19 %), Irak (15 %) ; và trong số cử tri quan tâm trước tiên tới việc gìn giữ các « giá trị tinh thần », thì 80 % đã dồn phiếu cho « W ». Ta biết rằng đối với Karl Rove, nhà chiến lược tranh cử của Đảng cộng hoà, đối tượng tranh thủ lần này không còn là cử tri trung phái nữa, mà là phái hữu, một mặt để huy động lực lượng dự trữ của cử tri bảo thủ, mặt khác nó xuất phát từ nhận định theo đó cử tri Mỹ đang ngả sang hữu. Phải nói là cả hai tính toán này đều trúng phóc :

* gương cao ngọn cờ kiên cường bảo vệ các « giá trị tinh thần » (chống hôn nhân đồng tính, chống nạo thai, cấm nghiên cứu các tế bào gốc...), Bush đã tranh thủ được tối đa phiếu bầu của phe hữu Tin Lành (chiếm khoảng 2/3 tín đồ Tin Lành), và còn chiếm đa số (51 %) phiếu bầu của 63 triệu tín đồ Công giáo (trong khi Kerry là người Công giáo !), và găm nhăm cả cử tri thuộc các Giáo hội Da đen vốn ủng hộ Đảng dân chủ (7). Các cuộc thăm dò dư luận cho thấy rõ mối liên hệ giữa việc bỏ phiếu cho Đảng cộng hoà và sự sùng đạo : 61 % người theo đạo (bất cứ đạo gì) đã dồn phiếu cho Bush. Sự liên minh trên các giá trị tinh thần giữa những tín đồ Tin Lành toàn thống và những tín đồ Công giáo phản động cho thấy từ nay tham số tôn giáo giữ một vai trò quan trọng trong phương trình của phái hữu Hoa Kỳ, với sự liên kết của các hệ số : xu hướng bảo thủ về mặt xã hội, niềm tin giản đơn nhìn đời chỉ thấy trắng/đen, lòng yêu nước cực đoan (nhất là sau vụ 11.9), các yếu tố ấy làm cho đời sống chính trị bị áp chế bởi « thể giới quan của Kinh Thánh » (nói theo Tom DeLay, thủ lĩnh phe đa số cộng hoà ở Hạ viện).

* bản đồ bầu cử cho thấy sự lưỡng phân khá rõ nét : một nước Mỹ « đại dương » bao gồm những bang ở bờ biển phía đông, phía tây, các bang ven Đại Hồ thì bỏ phiếu cho Đảng dân chủ, cử tri vùng này là người « tứ xứ », đa dạng, ôn hoà và hướng ngoại ; còn nước Mỹ « đại lục » của vùng Đại Đồng bằng và Miền Nam (8) thì dồn phiếu cho Đảng cộng hoà, cử tri ở đây trọng truyền thống, thậm chí phản động, tự cung tự túc, tự ki. Như vậy, có hai « *nations under God* » (hai « quốc gia dưới bóng Thượng đế »), luân phiên nhau chiếm đa số theo chu kì lịch sử. Sau thời kì « New Deal » của Roosevelt, thời kì « Biên cương mới » của Kennedy, là « cuộc cách mạng bảo thủ » của Reagan, rồi những năm « trong ngoặc » của Clinton. Phải chăng chúng ta đang chứng kiến sự tái phát của cách mạng bảo thủ, đẩy các phần tử « liberals » (theo ngôn ngữ chính trị Mỹ, nghĩa là trung tả phái – centre gauche) vào phe đối lập trong ít nhất một thế hệ ? Đó là mối lo lớn của Đảng dân chủ khi ta phân tích chi li những phiếu bầu mà Đảng cộng hoà mới giành được. Chẳng hạn : Bush II đã giành được 43 % phiếu bầu ở các khu vực thành thị, tăng 8 % so với

năm 2000. Nói chính xác hơn, Đảng cộng hoà vốn chiếm thế mạnh ở nông thôn, nay đang lấn vào các vùng ngoại ô, mặc dầu ở các thành phố, nó còn thiếu số. Một ví dụ nữa : mặc dầu những rạn nứt xã hội ngày thêm sâu sắc vì chính sách « Dooh Nibor », Đảng cộng hoà đã giành thêm phiếu của cử tri thuộc những tầng lớp nghèo khó, những sắc tộc thiểu số vốn là cử tri truyền thống của Đảng dân chủ. Bush đã được 44 % phiếu bầu của người gốc Châu Mỹ Latinh, có lẽ nhờ thế mà ông thắng cử ở hai bang Arizona và New Mexico. Hình như trong tình trạng mất định hướng, mất quy chiếu (do khủng bố, bất an kinh tế, toàn cầu hoá...), ý thức giai cấp đã bị ngôn từ đơn giản xoá nhoà, khát vọng bình đẳng đã phải quy phục « thị trường » được thần hoá, tư tưởng tiến bộ đã phải nhường bước cho các « giá trị » truyền thống và tôn giáo... Như một cựu bộ trưởng của Clinton đã nhấn mạnh, sự phục hồi mạnh bạo của phái hữu triệt để (không phải chỉ ở Mỹ) trong thập niên cuối cùng của thế kỉ 20 cũng là (do) phái « liberal » Mỹ (và các lực lượng dân chủ xã hội ở châu Âu) đã không đáp ứng được nỗi lo của các tầng lớp bình dân trước tình hình thế giới sau ngày bức tường Berlin sụp đổ.

Vài tuần trước ngày bầu cử, một số tạp chí đã mở cuộc chơi « chính trị dự tưởng » : yêu cầu những nhà báo, nhà nghiên cứu chính trị, nhà văn thuộc mọi xu hướng hãy dự tưởng nhiệm kì Bush II (10). Bây giờ kịch bản tưởng tượng đã trở thành hiện thực, có lẽ ta lại càng nên « dự tưởng ». Có thể phác hoạ hai giả thuyết :

* hoặc là « W » thật sự trở thành Bush (nghĩa là đã xoá được hình ảnh người cha), biết nắm lấy thời cơ của cuộc thắng cử để thực hành chính sách bắt tay với phe đối lập ở trong nước cũng như với những người chống đối ở ngoài nước. Bên trong, một chính sách « bảo thủ nhân ái » thực sự được tiến hành để giải quyết những vấn đề thuộc về xã hội. Bên ngoài, Mỹ trở lại luật chơi của các quốc gia văn minh, tìm lại vai trò « cường quốc độ lượng » mà nước Mỹ vẫn tự trao cho mình từ khi kết thúc Thế chiến thứ nhì.

* hoặc là, tệ hại hơn cả Bush I, Bush II coi sự tái cử cho phép mình đẩy mạnh hơn nữa cuộc « cách mạng bảo thủ ». Bên trong, chính sách « Dooh Nibor » (xem trên) được thực hiện tới cùng, nghĩa là thiết lập một thứ xã hội dành cho những người sống bằng tô tức, « dưới bóng Thượng Đế ». Bên ngoài, siêu cường độc nhất biến thành « Nhà nước côn đồ » số 1 sẽ tiếp tục tiến hành những cuộc chiến tranh phòng ngừa, tàn phá môi trường sinh thái của trái đất, giầy xéo lên trật tự quốc tế mà chính nó đã góp phần tạo dựng từ sau chiến tranh thế giới lần thứ hai.

Ít ai tin vào khả năng thứ nhất. Không sử dụng những khái niệm đao to búa lớn – hạ tầng cơ sở xã hội, thượng tầng cấu trúc tư tưởng vân vân... – chỉ cần nói đơn giản như thế này : tạng người của George W. Bush dị ứng với sự vừa phải, xung khắc với mọi sự hợp tình hợp lí. Đây là mẫu người « *born again* », một ngày đẹp trời đã « tái sinh dưới bóng chúa », và từ đó luôn luôn nghe thấy lời Thượng Đế văng vẳng bên tai. Mọi người còn nhớ, trong cuộc tranh luận truyền hình lần thứ nhì với John Kerry, công chúng hỏi « W » về những « sai lầm ông có thể đã mắc phải », ông ta suy nghĩ một hồi rồi trả lời : không thấy có sai lầm nào cả. Đó là sự xác tín của nhà truyền giáo, xứng đôi vừa lứa với sự cuồng tín của đối phương khủng bố (xứng đôi về chất lượng, còn về số lượng thì còn lâu Al Quaeda mới sánh kịp con số 100 000 thường dân nạn

nhân của cuộc chiến tranh phòng ngừa). Ngay sau cuộc bầu cử tổng thống năm 2000, Dick Cheney đã báo trước : « Trong cuộc tranh cử, George Bush đã vận động cho một chương trình cụ thể đã được soạn thảo cẩn kẽ ; đó là kế hoạch, là lịch trình của tổng thống và chúng ta không hề có ý thật lui (...) Thật là xuẩn ngốc nếu nghĩ rằng kết quả cuộc bầu cử quá sát sao nên chúng ta phải thay đổi về cơ bản những điều chúng ta tin tưởng sâu sắc ». Chỉ cần thay thế hai tiếng « sát sao » bằng « rõ nét » là chúng ta có thể hình dung ra nhiệm kỳ tới đây của Bush II. Trong bốn năm này, « W » sẽ rảnh tay để lại dấu ấn thiên hữu trên phái hữu : không còn bị ràng buộc bởi viễn tượng bầu cử, có thể dựa trên đa số vừa được củng cố ở Quốc hội, trên đa số ở Tối cao pháp viện (sắp tới Bush lại có thể cử thêm hai hoặc ba thẩm phán mới).

Rảnh tay ? Rõ ràng nước Mỹ đã lái sang phía hữu, song cũng may là còn những vật cản :

* Bên trong, rõ ràng đã có một sự thức tỉnh của ý thức dân chủ : số người đi bầu lên tới 56 % cử tri (con số cao nhất từ năm 1968 đến nay), 2 triệu người mới ghi tên vào danh sách cử tri. Sự huy động cử tri của phe « liberal » đã đụng phải sự huy động của cánh bảo thủ tôn giáo (7), song ta có thể chắn đoán là dư luận và giới truyền thông (tự phong là « quyền lực thứ 4 ») đã thoát ra khỏi cơn hôn mê mà biến cố 11 tháng 9 đã gây ra. Nền dân chủ Mỹ không còn bị thôi miên. Cuộc tranh cử đã « chỉ rõ đối tượng được mất và diễn ra quyết liệt đến mức, trái với truyền thống (« chúng ta đều là người Mỹ »), kết quả cuộc bỏ phiếu không mang lại sự dàn hoà giữa hai phe. Bên thua cuộc bị « chấn thương » (11) nhưng không nản chí. Một vài nhà báo đã nói tới một cuộc « chiến tranh lạnh nội bộ », có lẽ hơi quá, song chắc chắn nước Mỹ sẽ cho ta chứng kiến một trong những cuộc « giao tranh dư luận » trong quá khứ đã làm rạn danh nước Mỹ (như trong cuộc chiến tranh Việt Nam).

* Trên phạm vi thế giới, đúng như một số nhà quan sát đã tiên đoán, siêu cường độc nhất đã bộc lộ những giới hạn của nó. Về quân sự, trong bãi lầy Irak. Về kinh tế, trong sự tái diễn « hao hụt song sinh » và sự mất giá của đồng đô la. Để trang trải cho chính sách « Dooh Nibor » và chi phí chiến tranh phòng ngừa, Bush I đã gây ra hao hụt ngân sách : - 413 tỉ đô la năm 2004, một kỉ lục tuyệt đối (3,6 % tổng sản lượng quốc nội GNP) song có cơ sẽ bị phá trong những năm tới đây vì các chuyên gia chờ đợi từ đây tới năm 2011, chính quyền Hoa Kỳ sẽ chồng chất thêm 3000 tỉ đô la nữa. Song song với hao hụt ngân sách là hao hụt cán cân thương mại (-500 tỉ đô la năm 2004) do tiêu thụ quá mức. Vì cặp « hao hụt song sinh » (« twin deficits ») ấy mà hiện nay, mỗi ngày Hoa Kỳ phải vay thêm 1,1 tỉ đô la, và số lãi suất phải trả đã lớn hơn toàn bộ ngân sách giáo dục, an ninh quốc nội, tư pháp, công an, cựu chiến binh, thăm dò không gian và viện trợ quốc tế cộng lại (6). Hiện tượng này không mới (chỉ mới về quy mô khổng lồ). Cũng như cái « cơ cấu đế chế » đã cho phép Hoa Kỳ sống bằng vay mượn dài hạn, cuốn hút 80 % quỹ tiết kiệm toàn cầu (xem (5)). Trừ phi nói rằng cuộc « cách mạng bảo thủ » sẽ không tốn kém xu nào, khó tưởng tượng Bush II có phép thần thông giảm vừa một nửa các hao hụt vừa tiếp tục quà cáp cho thiểu số nhà giàu bằng cách giảm thuế – đó là không nói đến ngân sách chiến tranh. Paul Krugman nhận xét : « Tài chính nước ta là tài chính của một nước cộng hoà trồng chuối (kiểu Nam Mỹ) ; đơn giản là vì (tạm thời) thì

trường đánh cuộc rằng thể chế chính trị của chúng ta không phải là thể chế cộng hoà trồng chuối. Khôn nổi tôi tin rằng sẽ sớm tới một lúc, trong nhiệm kì thứ nhì, thị trường sẽ từ chối đánh cuộc ». Giống như những nhân vật trong phim hoạt hoạ chạy quá đà trong khoảng không, người dân Mỹ chưa nhận thấy là có lẽ họ đang vấp ngã. Sự sụt giá của đồng đô la (trong vòng một năm sụt 30 % so với đồng euro) phải chăng là dấu hiệu của sự té nhào đó ? Tất nhiên có thể nghĩ tới chủ trương « hạ giá để cạnh tranh », tối tiền lệ « safe landing » (hạ cánh an toàn) năm 1985, khi Mỹ, châu Âu và Nhật Bản đã thành công trong việc hạ giá 40 % cho đồng đô la trong vòng hai năm. Nhưng bối cảnh thế giới đã đổi thay, trong « khí hậu » (chủ nghĩa đơn phương của Mỹ) cũng như trong cơ cấu của các quân binh (những khuyết tật trong cơ cấu của nền kinh tế Mỹ). Song song với sự mất giá của đồng đô la, một bằng chứng khác là thái độ không mấy mặn mà của các ngân hàng trung ương Á Châu (hiện đang giữ 2000 tỉ đô la tài sản 'có' của Mỹ) khi Ngân khố Hoa Kỳ tung ra đợt công trái vừa qua. Phải chăng đó là những chỉ dấu báo hiệu một cuộc khủng hoảng tài chính ? Sẽ là một điều nghịch lí – song lịch sử thiếu gì nghịch lí – nếu như triều Bush II đánh dấu mặt vận của đế chế Mỹ.

NGUYỄN QUANG

(1) Cuộc thăm dò dư luận này (tháng 8.2004) do hai cơ quan tiên hành : *Program on International Policy Attitudes* (Trường đại học Maryland) và *Globescan* (Học viện Canada nghiên cứu dư luận). Ba nước đã « bỏ phiếu bầu » Bush là Phi Luật Tân, Nigeria và Ba Lan.

(2) Có thể đọc báo cáo của Ủy ban Hoa Kỳ điều tra về sự kiện 11.9 (bản tiếng Pháp : éd. des Equateurs).

(3) Cuối tháng 10.2004, tạp chí y học nổi tiếng *The Lancet* đã công bố kết quả cuộc điều tra tiên hành trong 1000 hộ gia đình ở 33 địa phương Irak (không ở trong những vùng nguy hiểm như Fallujah). Hỏi chuyện các gia đình về những thân nhân đã tử trận trước và sau ngày quân đội Mỹ xâm nhập Irak, và hết sức thận trọng về độ chính xác của các dữ liệu (tuy nhiên họ nghĩ rằng sai suất là rất thấp), các tác giả cuộc điều tra kết luận : từ tháng 3.2003 đến nay, có ít nhất 100 000 thường dân Irak đã tử nạn.

(4) Điều tra công khai, tháng 11.2004, nhằm đo lường khả năng của mỗi nước đáp ứng các nhu cầu y tế, giáo dục và văn hoá, dựa trên số liệu của Liên Hiệp Quốc và Ngân hàng Thế giới. Đứng đầu bảng là Đan Mạch, Thụy Điển, Na Uy ; cuối bảng là Afghanistan, Ethiopia, Sierra Leone, Liberia.

(5) Xem Emmanuel Todd, *Après l'Empire*.

(6) Có thể xem *Le Monde – Economie*, 03.11.2004.

(7) Tại 11 bang có khả năng số phiếu xấp xỉ ngang nhau, Đảng cộng hoà tỏ ra rất tinh khôn : họ dùng « sáng kiến nhân dân » để đồng thời tổ chức trưng cầu dân ý về những vấn đề tranh cãi gay go như hôn nhân đồng giới tính, do đó họ đã huy động được tối đa cử tri bảo thủ và sùng đạo.

(8) Trong cuộc bầu cử năm 2004, vùng Đảng cộng hoà tăng số phiếu ủng hộ mạnh nhất, từ Texas đến Kansas, chính là những vùng khai thác dầu mỏ lớn của Mỹ.

(9) Sự suy sụp của các công đoàn là hiện tượng nổi bật : tỉ số gia nhập công đoàn là 33 % trong thập kỉ 1950, 20 % trong thập kỉ 1980, và ngày nay chỉ còn 13 %.

(10) Một tí dụ là tuần báo *Courrier International* (tuần lễ từ 28.10 đến 04.11) hợp tác với nguyệt san *Washington Monthly*, đã chạy tit lớn : « Putain, quatre ans ! » (Tiền sự con đĩ, lại 4 năm nữa !)

(11) Một số người ghi tên vào những nhóm tâm lí trị liệu như kiểu AA (Người nghiện vô danh), một số khác tính đến việc lưu vong (không biết họ nói đùa hay nói thật). Sau cuộc bầu cử, trên trạm internet của Bộ nhập cư Canada, số người truy nhập nhảy vọt từ 20 000 lần/ngày lên gần 120 000, trong đó 60 % là truy nhập từ Mỹ (AFP, 09.11.2004).

" Mặc dù vậy, chúng tôi vẫn là những người lạc quan"

(*) Nguyên tác: "Trotzdem sind wir Optimisten" - báo
Vietnam Kurier (VNK) Tạp chí của Hội hữu nghị Đức-Việt
số 2/2004, năm thứ 26; trang 55/59 - Trần Kung dịch

Ông già 94 tuổi, xuất hiện nhẹ nhàng, tự nhiên, không kiêu cách, mặc bộ quần áo kiểu "đồng phục dân sự", bà vợ ông đi cùng. Ông vui vẻ, niềm nở, nói nhanh, tích cực nhiệt tình và tập trung vào ngôn ngữ, đối với ông dù sao cũng vẫn là ngoại ngữ. Không phải mọi điều ông nói đều giật gân mới mẻ, nhiều điều ông đã từng diễn đạt qua những bài nói và những bài viết nhân dịp kỷ niệm 50 năm Điện Biên Phủ, mà ông chính là nhân vật trung tâm của mọi sự quan tâm. Qua đó, cuối cùng ánh sáng đã soi rọi vào một câu hỏi, mà các chuyên gia đến nay vẫn còn tranh luận: Có phải thật sự chủ tịch Hồ Chí Minh, lúc bấy giờ, trong việc đề bạt ông [Đại tướng Võ Nguyên Giáp], đã làm phật lòng các cố vấn Liên Xô, Trung Quốc, kể cả đội ngũ các tướng lĩnh trong nước. Ông đã làm rõ điều ấy, như trong buổi nói chuyện này, giữa những dòng chữ.

VNK: Vì sao lúc ấy ông Hồ Chí Minh đã chọn ông, một nhà khoa học, làm Tổng tư lệnh "Giải phóng quân" sắp được thành lập, trong khi có nhiều cán bộ quân sự đã được đào tạo chính quy [chuyên nghiệp] ở Liên xô hay Trung Quốc ?

Võ Nguyên Giáp: Đó là vào năm 1944. Chúng tôi đang chuẩn bị một cuộc khởi nghĩa trên toàn quốc. Trước Cách mạng tháng 8 (1), chúng tôi chính ra hãy còn sống trong khu rừng già ở vùng Cao Bằng thuộc phía Bắc. Rồi có một cuộc họp để bàn về tình hình chung. Khắp nơi, nhân dân đang chuyển sang kháng chiến và chúng tôi cần phải ứng phó với tình hình đó. Trong cuộc họp có chủ tịch Hồ Chí Minh và có cả hai hay ba đồng chí đã từng được đào tạo quân sự chính quy tại Trung quốc. Còn tôi, vốn luôn công tác, hoạt động ở địa bàn này, lúc đó làm công tác tuyên truyền, giác ngộ quần chúng, hoạt động với các dân tộc ít người, vì họ không nói được tiếng Việt nhiều, nên tôi phải học 3 ngôn ngữ dân tộc khác nhau. Tôi tranh thủ họ vào phong trào Việt Minh (2) và thành lập tổ chức để hoạt động. Cơ bản là công tác phối hợp và huấn luyện các "Đội tự vệ" đã được thành lập khắp nơi.

Trong buổi họp tôi rất ngạc nhiên khi Chủ tịch Hồ Chí Minh bỗng nhiên nói: "Giai đoạn đấu tranh chính trị thuần túy đã qua, nhưng tình hình cũng chưa phát triển thuận lợi để tiến hành khởi nghĩa vũ trang, nên chúng ta cần có một hình thức hoạt động chuyển tiếp. Về lâu về dài nhất định chúng ta cần phải có một quân đội giải phóng, do đó phải bắt đầu xây dựng những nhóm, đơn vị riêng lẻ để đồng thời làm cả công tác tuyên truyền. Bước

đầu của Quân đội giải phóng phải là những đơn vị tuyên truyền".

Tất cả mọi người đều tán thành, sau đó Chủ tịch nói tiếp: "Đồng chí Văn (3), đồng chí có thể lãnh nhiệm vụ này không?". Dĩ nhiên là tôi rất ngạc nhiên nhưng cũng phần khởi, và Hồ Chủ tịch hỏi tiếp: "Nhưng đồng chí có bảo đảm với tôi là kẻ thù sẽ không bao giờ tiêu diệt chúng ta chứ?" - "Dạ vâng, tôi xin cam đoan". Bác giao cho tôi nhiệm vụ tuyển chọn 34 người trong số quần chúng trong các đội Tự vệ binh và ngày hôm sau chúng tôi thành lập Đội tuyên truyền đầu tiên của Giải phóng quân.

VNK: Thế cho đến nay, có bao giờ ông biết được vì sao Chủ tịch đã chọn ông để trao nhiệm vụ này không ?

VNG: Cái này thì Ông phải hỏi Chủ tịch (cuối). Bản thân tôi cũng ngạc nhiên. Có lẽ một điều là vì tôi đã quen biết thân với Bác từ suốt 4 năm đã ảnh hưởng đến quyết định đó. Tôi gặp Bác năm 1940 và từ đó luôn có liên hệ công tác chặt chẽ với Bác. Cụ thể là trong công tác vận động quần chúng. Có một lần Bác nói với tôi: "Muốn chọn cho đúng người cán bộ, ta phải tìm hiểu quá trình đấu tranh, những thành tích cũng như những thất bại của mỗi người". Tôi từng trải qua các công tác đấu tranh chính trị hoặc chính trị quân sự, có lẽ Bác đã theo dõi biết rõ tất cả.

Và tôi càng ngạc nhiên hơn nữa là cuối cùng khi chia tay Bác bắt tay tôi và nói thêm: "Trận ra quân đầu tiên phải thắng ! Điều đó chỉ đạt được nếu mình biết dựa vào dân. Hành động cùng nhân dân tất sẽ thắng lợi ". Đến nay tôi vẫn còn nhớ như in câu dặn dò cuối cùng này của Bác.

Trong thời gian đầu, chúng tôi tấn công những đồn bót lẻ tẻ, đánh chớp nhoáng, có những cuộc tập kích chỉ diễn ra trong vòng năm phút, và mỗi lần đều mang lại thắng lợi. Có khi chúng tôi còn tấn công cả vào ban ngày, khi không ai có thể ngờ.

Về câu hỏi mà ông đã đặt ra đó, nhiều người bạn khác cũng đã nêu lên rồi, và tôi đều trả lời là họ "nên hỏi" Chủ tịch Hồ Chí Minh. Điều đó có nghĩa rằng là tôi không biết câu trả lời chính xác, bởi vì ngay chính bản thân tôi cũng ngạc nhiên ! Một lý do khả thể là vì tôi đã tham gia kháng chiến ngay từ hồi còn rất trẻ, hoặc vì tôi là một ký giả, hoặc vì tôi biết vài ngoại ngữ

VNK: Trong thiên hồi ký của ông có nhắc đến "một quyết định khó nhất ở cương vị một tư lệnh" [trong chiến dịch ĐBP]. Vậy chứ trong cuộc chiến tranh chống xâm lược Mỹ chắc cũng có những quyết định rất quan trọng như thế ?

VNG: Sau khi chúng tôi chiến thắng trận Điện Biên Phủ vào ngày 7 tháng 5 (1954 - chú thích của ban biên tập VNK!), ngay tối hôm đó tôi gọi điện văn cho Hồ Chủ tịch. Ngày 8 tháng 5 nhận được trả lời, một điện chúc mừng. Trong đó có một câu như sau: "Chiến thắng to lớn, nhưng đó mới chỉ là thắng lợi bước đầu". Một tuần sau tôi có mặt tại tổng hành dinh của Chủ tịch, lúc đó vẫn còn ở trong rừng sâu, tôi đi ngựa cũng mất một tuần lễ. Đến nơi tôi chưa ghé qua nhà mà đến thẳng chỗ của Chủ tịch. Bác bước ra khỏi lán để đón trong lúc tôi vẫn còn ngồi trên yên ngựa. Bác bắt tay rồi ôm tôi và nói: "Bác mong rằng đây đã là chiến thắng. Nhưng chúng ta vẫn còn phải tiếp tục chiến đấu chống Mỹ".

Nhưng sự khác biệt giữa cuộc chiến đấu mới [chống Mỹ] này đối với cuộc chiến đấu [chống Pháp] chấm dứt bằng thắng lợi ở

Điện Biên Phủ là điều gì ? Trận Điện Biên Phủ, thoát đầu chúng tôi chủ trương "đánh nhanh, thắng nhanh", song sau đó đổi sang "chỉ tấn công nếu nắm chắc thành công, toàn thắng rồi sẽ đến sau" (4) (rốt cuộc là 55 ngày cả thảy) ; còn trận cuối cùng chống Mỹ năm 1975 thì lại khác hẳn. Kế hoạch của chúng tôi dự trù là trận này rất có thể phải còn kéo dài ít nhất là 2 năm (5).

Số lượng chính của địch quân (6) tập trung tại Tourane (Đà Nẵng - chú thích của BBT báo VNK). Chúng được lệnh phải trụ lại đến người cuối cùng. Tôi không tin rằng chúng có thể thực hiện được như vậy, tôi phát biểu: "Chúng nhất định sẽ rút lui". Tôi bèn cho lệnh điều động tất cả các sư đoàn lại và ra lệnh: trong 3 ngày nữa sẽ tấn công. Cuộc tiến quân dưới hỏa lực pháo của địch thật rất khó khăn, nhưng rốt cuộc khi chúng tôi đến nơi thì đa số quân lính của địch không còn đó, chúng đã chọn giải pháp tháo chạy.

Thế là có một tình huống mới, buộc phải xét lại kế hoạch giải phóng đất nước trong 2 năm tới. Tôi nói: "Không ! Kẻ thù hiện tại thật tình không còn tinh thần chiến đấu, hơn nữa còn có dấu hiệu cho thấy chúng đang trong quá trình rã ngũ. Do đó, lúc này chúng ta phải tiến công thật nhanh. Tôi bèn đưa ra khẩu hiệu: "Dùng cảm, dùng cảm, thần tốc tiến nhanh về miền Nam từng giờ từng phút, giải phóng đất nước." Đó là nguyên văn bức điện tín của tôi !

Rồi còn thêm một vấn đề khác mà sau này chúng tôi gọi là "Trận Điện Biên Phủ trên không". Hồ Chủ tịch từng nói: "Vũ khí tối tân nhất của Mỹ chính là B52 và chúng ta phải đánh bại B52 trên bầu trời Hà Nội". Điều này cũng có nghĩa là phải đánh bất ngờ khiến chúng hoang mang, tự khắc chúng phải rút. Tôi ra lệnh nghiên cứu xem làm cách nào để có thể bắn hạ B52. Pháo đài bay B52 vốn có tiếng là vô địch, bất bại, bởi vì nó bay quá cao đến nỗi không có súng phòng không nào có thể bắn tới. Phương tiện mà cuối cùng chúng tôi sử dụng là ra-đa và tên lửa SAM, bởi vì với mắt thường không thể nào trông thấy chúng (B52). Tôi đi đến Trung tâm phòng không, nơi đang làm công việc nghiên cứu cách đánh. Tên lửa chúng tôi sử dụng lúc bấy giờ là SAM 2, tuy đã có mô-del SAM 3, nhưng chưa có cái nào được chuyển đến Việt Nam vì còn nằm [đâu đó] ở biên giới. Các bạn Liên Xô nói : "Các bạn Việt Nam của chúng ta là những chuyên viên sử dụng SAM 2 tài tình nhất từ trước đến nay". Thật vậy, ngay cả việc dùng tên lửa hiện đại [SAM2] để bắn hạ được B52 cũng rất khó khăn. Nhưng chúng tôi đã thành công. Chính điều này mới [thật sự] mang tính quyết định, [chứ còn] những thắng lợi nhanh chóng ở miền Nam [năm 1975] thì không quyết định lắm. Nếu mà chúng tôi đã không loại được B52 (chúng tôi đã hạ 34 chiếc B52 trên bầu trời Hà Nội, khoảng 10% của tổng số B52), thì sẽ không thể có toàn thắng .

Chúng tôi đã chiến thắng bởi vì dân tộc chúng tôi có một lịch sử và một nền văn hoá với chủ nghĩa yêu nước hàng ngàn năm. Trong suốt quá trình lịch sử chúng tôi đã 17 lần đánh đuổi các đội quân xâm lược, kể cả các đội quân của Nhật Bản và Trung Hoa. Hốt Tất Liệt và đội quân Nguyên Mông đã 3 lần chiếm Hà Nội. Dân tộc chúng tôi luôn tâm niệm "Thà chết chứ không chịu làm nô lệ. Chính chúng ta phải làm chủ đất nước đất nước của mình".

VNK: Trong mối tương quan của các sự kiện hiện nay (chiến tranh Afghanistan, Irak) người ta luôn tìm cách so sánh với

chiến tranh Việt nam. Ông đánh giá ý nghĩa lịch sử của chiến tranh Việt Nam thế nào, nhìn từ thời điểm hiện tại ?

VNG: Thật là rất khó dự đoán, tiên đoán một vấn đề gì. Khi Mỹ vào Việt Nam các bạn Trung quốc và Liên xô của chúng tôi đều khuyên : " Các bạn hãy chấm dứt đấu tranh và hãy hài lòng có được miền Bắc". Điều đó cho thấy rằng những người như Đặng Tiểu Bình hoặc Mao Trạch Đông cũng không dự đoán được tình hình cho nên các vị ấy mới cho chúng tôi những lời khuyên dờ dặt. Đối với tôi lúc này cũng y như thế, chính vì vậy tôi không muốn làm cái việc tiên đoán. Trong quyển sách mới đây tôi có viết một câu mà tôi muốn trích ra đây, xem như thay cho một câu trả lời. (Ông Giáp viết câu đó ra cho chúng tôi). Câu như sau: "Điện Biên Phủ là điểm hẹn mà Lịch sử dành cho những cuộc chiến tranh xâm lược trong thời đại ngày nay."

VNK: Và số phận của USA ở Bagdad có thể rồi sẽ như thế ?

VNG: Tôi không thể làm một điều tiên đoán. Nhưng dù sao chẳng nữa câu trả lời của tôi đã quá rõ, có phải vậy không ?

Điều quan trọng nhất, là con người tự quyết định lấy vận mệnh của mình. Nhưng phải là con người có văn hoá. Ai có văn hoá, kẻ đó sẽ thắng. Tất cả nhân loại trên trái đất này đều mong muốn có quyền được sống và quyền được tự phát triển. Chính vì thế chúng tôi, trong mọi tình huống, mọi hoàn cảnh, là những người lạc quan.

Buổi nói chuyện diễn ra vào ngày 19 tháng 7 năm 2004 tại văn phòng của Đại tướng Võ Nguyên Giáp. Phỏng vấn và dịch từ băng ghi âm nguyên bản bằng tiếng Pháp: Günter Giesenfeld.

(1) Ý nói: Thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà năm 1945

(2) "Việt Nam Độc lập Đồng minh Hội", một tổ chức liên minh chính trị - quân sự, thành lập năm 1941 để tổ chức chống ách đô hộ của Thực dân Pháp. Việt Minh gồm có những người Cộng sản, các Tổ chức và các Hội đoàn, Đoàn thể khác trong xã hội.

(3) Bí danh của Đại tướng Võ Nguyên Giáp thời kháng chiến

(4) Khi đã xác định rõ thêm là Pháp chọn căn cứ Điện biên phủ để giải quyết (chiến tranh Việt Nam), thì có khác biệt ý kiến trong bộ chỉ huy quân đội giải phóng. Đa số muốn tiến công ngay trong lúc Pháp còn đang xây dựng, củng cố vị trí. Giáp chống lại, ông ta cho rằng muốn thành công thì phải chuẩn bị trận đánh thật chu đáo; việc chuẩn bị có thể kéo dài, nhưng chắc thắng. Ông đã chống lại ý kiến của các cố vấn Liên xô, Trung quốc và thông qua ý kiến của mình. Cuộc chuẩn bị (tiền công) theo phương án cũ đã được chặn lại.

(5) Đến năm 1977 hoặc lâu hơn.

(6) Ý nói: Quân đội Nam Việt Nam của chế độ Thiệu. Quân đội Mỹ đã rút khỏi Việt Nam năm 1973

** Mọi chú thích trong bài - ngoặc đơn tròn (...) - và các chú thích (1) đến (6) là của tác giả, giáo sư G. Giesenfeld, chủ tịch Hội hữu nghị Đức-Việt. Các chữ trong ngoặc vuông [...] là của người dịch, thêm vào cho rõ nghĩa câu văn !

GIẢI CLAY 2004

về tay
nhà toán học
NGÔ BẢO CHÂU

Đầu tháng 11 tại Trường đại học Harvard, Viện Toán học Clay (CMI) đã trao giải « *tưởng thưởng những tiến triển có ý nghĩa trong nghiên cứu toán học* » cho ba nhà toán học Ben Green (Trinity College, Anh), Gérard Laumon và Ngô Bảo Châu (Trường đại học Paris-Sud, Orsay, Pháp). CMI là một cơ sở tư nhân, do nhà mạnh thường quân Landon T. Clay sáng lập, nhằm mục đích « *phát triển và truyền bá tri thức toán học* », giúp công chúng khám phá « *vẻ đẹp, sức mạnh và tính phổ quát của tư duy toán học* » (hiến chương của CMI). Năm 2000, viện Clay đã được giới truyền thông nói tới nhiều khi họ công bố danh sách 7 « bài toán của thiên niên kỉ » và treo giải 1 triệu đô la cho ai giải được một trong 7 bài toán ấy (*). Danh sách này được lập ra dưới sự bảo trợ của những nhà toán học trứ danh (Atiyah, Connes, Tate, Wiles...). Độc lập với giải « thiên niên kỉ » nói trên, hàng năm CMI trao « giải Clay » cho những công trình quan trọng của những nhà toán học còn trẻ hay đã làm nên sự nghiệp. Trong số những người từng được giải, có những tên tuổi lừng danh như Andrew Wiles (người đã chứng minh định lí Fermat), Alain Connes hay Laurent Lafforgue (vừa được giải Fields - mà người ta coi là giải Nobel toán học). Phải nói ngay là hội đồng giám khảo của viện Clay hơi thiên vị lãnh vực lí thuyết số (hiểu theo nghĩa rộng) : khá nhiều tuyển viên là tác giả những phát kiến về số học : Wiles (định lí Fermat), Connes (hướng về giả định của Riemann) hay Lafforgue (ước đoán hình học của Langlands). Giải Clay năm nay cũng không ra ngoài thông lệ này : Ben Green, hợp tác với Terence Tao, làm về phân bố các số nguyên tố trong các cấp số cộng, một đề tài cổ điển đã bắt đầu được nghiên cứu từ thế kỉ 13 ; còn công trình của Laumon và Ngô Bảo Châu có thể xếp vào lãnh vực mà giới nghiên cứu vẫn gọi là « chương trình Langlands », một lãnh vực từ ba chục năm nay đang huy động một bộ phận khá lớn năng lực toán học (đặc biệt ở Pháp).

Không có gì « thất đức » hơn là cái « nghề » phổ biến toán học : không thể nói toán học bằng ngôn ngữ thông thường (cho nên phải dùng vô số ngoặc kép), bị người « ngoại đạo » trách là viết « khó hiểu », còn chuyên gia thì chê là « thiếu chính xác ». Nói theo Nguyễn Tuân, và xin lỗi trước bạn đọc, một bài phổ biến toán học, giới lắm cũng chỉ là một cuộc giao hoan nửa vời.

Vậy thì xin nói chuyện số học. Mục tiêu tối hậu của lí thuyết đại số về các số là hiểu biết « nhóm Galois tuyệt đối » của mỗi « trường số ». Đặt vấn đề như vậy, đối với nhà toán

học, đã là siêu hình rồi vì... thiếu chính xác. Thay vì « hiểu biết », xin dùng chữ « mô tả », nghĩa là vẽ ra một « bức hoạ » ít nhiều trung thành (mức độ trung thành tùy thuộc vào từng bài toán) : đó là khởi điểm của lí thuyết « biểu diễn » của các nhóm. Dưới góc độ này, các nhà toán học đã đạt được mục tiêu tối hậu, nhưng chỉ riêng cho một loại nhóm gọi là « nhóm Abel » : đó là lí thuyết nổi tiếng về « trường của các lớp » (class field theory), thành quả hơn nửa thế kỉ nỗ lực của những nhà toán học lớn cuối thế kỉ 19 và nửa đầu thế kỉ 20. Đây là một lí thuyết đồ sộ và phức tạp nên, ngay cả ngày nay, nó chỉ được dạy trong các giáo trình cấp 3 đại học, dành cho những chuyên gia. Giai đoạn tiếp theo, nghiên cứu các ca « phi Abel », chính là « chương trình Langlands ». Chương trình này không chỉ gồm có những « ước đoán » (**) mà là cả một kế hoạch (« lộ trình », nói theo lối thời thượng) nhằm chứng minh những « ước đoán » đó. Một khi được chứng minh - nghĩa là nó trở thành định lí rồi - nó sẽ lập ra sự tương ứng một đối một giữa một bên là các biểu diễn của nhóm Galois, và bên kia là các biểu diễn liên kết với những hàm số thuộc một kiểu đặc biệt gọi là « hàm tự cấu ». Để đánh giá đúng mức bước nhảy vọt khái niệm của chương trình Langlands, ta phải biết rằng các nhóm Galois thuộc về đại số học (nghiên cứu những số lượng rời rạc), còn các hàm số thuộc về giải tích học (nghiên cứu những lượng vi phân). Người ta đã công bố rất nhiều công trình về các ước đoán của Langlands. Khi nói bài toán ban đầu ra khỏi khuôn khổ các trường số, mở rộng ra một số trường không chỉ là trường số song vẫn có ý nghĩa số học - những « trường cục bộ » và « trường hàm » - người ta mở ra trên « lộ trình » Langlands hai giai đoạn quyết định : ước đoán của Langlands về các « trường cục bộ » đã được Harris và Taylor chứng minh và sau đó là Henniart (bằng một phương pháp đơn giản hơn) ; tiếp theo là ước đoán về các « trường hàm » đã được Lafforgue chứng minh (Lafforgue đã được trao tặng huy chương Fields năm 2002 chính là nhờ công trình về « ước đoán hình học » này). Hiện nay giới nghiên cứu đang tập trung nỗ lực vào ước đoán về các trường số, nhưng trường số vốn chứa đựng những khó khăn kĩ thuật lớn lao. Trong số những khó khăn ấy, phải kể tới « chuyển giao » và « bỏ đề cơ bản », là hai ước đoán « cục bộ » xuất hiện trong lí thuyết « nội soi » mà Langlands và một số người khác đã tạo ra đề « ổn định công thức về các vết của Arthur-Selberg » thuộc lãnh vực giải tích điều hoà trong các « nhóm p-adic ». Vào cuối thế kỉ 20, những tiếp cận hình học (nhưng vẫn giữ tính chất cục bộ) đã cho phép quy cả hai ước đoán về một mối duy nhất là bỏ đề cơ bản, và sau đó G. Laumon đã chứng minh được bỏ đề này cho các « nhóm unita »... với điều kiện là chấp nhận một ước đoán khác, mang tên « ước đoán thuần khiết » ! Ngô Bảo Châu đưa ra một cách tiếp cận khác, tiếp cận hình học « toàn cục », có thể nói là trở về động cơ toàn cục nguyên thủy của bỏ đề cơ bản. Nhờ cách tiếp cận này, có thể đánh vòng qua nguyên tắc thuần khiết. Sự hợp tác giữa Laumon và Ngô Bảo Châu đã đưa tới kết quả là chứng minh được bỏ đề cơ bản cho các nhóm unita một cách vô điều kiện. Giải Clay 2004 đã tưởng thưởng công trình đột phá này.

Đ. T.

(*) Cho đến nay, chưa ai giật giải, mặc dầu đã có nhiều tiến triển trong các lãnh vực.

(**) Cũng lạ là các ước đoán của Langlands không nằm trong danh sách các « bài toán của thiên niên kỉ ».

Sinh năm 1972 tại Hà Nội, Ngô Bảo Châu soạn luận án tiến sĩ toán tại Trường Đại học Orsay (Paris-Sud) dưới sự hướng dẫn của G. Laumon - Laumon cũng là thầy học của L. Lafforgue. Sau khi bảo vệ luận án năm 1997, Châu vào CNRS (Trung tâm quốc gia nghiên cứu khoa học) và làm việc tại TĐH Paris-Nord. Tháng 6-2004, được bổ nhiệm giáo sư Trường Đại học Paris-Sud.

SỨC NÉN CỦA NGÔN TỪ

*Kính tặng hương hồn
cố thi sĩ Phùng Cung*

Để khen nhau mà nói “*hoi bị đẹp đấy*” thì đã lạ rồi, nhưng tấm tắc khen nhau “*hoi bị đều đấy*” thì các cụ nhà ta sống lại chắc không tài nào hiểu nổi bọn con cháu định nói gì.

Bởi nó “*ngược đời*” !

Bởi đó là kiểu ngôn từ đã bị lộn ngược !

Thứ ngôn ngữ lộn ngược này, tùy theo tạng của mỗi người, ta có thể thích hoặc không thích, nhưng sự tồn tại một cách rất có sức sống của nó khiến tôi giật mình. Hegel chẳng nói : cái tồn tại là cái có lý đó sao ?

Mà có lý thật.

Hãy nói về chữ “*bị*”. “*Bị*” vốn là một từ biểu hiện ý niệm thua kém, tiêu cực, như bị thua, bị xấu, bị lỗ vốn, bị khinh... Nhưng nay lại có “*bị đẹp*”, “*bị ngon*”, “*bị tuyệt vời*”... thì thật trái khoáy ! Lạ nữa là nếu thêm một từ chỉ sự hạn chế như “*hoi*” (nghĩa là chỉ một chút thôi) thì giá trị muốn khen lại còn tăng lên gấp bội. *Hoi bị đẹp* là rất đẹp. *Hoi bị tuyệt vời* là tuyệt vời vô cùng.

Đến một lúc ta lại khám phá ra rằng trong các cụm từ gồm những yếu tố ngược nhau, chống nhau kia toát lên một ẩn ức : dường như người nói phải khẳng định một giá trị mà biết chắc là sẽ rất nhiều người muốn phủ định. Hơn thế, người nói dường như biết mình là thiếu sót, là không chính thống, nhưng lại tin chắc sự thật và cái đúng nằm ở phía mình. Ngôn ngữ được phát ra trong một tương quan tranh chấp.

Khen một người đẹp, một hành động đẹp đích thực mà phải nói là “*bị đẹp*” ? Khẳng định là rất đẹp nhưng cũng chỉ dám nói là “*hoi bị đẹp*” thôi ! Sự “*khiêm tốn*”, nhượng bộ ấy cho thấy người nói tự biết mình đúng, nhưng vẫn phải cố nói cho “*phải đạo*”, như thế đang đứng trước những người đã trực sẵn để chống lại ý kiến của mình vậy.

Nhưng sự khiêm tốn ở đây xem ra chỉ là khiêm tốn bất đắc dĩ, bên trong vẫn như ngầm chứa một sự đối chọi, lại còn đùa cợt, trêu ngươi. Tuy đã rất khiêm tốn, người nói vẫn khẳng định lập trường khen chê của mình. Thậm chí hiệu quả tương phản của ngôn ngữ khiến cho càng bị nén xuống thì sự khẳng định lại càng tăng lên.

Và lại, nói ngược chắc gì đã ngược, chữ “*bị*” chắc gì đã là thua kém. Chẳng hạn “*bị*” làm đầy tớ thì sướng hơn cái “*được*” làm chủ rành rành rồi. Trong một không gian đảo lộn thật già thì có khi nói ngược mới chính là nói xuôi.

Vậy chính bối cảnh xã hội đã tạo ra tâm lý thích nói

ngược, và nhu cầu phải nói ngược !

Nhưng dù gì đi nữa, sự xung đột giữa hai thành phần đối chọi nhau trong các cụm từ có chữ “*bị*” này cũng cho ta thông điệp về một sự dồn nén, tranh chấp, cọ xát giữa những giá trị đang bị đảo lộn (hoặc do chen nhau về thể hệ, hoặc bởi danh một đường thực một nẻo ; hoặc bởi thang giá trị đã bị lộn ngược, quay đầu xuống đất, cái tử tế bị coi là tối tàn, cái tối tàn thì lên ngôi chúa tể), và tất yếu phải đấu tranh để xác lập lại thang giá trị ấy.

Bây giờ nói về chữ “*đều*”

“*Đều*” là một cái gì đó xấu xa, tối tàn, lừa đảo, mất dạy...khỏi cần nói. Nhưng ĐỀU lại ghép với một danh từ, tính từ hay động từ mang nội hàm tử tế, tốt đẹp, đạo đức... thì xưa nay chưa có bao giờ. Ví dụ xưa nay vẫn nói “*thằng đều*” chứ không thể ghép với chữ ông thành “*ông đều*” được.

Nhưng đây, tôi ví dụ. Trước ngày 30-4-1975 thì đài (máy thu thanh) còn quý lắm. Mấy thằng ma-cô ăn mặc giả bộ đội, thấy một ông già ngồi nghỉ ở chỗ vắng, đang nghe chiếc đài Xiang-Mao. Chúng xán đến chào hỏi lễ phép, rồi nói với về quan tâm :

– Bố có cái đài đẹp quá, (rồi chìa tay ra), bố cho con xin nhé, thôi tặng con đi, bố già rồi, giữ lấy sức khoẻ mà sống, nghe làm gì ?

Nếu hiểu “*ngôn ngữ của thời đại*” và tình huống bất khả kháng của mình thì ông già hãy ngoan ngoãn biếu chiếc đài đi để được yên thân. Nếu ngoan cố chống lại thì chẳng những mất cái đài mà còn xoi thêm mấy cái tát hay gì nữa cũng chưa biết chừng. Động tác “*xin*” của chúng như thế là một bài giảng về khái niệm “*xin đều*” ! Một động tác cướp nhưng không phải cướp giật, mà là “*xin*” ! Xin và tặng vốn là những động tác của sự lịch sự, thân ái !

Tôi nhớ trong một tuyên ngôn, nhà văn Bùi Minh Quốc đã gọi mẹo ấy là “*biến cuộc trấn lột thành một cuộc hiến dâng tự nguyện*”. Thật chí lý. Đây tính “*thời đại*” (!). Những chuyện xin đều, giúp đều, quan tâm đều, phục vụ đều, đối mới đều, thân ái đều, nhân ái đều...(mà thực chất là ăn cướp, là trấn lột) bây giờ đã nhan nhản ra rồi. Trong những quán “*com từ*” chúng cũng *phục vụ nhân dân* đấy nhưng là “*phục vụ đều*” !

Đây là “*đều*” ghép với động từ hoặc tính từ.

“*Đều*” cũng có thể ghép với một danh từ hàm ý từ tế.

Một lần ra chợ giòi, tôi mua về một chiếc radio-cassette hiệu Sony, còn khá mới, giá lại khá rẻ, nhưng lắp băng vào nghe được một lúc thì băng rồi, cố mở ra thì nùm văng một đặng, bánh xe một nẻo. Anh bạn tôi liền ái ngại và riếu tôi : “*Thôi thôi bố ơi, bố mua phải 'Sony đều' rồi !*”. Sony là một thương hiệu có uy tín, ghép với chữ đều tạo thành một từ đầy ẩn tượng. Nếu gọi là Sony già, Sony ròm thì mất hết giá trị trong ngôn ngữ. Phải là “*Sony đều*” mới lột được cái thần của thực trạng. Hàng giả, hàng ròm...là những từ chết. “*Hàng đều*” là ngôn ngữ sống động không thể thay thế, nó không chỉ thông báo về chất lượng món hàng, mà nó thông báo toàn cục, cả tâm địa, cung cách,

trào lưu, khung cảnh, nền tảng, nguy cơ... và cả cảm xúc của người nói nữa, nghĩa là toàn bộ bối cảnh, toàn bộ “sinh thái học” của vấn đề.

Nhưng, ở một xứ sở toàn những mẻo Trạng Quỳnh thì sẽ có mẻo để chống lại mẻo, sẽ có “đều” trị lại “đều”, sẽ có “đều” lương thiện chống lại “lương thiện đều” v.v..., (rồi phải có “đều” cương trực, “đều” khôn ngoan, “đều” từ tế nữa). Thế là một lần nữa, ngôn ngữ lại phải lộn ngược, và khi ấy những người từ tế lại phải khen nhau “*hoi bị đều đấy!*” (trong tổ hợp này thì chữ “đều” lại đóng vai nhân tố tốt đẹp, “đều” tương tự như “đẹp”, nên vẫn ngược chiều với chữ “bị”, theo đúng nguyên tắc tương phản của cách diễn đạt này). Viết một câu đối ra mà được bạn bè gật gù, tùm tìm phán rằng: “*Hoi bị đều đấy!*” thì có thể yên tâm mở rượu ăn mừng. Ngôn ngữ quý quái thật.

Nói đến chữ ĐỀU tôi rất phục sự phát hiện của một cây bút tên là Bắc Hà mà tôi chưa có hân hạnh biết là ai. Bắc Hà viết về một nghề cổ truyền của đất Cổ Nhuế rất dễ thương với lời ca “*ba sẵn sàng*”: *Thanh niên Cổ Nhuế xin thề, chưa đây hai sọt chưa về quê hương*. Bắc Hà viết rằng Cút rất có giá nên người ta trộn cả đất vào để tăng trọng lượng. *Cút không đúng là cút thì gọi là cút đều*. (Trong tổ từ này Cút là một giá trị đẹp, hữu dụng, tương phản với chữ đều là từ có nghĩa xấu). (Mới đây trong vụ án siêu nghiêm trọng mà đại tướng Võ Nguyên Giáp, thượng tướng Nguyễn Nam Khánh và nhiều tướng lĩnh anh hùng của ta yêu cầu Bộ Chính Trị phải đem ra xét xử và nghiêm trị, ông Bắc Hà này còn phát hiện ra khái niệm “*Chủ tịch nước đều*”, “*đại tướng đều*” nữa!)

Kinh tế hàng hoá thật lắm chuyện. Nhưng ham lợi trước mắt mà *tàng trừ “hàng đều”* thì tội to, lợi bất cập hại đấy!

Đến đây, tôi phải mở ngoặc, xin bạn đọc một phút thôi, kéo vô tình ta xúc phạm đến phẩm chất của Cút. Cố thi sĩ Phùng Cung có bài ca ngợi phẩm chất ấy như sau: “*Cút không thềm với tay vịn gió đổi mùi, và nguyện hôi thối hết mình để người đời khỏi ngộ nhận...*”. Cút tự biết mình là thối, lại nguyện hôi thối hết mình để người đời khỏi ngộ nhận. Cái đức “chân thật” đó của Cút thật đáng ngợi ca thay! Lương thiện thay! Cố bốc thơm mà làm gì?

Trở lại câu chuyện ngôn ngữ

Ngôn ngữ là một kho tàng văn hoá. Nó là phương tiện giao lưu, phương tiện truyền bá toàn diện nền văn minh, làm cho thế hệ sau tiếp nhận được hết các thành quả của thế hệ trước, đứng lên vai thế hệ trước mà tiến xa hơn. Nhưng chính ngôn ngữ cũng là một thể sống, nó hút sinh khí của môi trường giao tiếp mà tu chỉnh, mà nâng cao, mà sinh sản nữa.

Thời đại nào đẻ ra ngôn ngữ ấy. Thời đại của tin học, của máy vi tính cho ta khái niệm “nén thông tin”. Vẫn nội hàm ấy, nhưng tùy độ nén mà tạo ra các dạng thông tin khác nhau. Thử đem khái niệm ấy vào văn học: thông tin từ cõi nhân sinh thì mệnh mông vô tận, nhà văn nén nó vào tiểu thuyết, nén nữa thành các truyện ngắn, nén nữa thành thơ, nén nữa thành câu đối, nén nữa thành các khái

niệm, ngôn từ. Sức đúc kết của ngôn từ thì thật kinh khủng.

Những danh từ như *cách mạng, dân chủ...* thật tối thiêng liêng, nhưng nếu không thực tâm vì nhân dân, vì đất nước mà để cho chủ nghĩa cá nhân vị kỷ ý thể làm càn, hại dân hại nước thì miệng người đời ngọng gì mà không kèm một chữ “*đều*” theo sau? Bao nhiêu năm trời dân mới sáng tác được, mới nén được một chữ “*đều*” của mình, hẳn dân biết dùng cho đích đáng.

Nhân nhắc đến câu đối, tôi nhớ hai câu thách đối mà tôi cho là cô đọng và khó đối nhất trong các câu đối hiện đại. Một câu là chữ nghĩa văn chương, của Phan Hiền, đăng báo Quân đội Nhân dân đã lâu lắm. Thách đối như sau: “*Sai đâu sửa đấy, sai đấy sửa đâu, sửa đâu sai đấy!*”. Chữ nghĩa tối giản, lộn ngược lộn xuôi, luẩn quẩn, tráo đi tráo lại, mà ý tứ thì hàm súc vĩ mô, bình luận cả ngày không hết! Còn câu kia là một câu thách đối thuộc ngôn ngữ “tếu táo” lưu truyền trong dân gian, nhưng gói ghém toàn bộ tính chất và hiệu quả của nền kinh tế chỉ huy và phân phối bao cấp xã hội chủ nghĩa: “*Cái cút gì cũng phân, mà phân thì như cút!*”. Ôi, lại phân với cút, những từ ngữ sao mà vĩ đại!

Những câu đối tài như thế, lắt léo như thế, bao trùm như thế thì kể cũng “*hoi bị đều*” và “*hoi bị tuyệt vời*” thật! Biết khen thế nào khác được?

Câu đối là thể loại đã nén thông tin rất cô đọng, nhưng đến đơn vị cơ bản là những ngôn từ thì sức nén còn cô đọng hơn. Chỉ một chữ “*BỊ*”, một chữ “*ĐỀU*” thôi, được sử dụng một cách “tai quái” và bi hài như vừa phân tích trên đây đã *nén vào trong nó thông điệp của cả một thời*, một thời có một không hai trong lịch sử dân tộc ta vậy.

Hà Sĩ Phu

10 / 2004

Tìm đọc

HỢP LƯU

tập san văn học nghệ thuật biên khảo

18939 Magnolia Ave, Fountain Valley, CA 92708 USA

Tel (714) 965-4651 • Email : hopluu@saigonline.com

<http://www.hopluu.org/>

- ♦ nơi quy tụ những cây bút nổi tiếng của trong nước và ngoài nước
- ♦ nơi gặp gỡ những tấm lòng tha thiết với văn học Việt Nam

đại diện tại Âu châu : Mme Nguyễn Thị Xuân Sương

60 Av. Romain Roland, F-93200 Saint Denis France

Tel : 33 (0) 1 48 27 13 45

Phan Nhiên Hạo

trích tập thơ **Chế tạo thơ ca**,
NXB Văn, San Jose 2004

Phan Nhiên Hạo sinh tại Kontum, Việt Nam, sống ở Hoa Kỳ từ 1991. Học xong khoa Văn, ĐH Sư Phạm, Sài Gòn 1989. Cử Nhân Văn Chương Anh-Mỹ, 1998 và Cao Học Thư viện-Thông Tin, 2000 tại University of California, Los Angeles (UCLA).

Hiện làm việc trong một thư viện đại học ở Los Angeles.

Giữa Mặt Trăng Và Rong

Người đàn ông bắc chiếc thang mùa hè
lên vầng trăng sắp đến ngày nguyệt thực
Chiếc xe xá khói xanh
vào nỗi mệt nhọc hàng ngày
Và các lo toan sinh vật
thao láo như mắt cá ướp đá dưới hầm trên chiếc tàu
không đủ dầu đi đến chân trời nơi cầu vồng cúi
xuống uống nước biển

Người đàn ông và mặt trăng chìm xuống ngủ với rong
vào một buổi sáng không có sương mù không còn
sữa và trứng
không có ai đeo băng tên đồng đứng mở cửa khách
sạn rung chuông
Tháng Tám di chuyển dần về phía Nam
trên con đường thoáng mùi phân bò với những ngã ba
vươn ra mai phục từ ngôi nhà đổ nát
Nơi khuôn hình võ kính còn sót lại
một nụ cười trẻ thơ.

Gặp Một Người Lái Taxi ở New York

Chiếc taxi màu vàng chạy trên những con đường nứt ra
từ trận động đất không bao giờ khép lại
phía trên là nhà chọc trời
Nguyễn Văn B. ở New York hai mươi tám năm
nói tiếng Anh không rành
(ông nói tiếng Pháp tốt hơn).

Ba lần bị kê súng vào đầu cướp sạch tiền bạc,
B. nói : "Những gì đáng mất tôi đã mất rồi,
đất nước, tuổi trẻ, mộng mơ,
xưa kia ở Sài gòn gia đình tôi có hai người giúp việc,
và một tài xế
bây giờ tôi là tài xế cho mấy triệu người
ở đây người ta bắt xe bằng cách huýt sáo
chỉ cần vẫy tay tôi chạy đến liền
như con chó vàng tên gọi Taxi...

... thôi, đưa tiền "típ" làm gì,
mình là người Việt với nhau."

Đám Tang Cho Những Người Bất Tử

*I will teach you my town's people
how to perform a funeral-*

William Carlos Williams, « Tract »

Trong thành phố này không ai chịu chết
tất cả cầm rượu nút lá chuối lang thang
qua ngã tư đường canh giữ bởi cánh sát
cối bò vàng cắt đuôi.

Trong thành phố này bọn trưởng giả chơi bạc
trên sập gụ và khi còn lẻ vài ngàn
chúng xả súng lục vào người đàn bà mỗi đêm
dựa lưng vào tường nhận sáu viên đạn thịt
rồi đi về nhà lúc tỉnh mơ
khoảng khắc sạch sẽ nhất của ngày
áo quần đầy mùi thuốc súng.

Trong thành phố này đây bọn bắt chước
chúng ăn cắp ngôn ngữ tôi, chúng uống nước chanh
thừa,
chúng nhìn trộm vợ tôi, chúng dạy con tôi
nói dối
chúng nói thế hệ ta đã làm điều vĩ đại giờ thì đến
lượt người khâm phục
để ban thưởng, chúng đặt vào lưỡi tôi viên thuốc lắc.

Trong thành phố này đây bọn ham học
đọc sách suốt đêm dưới ngọn đèn dầu
thỉnh thoảng đập muỗi và kêu to, Dostoevski,
Dostoevski, chúng lồi biêt làm gì với quá nhiều tự do,
công việc của chúng tôi chỉ thuần trích dẫn
ước vọng cuối cùng của chúng tôi là được
chôn trong Văn Miếu dưới những mu rùa,
còn bây giờ hãy cho chúng tôi giải khát
bằng nước Hồ Gươm.

Trong thành phố này có quá nhiều anh hùng
không hề buồn ngủ qua một ngàn cuộc chiến
vào những ngày rằm họ kể chuyện đi săn
đầu người, đầu thú. và đầu vú.

Tôi có thể chỉ cho các người cách tổ chức một đám ma
Nhưng trước hết tôi cần một xác chết.

Chế Tạo Thơ Ca

Một buổi chiều không có việc gì làm
Tôi ngồi chế tạo ra thơ ca
chỉ bằng mười sáu con ốc, hai tấm kim loại,
bốn bánh xe. Nó được đổ đầy nhiên liệu
hỗn hợp của xung đột, hy vọng, tình yêu và sự vô ích.
Đủ sức chạy từ Mỹ sang Tàu trong một đường hầm
tối om xuyên tâm trái đất.

Đường hầm mà trước đó không lâu
số phận đã đục trong một con cương cứng.

Và lí trí phê phán khắc nghiệt được thiên trước niềm hoan lạc ...

Phạm Thị Hoài

Diễn Đàn : Talawas có lẽ là tờ báo mạng tiếng Việt về văn học nghệ thuật được người Việt trên cả thế giới đọc nhiều nhất. Nếu bạn đọc Diễn Đàn quen dùng Internet mà chưa biết đến Talawas, xin vào xem ngay tại đây : <http://www.talawas.org> ; mọi chuyện khác để đó đã :-)

Đáng nhẽ trong thời đại Internet không ai hỏi một tờ báo mạng đặt ở đâu, nhưng với Việt Nam thì bất hạnh phải nói, Talawas không nằm trong vòng kim cô hình chữ S, và ban biên tập có mặt tại nhiều nơi trên thế giới. Nhân dịp kỷ niệm sinh nhật ba năm của tờ báo, mỗi thành viên ban biên tập Talawas đều có một bài viết tùy hứng, chúng tôi xin đăng lại đây bài của nhà văn Phạm Thị Hoài, tổng biên tập.

Ba mươi năm tôi viết tay. Những năm đầu thập niên 80 sờ được sợi gang vắt ngang mặt giấy, tôi lại ghét dùng bút bi giới chịu xóc nên ngồi bút mực vênh, gây nhiều lần. Những năm đầu thập niên 90 ngồi được mùi thơm của giấy ngoại bắt đầu tràn về, tờ nào cũng mịn như tờ nào. Không gì có thể mịn hơn. Chiếc máy chữ Olivetti tậu được năm 1989 bằng nhuận bút dịch cuốn sách bị cấm phát hành, *Chiếc chìa khoá* của Junichiro Tanizaki, chỉ dùng để gõ sạch những trang viết tay cần nhân bản. Năm 1990, háo hức đọc cuốn *Con lắc Foucault* mới ra, những đoạn then chốt về cái nhật kí điện tử mà Jacopo Belbo để lại trong chiếc PC Mac cho Casaubon khám phá, tôi không hiểu gì hết. Toàn bộ 11 trang đoạn 5, chương CHOCHMAH, Casaubon đi tìm password, tôi đọc như vẹt nghe sấm. Có một đoạn về cái file mang tên Abu như sau: Giả sử bạn đã lỡ viết hẳn một cuốn tiểu thuyết về câu chuyện tình giữa một gã Rhett Butler ở miền Nam nước Mỹ với một nàng Scarlett dòng đánh, rồi sau đó bạn ân hận, bạn thấy chán ? Có gì đâu, chỉ cần ra một lệnh là Abu khắc biến tất cả các Butler thành Andrej, mọi Scarlett thành Natasha, Atlanta thành Mạc Tư Khoa, và thế là bạn đã thành tác giả của *Chiến tranh và Hoà bình*. Tôi sẽ nói dối, nếu bảo mình hiểu Umberto Eco đang giới thiệu phép mầu gì, và tại sao lại "tất cả" các Butler, "mọi" Scarlett ? Tôi vẫn viết tay, nên không dễ thành một tác giả nữa của *Chiến tranh và Hoà bình*.

Khi chuyển nhà sang Berlin năm 1993, tôi ngồi ba tháng trước chiếc computer không bật nút chạy, không viết tay một dòng, ba tháng hoàn toàn tê liệt để vĩnh biệt ba mươi năm. Một ngày cuối năm ấy, tôi thờ dãi chấp nhận số phận như người ta thường nói, ấn nút start, gõ

phủ trên bàn phím với những chữ cái và dấu hiệu chẳng thân sơ gì. Lẽ ra tôi phải ghi lại ngày trọng đại ấy nếu biết rằng nó sẽ thay đổi đời mình, thay đổi tới mức thiếu cái bàn phím đó tôi không đủ khả năng, hay ít nhất không tin vào khả năng viết ra một dòng nào vừa ý nữa. Những dòng vừa ý vốn dĩ ngày càng hiếm; dòng nào thòi ra là ta xét nét : Mày ra làm gì ? Mày non quá. Mày nặng nề vô có. Mày bệt. Mày chậm. Mày vô trùng. Mày hỏng nhạc điệu. Mày khiên cưỡng. Mày có thừa không ? Đủ sáng tỏ không ? Sáng tỏ nhưng thiếu chính xác ? Ủ chính xác, nhưng có đúng không ? Đúng thì đúng, nhưng có thật không ? Đúng rồi, thật rồi, song có đích đáng không ? Cứ cho là đích đáng, nhưng có hay không ? Hay để mà hay hả ? Hay mà chẳng đẹp thì sao ? Vẫn đúng, vẫn hay, vẫn thật, vẫn đẹp, mà vẫn vô nghĩa ? Không có mày, tao vẫn sống khoẻ, phải không ?... Đã khó khăn như thế, mất lòng tin vào khả năng viết ra những dòng vừa ý là mất hết.

Bây giờ tôi có thể đọc lại *Con lắc Foucault* để tâm đắc : Bút lông ư ? Cào xước giấy, tay liên tục chấm mực, đuối chẳng kịp những ý tưởng chồng chất. Máy chữ ư ? Lọc xọc, cần nọ vương cần kia, chẳng giữ nổi tốc độ chuyển giao năng lượng thần kinh của chính mình. Chỉ với chiếc PC ngón tay ta mới bật ra sức tưởng tượng, tinh thần ta chạm vào bàn phím, ý tưởng ta tung bay trắng lẹ, ngẫu nhiên và tất yếu cộng sinh nơi monitor, và lí trí phê phán khắc nghiệt được thiên trước niềm hoan lạc của cú gõ đầu tiên vào máy... Đồng ý. Nhưng còn một niềm hoan lạc khác.

Cho đến năm 1999, sau sáu năm sống tại một đất nước hiện đại giữa lòng châu Âu, tôi không buồn ghi nhận cái thực thể có tên là internet. Kề phát triển muộn thường có những cực đoan – như vừa kể ở trên, tôi đã thành nô lệ của chiếc computer – và cố chấp không thể lí giải bằng lí trí : tôi cự tuyệt email.

Tháng 7.2001, khi nhóm sáng lập talawas bàn thảo việc ra đời một trang web, hiểu biết về internet của tôi đủ để đặt những câu hỏi khiến các bạn trong nhóm phải nín cười ; đại loại tôi hình dung theo kiểu văn hoa rằng người ta có thể viết thẳng lên trời xanh và cái web site của chúng tôi là vì sao nhỏ xíu, mọc vào ngày 03.11.2001, treo ở đâu đó giữa triệu triệu tinh tú, những ngày trời quang ở Hà Nội cũng ngửa cổ ngắm được như ở Berlin.

Con người là loài có thể cải tạo được, tôi là một ví dụ. Ba năm talawas, chưa đến mức tuyên bố rằng cái gì không tồn tại trên mạng thì không tồn tại, nhưng tôi khó lòng trở về với một tồn tại tiền-internet, phi-internet của bản thân, và tiếc cho Jacopo Belbo đã không còn dịp để chiêm ngưỡng trạng thái của lí trí phê phán khắc nghiệt trước niềm hoan lạc của cú chạm đầu tiên vào một URL.

Nhưng bất kể niềm hoan lạc ấy mệnh mông tràn đầy thế nào, nó không hề là an lạc. Không gian ảo do con người sinh ra, những điểm mù trong bản tính người ở đó chẳng đỡ mờ hơn trong thế giới thực ; tốc độ lướt trong world wide web chẳng đền bù tốc độ tư duy ; thời đại của thông tin là thời đại của sự vô cảm trước thông tin ;

và trí nhớ của chúng ta đặt những kỉ lục phi thường về độ ngắn. Từ lúc một bài thơ được viết ra, được đưa lên mạng, được đọc, và được quên – thậm chí bởi chính tác giả của nó – là một khoảng thời gian ngày càng rút lại, rút lại mãi, rút tới mức bài thơ ấy như chưa bao giờ tồn tại. Cái gì chỉ tồn tại trên mạng thì không thật sự tồn tại.

Vậy mà với một niềm tin không thể tuyệt đối hơn, các công dân internet của hành tinh này tiếp tục hằng say chuyện những sở hữu thật ở dưới đất của mình lên mạng. Tất cả những gì có thể dịch ra kí hiệu digital. Với nền dân chủ kĩ thuật số, mọi nhà văn đều có thể tự xuất bản toàn tập tác phẩm của mình theo ý mình cho muôn đời; và nếu lợi tức từ văn chương không đáng trọng bằng việc được bạn đọc chia sẻ thì chỉ e viết chẳng kịp sức ngón của một site cỡ mini nhất. Nếu muốn, ngay sáng mai mọi nhà văn tại Việt Nam đều có thể lên mạng, nghĩa là chấm dứt gõ cửa những nhà xuất bản còn ảo hơn cái không gian ảo kia, chờ mua tấm giấy phép sặc sụa mùi giao phối của chính trị hạng bét và thương mại hạng ba; chấm dứt ảo tưởng và tự vỗ vế, thụ động và phó mặc; chấm dứt làm một con giun ngưỡng mộ kiếp quần, một con lừa nghiện roi, một con thoi thoăn thoắt trong một và chỉ một quỹ đạo. Lên mạng là cuộc lên đường của hôm nay. Chế độ toàn trị có thể chặn thành công hầu hết mọi ngã đường, nhưng nó đã không lường đến sự ra đời của internet. Với chúng ta, người Việt, nhà văn Việt, internet là ân sủng không thể lớn hơn của số phận. Luật cấm xuất bản tự nhân nào còn hiệu lực trước hàng trăm ngàn cơ sở tự xuất bản của mỗi tác giả trên mạng? Hạn chế tự do ngôn luận nào còn tác dụng trước hàng triệu diễn đàn tự lập và tự quản trên mạng? Lên mạng là lên đường. Bỏ lại sau lưng rất nhiều thứ đã đáng quảng đi từ lâu lắm.

Talawas không hề khác hàng triệu diễn đàn tự lập và tự quản ấy. Tôi lại cho phép mình trở về với hình dung văn hoa về một bầu trời giăng đầy tinh tú. Arthur Schopenhauer chia các thiên thể làm ba loại: sao băng, hành tinh và sao cố định. Sao băng vụt sáng rồi vụt tắt, tắt hẳn. Tất cả những loé sáng một phần mười giây ấy gộp lại chẳng thể nuôi nguồn sáng của vũ trụ. Hành tinh không tự sáng, chúng chỉ mượn ánh sáng từ những chỗ khác, chúng không hề là những vì sao đúng nghĩa. Chỉ những vì sao cố định là thực sự phát sáng, dù ánh sáng ấy trong mắt ta thường nhạt nhòa và xa lắc. Với một chút lí trí phê phán chưa cần phải quá khắc nghiệt, tôi không dám chắc rằng một trang web như talawas có thể là một trong hàng triệu điểm sáng lâu dài, thực sự, bằng năng lượng của chính mình hay không. Hay chúng ta phải bằng lòng với những loé sáng vài ba năm tính theo thời gian của người, tức một phần mấy giây của vũ trụ?

Nói cách khác và một lần nữa: còn rất nhiều việc phải làm. Câu hỏi *ta là gì* chỉ có thể trả lời bằng câu hỏi *ta làm gì*. Tôi thừa nhận rằng Abu, với mọi mẫu nhiệm của nó, không thay đổi được kết cục thảm khốc của Jacopo Belbo. Nhưng nhạt kí điện tử trong chiếc PC Mac còn đó.

Phạm Thị Hoài

6.11.2004, © 2004 talawas

Hội Chợ Quốc Tế Nghệ Thuật Đương Đại tại Paris, dịch từ tiếng Pháp: Foire Internationale de l'Art Contemporain, gọi tắt là FIAC, đã lừng danh trong giới nghệ thuật thế giới từ ba thập niên nay. Mở cửa từ 21 đến 25 tháng 10-2004, tại Porte de Versailles, Hội Chợ thu hút khoảng 100.000 người xem, coi như là thành công mỹ mãn.

Hội Chợ FIAC đã trải qua nhiều năm èo uột, trước sự cạnh tranh lớn mạnh của những tổ chức tương đương như Bâle, Cologne, và nhất là hội Frieze non trẻ vừa mới thành lập tại Luân Đôn. Sau cuộc triển lãm chao đảo năm ngoái, hội chợ đã cách tân tổ chức, mở rộng ban quản lý hướng về quốc tế và giới trẻ, mời bà Jennenifer Flay, một chủ phòng tranh (gallery), 45 tuổi làm giám đốc nghệ thuật, huy động sự tham gia tích cực của nhiều chủ phòng tranh khác. Nhờ đó kỳ triển lãm năm nay bề thế, phong phú, trẻ trung, đa dạng hơn trước.

Thành phần tham dự gồm có 214 gallery, phân nửa là ngoại quốc đến từ 23 quốc gia Âu, Mỹ và Á Châu; 95 phòng tranh mới gia nhập FIAC và 68 tham dự lần đầu; khoảng 1300 họa sĩ trưng bày 10.000 tác phẩm.

Nét trẻ trung hiện rõ: một khu mới thành lập tên là Future Quake, mượn ý của nhà thơ André Breton: mỗi tác phẩm là một rung động tương lai, dành cho những gallery quốc tế không quá ba tuổi đời, tổng số là 20 phòng tranh trẻ đến từ 10 nước; cụ thể họ « trẻ » ở giá cả: giá tranh không vượt quá 5 000 Euros, và nhất là trẻ ở cái nhìn, sức sống và tham vọng cách tân nghệ thuật và xã hội văn hóa.

Nét mới mẻ khác là ban tổ chức đã dừng cảm đưa vào một cuộc triển lãm Mỹ Thuật những tác phẩm Thiết Kế (Design), lần đầu tiên trong một Hội Chợ Quốc Tế. Trong tiếng Pháp, Design là một từ mới, mượn từ tiếng Anh Mỹ trong thập niên 60; trong tiếng Việt chữ thiết kế xưa kia có nghĩa: thiết lập một kế hoạch, ngày nay, ở đây, tương đương với từ « mỹ nghệ » - nói cho dễ hiểu. Còn đưa ra một định nghĩa đầy đủ thì sẽ dài dòng rối rắm. Ví dụ: tạo nên một kiểu bàn ghế mới mẻ, thậm chí là thiết kế. Dĩ nhiên là khái niệm không mới, nhưng đã thành thời thượng. Vì công nghiệp phát triển, sản xuất ồ ạt các vật dụng, nên con người đòi hỏi nét thẩm mỹ, ở các đồ vật, ngoài chức năng duy dụng của nó. Với người Á Đông, cái gọi là design lại càng không mới: cái tủ chè (tủ thờ), lọ Bát Tràng, cái gáo dừa đặt trên lu nước, là « thiết kế »; bác phó mộc trong vở kịch Giao Thừa (1950) của Vũ Khắc Khoan, đêm trừ tịch ra vào bàn khoan: sao không đóng cái bàn ba chân, là một « designer ». Gần đây, trong một cuốn sách cực kỳ thâm trầm và uyên bác, học giả Lê Thành Khôi đã đồng đặc gọt bỏ thành kiến Âu Tây phân biệt, và đề cao mỹ thuật (beaux arts) hạ thấp mỹ nghệ, xem như là kỹ thuật trang trí (arts décoratifs), một nhu cầu thứ cấp. Hiện nay, viện bảo tàng Guimet, Paris, đang trưng bày, để vinh danh nghệ thuật tơ lụa Á Châu và ông Vincent Lefèvre, quản thủ bảo tàng, đã tuyên bố « bên Châu Á, không có dị biệt giữa Mỹ nghệ và Mỹ thuật, không có khái niệm đó ».

Thế nhưng Hội Chợ FIAC năm nay mở cửa cho 10 gian hàng thiết kế, đã cho là một cách tân quan niệm nghệ thuật -- và gây tranh luận.

Cả một tầng lầu rộng được dành cho 11 nhà xuất bản Mỹ Thuật, trưng bày nhiều kỹ thuật in ấn mới, dùng chất liệu mới làm nền, những khoa khắc họa, thủ ấn họa, tranh điệp bản, tạo nhiều thử nghiệm mới cho họa sĩ, đồng thời đưa tác phẩm

Hội Chợ Nghệ Thuật tại Paris



Đặng Tiến

nghệ thuật đến một quần chúng rộng rãi hơn. Người xem ghi nhận sự tham gia lần đầu của phòng tranh New Yorkaise Volume, chuyên in sách hội họa.

Một cái đình của Hội Chợ là khu dành cho những sáng tạo quốc tế hiện hành, dưới tên Viễn Tượng. 33 phòng tranh, đa số là nước ngoài trình bày nhiều dự án táo bạo, độc đáo, những triển lãm chuyên đề hay cá nhân, phục vụ riêng cho Hội Chợ. Các tác giả đã biểu hiện qua nhiều phương thức, từ truyền thống đến kỹ thuật tiên tiến.

Nói chung là cuộc triển lãm có nét trẻ trung. Bộ trưởng Văn Hóa Pháp, trả lời AFP đã chào mừng địa vị đặc biệt dành cho các phòng tranh thật trẻ, và sự hội nhập của thiết kế, chứng tỏ tinh thần cởi mở đón nhận mọi hình thái sáng tạo !

*

Tôi là lãng tử nhàn du, tình cờ lạc bước đến Hội Chợ Tranh. Không mấy thông thạo về nghệ thuật đương đại, về tư trào, trường phái, xu hướng, tôi lang bang trong Chợ Tranh như đi xem hoa Chợ Tết. Tìm cái đẹp chủ quan, tình cờ.

Tôi là kẻ mộ điệu văn thơ, xem tranh để tìm cảm xúc và kỷ niệm, truy tầm « trong họa có thơ » như ở thơ, họa Vương Duy.

Tôi là người Á Đông chậm tiến, đi vào nơi đô hội Paris để xem « có gì mới lạ ở Phương Tây ». Vớ vẩn như thế mà cũng đi hai ngày rạc cả người.

Bước vào đại sảnh, là gặp ngay tranh Cao Hành Kiện, người Trung Quốc đoạt giải Nobel Văn Học 2000. Một phòng tranh bề thế, độc diễn và độc đáo, tác phẩm lớn nhỏ đủ cỡ : tranh toàn mực nho đen xám trên giấy bản, nhất quán, trang nghiêm, có phần khắc khổ. Báo Figaro 22-10 đã ghi nhận « tâm nhìn hướng nội, gạt bỏ mọi thực tế, mọi rung cảm, mọi duy ngã... Nghệ thuật Cao là một thăng hoa của trí tuệ. Người xem chìm đắm trong một nghệ thuật đương đại nhiều khi thô bạo ». Nhưng các báo khác không mấy đề cập. Tranh bán rất chạy, giá từ 4.000 đến 50 000 €, không rõ khách mua tác phẩm nghệ thuật hay mua Ngài Nobel Quận Vương, được quảng cáo « một Nobel tại FIAC » (!).

Bước thêm mấy bước thì gặp gian tranh của nhà thơ Henri Michaux (1899-1984), cũng mực nho trên nền giấy bản, nhưng tươi tắn hơn nhờ có pha màu son và màu nước. Cũng là một « thăng hoa » trí tuệ, nhưng trang nhã, nhẹ nhàng, thi vị. Galerie Thessa Herold, Paris ấn hành một tuyển tập tranh Michaux in đẹp, và nhân một cuộc triển lãm năm 1997, đã xuất bản cuốn « Họa Phẩm của Thi nhân - Thơ của Họa Sĩ », đối chiếu tranh và thơ của những nghệ sĩ vừa vẽ vừa làm thơ, thường thường là trong các tư trào tiên tiến, như Michaux, Charchoune, Bryen... Tranh đẹp và thơ hay, in đẹp trên giấy quý và giá rẻ. Tham lam tôi gạ : nếu tôi dịch và in lại tại Việt Nam, ông bà có cho phép ? Chủ nhân vui lòng ưng thuận, với điều kiện là phải xin phép nhà xuất bản Gallimard về một số thơ Michaux - điều này không khó vì người thừa kế có quan hệ huyết thống với Việt Nam. Chủ nhân còn tặng tôi nhiều sách quý - gọi là tỏ chút tình tri kỷ.

Trong việc nghiên cứu văn học, tôi thường phải quan tâm đến phong trào Siêu Thực. Mới đây có cô sinh viên Huế được học bổng sang Paris làm luận án về đề tài này. Giáo sư hướng dẫn gợi ý : nghiên cứu về ảnh hưởng tư trào Dada trên trào lưu Siêu Thực. Một luận đề hóc búa ngay cho sinh viên Pháp. Tôi ghé phòng tranh 1900-2000 Paris, chuyên về tranh hai trào lưu này, và kể chuyện với ông giám đốc Marcel Fleiss. Ông bảo « đừng lo, cứ bảo cô ấy đến galerie ; tư liệu, sách báo gì tôi cũng có, tôi sẽ mách, còn ở đây là Hội Chợ... ». Ông đang rối rít tiếp khách hàng, ái ngại nhìn tôi, rồi cúi xuống học bản, lôi ra cuốn sách tranh « Phần Trò Chơi trong Tranh Siêu Thực (2004) » tặng tôi, để « về nhà mà nghiên cứu ». Ông Fleiss là thành viên ban quản đốc Hội Chợ, làm ủy viên tuyển lựa.

*

Đi ngang hàng vạn tác phẩm, trên 26.000 mét vuông, muôn màu muôn vẻ, và bấy nhiêu phong cách thì không có cách gì kể lại đầy đủ. Chúng tôi chỉ ghi nhận tính cách trẻ trung, mới mẻ của Hội Chợ, khả năng cách tân của một cơ chế sau ba mươi năm truyền thống. Cách tân để thích nghi và tồn tại, trong một thị trường khe khắt và cuộc sống không khoan nhượng. Các phòng tranh Việt Nam có lẽ cũng nên tham dự, để ta biết người, và cho người biết ta. Giá thuê một gian hàng, trung bình khoảng 7 000 €.

Điều tôi muốn ghi nhận, một cách đùa vui, là thái độ văn hóa của các chủ nhân Gallery. Họ làm thương mại, nhưng không chăm chăm vào việc mua rẻ bán đắt, chặn đầu chặn đuôi. Họ là kẻ khám phá tài năng, sau đó theo dõi, bảo quản tài năng, phát triển hướng mới, gìn giữ truyền thống, bắc cầu giữa các trào lưu, khu vực, bộ môn. Họ là những đoàn đình, trường đình trên con đường giữa nghệ sĩ sáng tác và các bảo tàng lưu trữ : họ là môi giới giữa cái phơi thai, cái phơi pha và cái vĩnh cửu. Họ là khâu cốt yếu trong xã hội nghệ thuật. Các gallery tại Việt Nam mọc ra như nấm, cũng nên suy ngẫm về vai trò của mình, đối với họa sĩ và quần chúng, trong và ngoài nước.

Danh từ gallery ở phương Tây, nghĩa gốc là hành lang, hay mái hiên - là một lối đi. Đi từ nơi này đến chốn kia. Từ nghệ sĩ đến quần chúng, từ họa thất đến tư gia. Galerie d'Art, Art Gallery, dịch là « Hiên Nghệ Thuật », nghe lạ tai, nhưng có lẽ hàm súc.

Đặng Tiến

01.11.2004

Dioxin và những kinh nghiệm từ Seveso (Ý)

Nguyễn Văn Tuấn

Ngày 10/7/1976 một tai nạn kỹ nghệ xảy ra tại nhà máy và cũng là lò phản ứng 2,4,5-trichlorophenol (TCP) gần thị trấn Seveso (cách thành phố Milan khoảng 25 km) làm thải ra môi trường chung quanh khoảng 30 kg dioxin, một hóa chất độc hại vào hàng số một mà con người biết đến. Cư dân trong vùng và các vùng phụ cận bị phơi nhiễm độc chất. Ngay trong ngày đó, hàng ngàn cư dân bị các triệu chứng như ói mửa, nhức đầu, và đau mắt. Một số trẻ em phải nhập bệnh viện vì các triệu chứng liên quan đến da.

Lúc đó, khoa học chưa có khả năng đo lường nồng độ dioxin trong máu hay mô mỡ; do đó cách định mức phơi nhiễm độc chất duy nhất là đo nồng độ dioxin trong đất. Sau này giới khoa học biết rằng định mức phơi nhiễm như thế (tức là dựa vào nồng độ dioxin trong đất) thường thấp hơn độ phơi nhiễm thật đến 60 lần (1). Tuy nhiên, dựa vào nồng độ dioxin trong đất và mức độ hủy diệt cây cỏ chung quanh, các nhà nghiên cứu phân chia toàn vùng ảnh hưởng thành 3 khu vực với mã danh là A, B và R. Họ còn chọn ra một khu vực không bị phơi nhiễm dioxin, gọi là khu C (*control*, hay đối chứng) để tiện việc so sánh và nghiên cứu khoa học sau này (2).

Qui mô phơi nhiễm dioxin tại Seveso (Ý)

Khu vực	Diện tích (ha)	Nồng độ dioxin trung bình (mg/m ²)	Độ dioxin cao nhất (mg/m ²)	Số cư dân trong khu vực
A	80	230,0	5447	736
B	269	3,0	44	4737
R	1430	0,9	10	31800
C (Đối chứng)	7474	0,0	?	182843

Chú thích : Nồng độ dioxin được đo trong lòng đất 10 cm chiều sâu; mẫu đất lấy năm 1976.

Sau khi tai nạn xảy ra khoảng hai tuần, 212 hộ gia đình (gồm 736 cư dân) phải tản cư khỏi khu vực A, tức là khu có nồng độ dioxin cao nhất. Một số nhà và bin-dinh khu A cũng bị triệt phá bỏ. Sau khi cư dân di tản, nhà chức trách tiến hành đào 300.000 m³ đất (sâu đến 40 cm) và đem lượng đất này chứa trong hai hố đặc biệt xây dựng cho các chất thải hóa học. Một năm sau, việc làm sạch khu vực A mới xong. Cư dân trong khu B và R không phải tản cư, nhưng phải tuân theo những qui luật vệ sinh nghiêm ngặt.

Ngay sau khi tai nạn xảy ra, ý thức được tiềm năng độc hại của dioxin, và với sự hỗ trợ của chính phủ Ý, các nhà nghiên cứu khoa học và bác sĩ đã thiết lập ngay một chương trình nghiên cứu qui mô về tác hại của dioxin đến sức khỏe cư dân trong vùng. Chương trình nghiên cứu này nhắm vào ba hướng chính: (i) kiểm tra vệ sinh và bảo vệ sức khỏe cư dân trong những khu vực được xem là chịu ảnh hưởng nhiều nhất; (ii) nghiên cứu dịch tễ học để xác định những mối liên hệ giữa dioxin và tỉ lệ phát sinh bệnh tật trong cư dân, kể cả lập ra một cơ quan theo dõi tất cả các bệnh như ung thư, dị tật bẩm sinh, tiểu đường, thần kinh, v.v...; và (iii) nghiên cứu cơ bản về tác hại của dioxin.

Năm 1988, với sự giúp đỡ của Cơ quan phòng chống và kiểm soát bệnh tật (CDC, Mỹ) các nhà nghiên cứu tiến hành đo nồng độ dioxin bằng quang phổ kế trong các mẫu máu của cư dân trong vùng mà họ đã thu thập từ lúc tai nạn xảy ra đến 1977 (các mẫu máu này được bảo quản trong tủ lạnh âm 20 độ C). Kết quả đo nồng độ dioxin lần đầu được công bố vào năm 1991 (3). Họ (các nhà nghiên cứu) phát hiện nồng độ dioxin rất cao trong một số cư dân, dao động từ 828 đến 56.000 ppt (part per trillion, phần ngàn tỉ). Đặc biệt là trẻ em dưới 13 tuổi có khuynh hướng bị phơi nhiễm nặng hơn thanh niên và người lớn. Điều này cũng phù hợp với một phân tích mới đây cho thấy một mối quan hệ đảo ngược giữa độ tuổi và độ phơi nhiễm dioxin (nói cách khác, tuổi càng nhỏ nồng độ dioxin càng cao, (4)).

Nồng độ dioxin (ppt) trong cư dân Seveso năm 1976 (ngay khi xảy ra tai nạn)

Khu vực	Phụ nữ dưới 13 tuổi (n = 302)	Phụ nữ 13 tuổi trở lên (n=698)	Nam dưới 13 tuổi (n = 264)	Nam 13 tuổi trở lên (n=420)
A	2965	1970	1840	1310
B	289	174	455	455
R	406	51	261	80
C (Đối chứng)	52	36	95	41

Chú thích : *n* có nghĩa là số lượng cư dân. Tất cả những con số trên là nồng độ trung bình.

Hai mươi năm sau (tức 1996), các nhà nghiên cứu chọn ngẫu nhiên 62 cư dân từ khu vực A (*n* = 7 người) và B (*n* = 55 người), và 59 cư dân từ khu vực C để đo lại nồng độ dioxin, và kết quả đã được công bố (5). Theo kết quả phân tích này, nồng độ dioxin trung bình trong cư dân khu A là 53,2 ppt, khu B là 11 ppt, và khu C là 4,9 ppt. Trong tất cả các vùng A, B và C, phụ nữ có nồng độ dioxin cao hơn nam giới. Như vậy, sau 20 năm, nồng độ dioxin trong máu có phần giảm so với năm đầu xảy ra tai nạn, nhưng cư dân trong các vùng ảnh hưởng vẫn có nồng độ cao hơn một cách đáng kể so với vùng C không bị phơi nhiễm dioxin.

Một vài phát hiện chính

Trong gần 30 năm qua, qua công trình nghiên cứu tác hại của dioxin, các nhà nghiên cứu Ý đã công bố khoảng 100 bài báo khoa học trên các diễn đàn y khoa quốc tế. Ở đây, tôi chỉ tóm lược một số phát hiện nổi bật qua các bài báo khoa học từ Seveso :

Tỉ lệ tử vong. Tỉ lệ tử vong là một chỉ tiêu lâm sàng cụ thể nhất về tác hại của một yếu tố sinh học như dioxin. Năm 2001, tức 25 năm sau khi tai nạn xảy ra, các nhà nghiên cứu tiến hành phân tích và so sánh tỉ lệ tử vong trong dân cư thuộc các khu vực bị ảnh hưởng dioxin (A, B, R) và khu không ảnh hưởng (C) (6). Họ phát hiện rằng dân ông sống trong khu A và B (hai nơi có nồng độ dioxin cao nhất) có tỉ lệ tử vong vì ung thư tăng 30 %, đặc biệt là tỉ lệ tử vong vì ung thư ruột tăng gấp 2,4 lần, ung thư phổi tăng 30 %.

Ngoài ra, so với khu C, tỉ lệ tử vong vì chứng ung thư máu trong các cư dân (nam và nữ) thuộc khu A và B tăng 70 %. Đặc biệt là tỉ lệ tử vong vì ung thư dạng Hodgkin tăng gần 5 lần, ung thư non-Hodgkin tăng gần 3 lần, ung thư máu (myeloid leukemia) tăng 2,4 lần.

Tiểu đường. Ngoài ra cư dân, đặc biệt là phụ nữ, trong vùng A và B còn có nguy cơ bị tiểu đường cao hơn khu C đến 2,4 lần. Một số bệnh liên quan đến hệ thống tuần hoàn máu và hô hấp cũng tăng từ 20 % đến 50 %.

Ung thư vú. Trong một nghiên cứu vừa công bố vào khoảng 2 năm trước đây (7), các nhà nghiên cứu theo dõi tỉ lệ phát sinh ung thư vú trong 981 phụ nữ mà mẹ của họ vào năm 1976 ở độ tuổi 40 (nói cách khác, vào thời điểm xảy ra tai nạn kỹ nghệ, các phụ nữ này chỉ mới ra đời hay chỉ 5 hoặc 10 tuổi). Sau thời gian 20 năm theo dõi, có 15 phụ nữ bị ung thư vú. Tuổi trung bình lúc chẩn đoán ung thư là 45 tuổi, tức trẻ hơn so với dân số quốc gia. Nồng độ dioxin trong máu của các phụ nữ bị ung thư vú là 72 ppt, cao hơn nồng độ dioxin trong nhóm phụ nữ không bị ung thư vú (trung bình 55 ppt). Nói cách khác, phụ nữ có nồng độ dioxin trong máu cao có nguy cơ bị ung thư vú cao. Qua phân tích thống kê, các nhà nghiên cứu ước tính rằng xác suất bị ung thư vú tăng gấp 2 lần khi nồng độ dioxin tăng 10 lần.

Tỉ lệ giới tính. Theo thống kê thế giới cứ 100 trẻ em mới sinh có khoảng 51 em là nam giới. Nhưng các cư dân sinh sống trong khu vực bị nhiễm dioxin cao có tỉ lệ nam sinh thấp hơn một cách đáng kể. Năm 1996, các nhà nghiên cứu Seveso đã thu thập số liệu lâm sàng trên 296 bà mẹ và 239 người cha. Tính từ 1976 đến 1996, có 328 em trai và 346 em gái ra đời từ 535 cha mẹ này. Tính trung bình, độ tích tụ dioxin trong máu được ghi nhận là 96,5 ppt trong các người cha và 62,5 ppt trong các bà mẹ. Trong các người cha thuộc khu C (không bị nhiễm dioxin), tỉ lệ sinh con trai là khoảng 56 % ; và khu A, chỉ 44 %. Trong các bà mẹ thuộc khu C, tỉ lệ sinh con trai là 47 % ; và khu A, 49 %. Tuy nhiên, nếu cả cha lẫn mẹ đều bị nhiễm, tỉ lệ sinh con trai chỉ 44 %. Như vậy, ảnh hưởng của dioxin trong các người cha nghiêm trọng hơn trong các bà mẹ. Phân tích trong các người cha bị nhiễm dioxin cho thấy mức độ tích tụ dioxin trong máu càng cao càng có ảnh hưởng lớn đến tỉ lệ sinh con trai (8).

Kinh nghiệm từ Seveso

Trong thời gian 10 năm trời (1962-1971) quân đội Mỹ đã phun xuống Việt Nam 76,9 triệu lít hóa chất. Bởi vì tất cả hóa chất, nhất là chất màu da cam, đều chứa dioxin, tổng số lượng dioxin thải vào môi trường được ước tính là tối thiểu 370 kg, tức hơn 10 lần so với số lượng dioxin bị thải ra ở Seveso. Gần 5 triệu cư dân trong các vùng phía Nam Việt Nam bị ảnh hưởng dioxin (9). Có thể nói không ngoa rằng chiến dịch phun hóa chất xuống Việt Nam là một cuộc chiến hóa học lớn nhất thế giới, bởi vì trong lịch sử chiến tranh chưa có một lượng hóa chất nào được dùng ở qui mô như thế.

Hơn 25 năm sau khi chiến dịch phun hóa chất xuống Việt Nam chấm dứt, nồng độ dioxin trong cư dân Việt Nam vẫn còn cao (10-11). Xin đưa ra một vài con số tiêu biểu : ở Đà Nẵng, nồng độ dioxin trung bình là 96,3 đến 118,2 ppt ; Quảng Trị : 77 ppt ; Tây Nguyên : 40,3 ppt ; A Lưới : 77 ppt ; Thừa Thiên : 57 ppt ; Đồng Nai : 47 ppt ; Sông Bé : 55 ppt ; Trà Nóc (Cần Thơ) : 105 ppt, v.v... Tất cả những nồng độ này đều cao hơn so với nồng độ trong cư dân Seveso sau 25 năm tai nạn mà tôi vừa trình bày.

Mặc dù qui mô lớn như thế nhưng tác hại của độc chất da cam và dioxin trong đồng bào Việt Nam từng bị phơi nhiễm độc chất trong thời chiến cho đến nay vẫn chưa rõ ràng. Trong suốt gần 30 năm sau khi chiến tranh chấm dứt, trên các diễn đàn khoa học quốc tế số lượng bài báo khoa học liên quan đến độc chất da cam từ Việt Nam còn cực kì khiêm tốn (chưa đến con số 10). Phần lớn những nghiên cứu này chỉ ở dạng mô tả, chưa đi sâu vào vấn đề lâm sàng và bệnh lí. Lí do đơn giản là trong thời gian qua chúng ta vẫn chưa có được một chương trình nghiên cứu qui mô và có hệ thống như ở Ý. Tất nhiên, cũng có những nguyên nhân khách quan vì sao một chương trình nghiên cứu như thế đã không thực hiện được, nhưng hiện nay, tôi nghĩ đã có điều kiện để tiến hành nghiên cứu độc chất da cam ở nước ta.

Hiện nay, một số nạn nhân độc chất da cam đệ đơn kiện các công ti hóa chất từng cung cấp độc chất cho lính Mỹ để họ rải xuống Việt Nam, nhu cầu thu thập, phân tích và công bố dữ kiện về tác hại của độc chất da cam thật là cấp thiết. Ở đây, tôi thấy cần phải nhấn mạnh hai chữ “công bố”, bởi vì trong thực tế chúng ta đã từng thu thập dữ kiện, nhưng các dữ kiện này hình như ít khi nào, thậm chí chưa bao giờ được công bố trên các diễn đàn khoa học quốc tế. Tôi cho rằng đó là một điều rất đáng tiếc, không chỉ trên phương diện khoa học mà còn trên phương diện đạo đức, chúng ta cần công bố những dữ kiện đó để thế giới biết được tác hại của độc chất.

Kinh nghiệm từ công trình nghiên cứu Seveso cho thấy nghiên cứu tác hại lâu dài của độc chất da cam hay dioxin là một việc làm hoàn toàn khả dĩ. Trong cuốn sách mới xuất bản (11), tôi đã bàn tương đối chi tiết về ba định hướng nghiên cứu, mà tôi xin tóm lược như sau :

- Thứ nhất, phát triển cho được một phương pháp để ước định mức độ phơi nhiễm độc chất cho từng cá nhân trong những vùng từng bị ảnh hưởng độc chất ;
- Thứ hai, thiết lập mối liên hệ giữa mức độ phơi nhiễm độc chất da cam và các bệnh như ung thư, dị tật bẩm sinh, tiểu đường, và tỉ lệ giới tính ;
- Thứ ba, thẩm định tác hại của dioxin hay độc chất da cam đối với cấu trúc di truyền (gen).

Để đạt được những mục tiêu trên, chúng ta cần phải thiết kế một *chương trình nghiên cứu* cho có hệ thống khoa học. Nói có “hệ thống khoa học” có nghĩa là các công trình nghiên cứu trong chương trình này phải được tổ chức và tiến hành theo các nguyên tắc khoa học để sao cho kết quả có thể công bố trên các diễn đàn khoa học quốc tế và sao cho đồng nghiệp trên thế giới công nhận. (Hiện nay, cũng có một vài công trình nghiên cứu nhỏ trong nước, nhưng kết quả chưa được giới khoa học quốc tế đánh giá đúng mức vì các khiếm khuyết liên quan đến phương pháp khoa học).

Để đạt được các tiêu chuẩn quốc tế và các dữ kiện có giá trị khoa học cao, chúng ta có thể tiến hành từng bước một. Bước thứ nhất là phương pháp chọn mẫu và đối tượng nghiên cứu cần phải được cân nhắc đặc biệt. Chẳng hạn như chúng ta có thể dựa vào lịch sử phơi nhiễm độc chất da cam để chọn ra 4 vùng làm trọng điểm nghiên cứu, trong đó có một vùng không hề bị ảnh hưởng độc chất trong thời chiến (như ở Hà Nội chẳng hạn). Trong mỗi vùng, có thể sử dụng phương pháp chọn mẫu theo từng nhóm (cluster sampling), và chọn ra 2500 đối tượng và mời họ tham gia vào chương trình nghiên cứu.

Bước thứ hai, tất cả các đối tượng được chọn sẽ được phỏng vấn, khám sức khỏe toàn diện, và lấy mẫu máu

cũng như nước tiểu. Trong bước này, tất cả các thông tin liên quan đến nơi sinh, nơi đóng quân (nếu trong quân đội), và thời gian phơi nhiễm sẽ được thu thập thật kĩ. Ngoài ra, tất cả các thông tin liên quan đến bệnh tật cũng như tất cả các chỉ số nhân trắc của đối tượng và con em, thân nhân gần của đối tượng đều được thu thập cho đầy đủ.

Sau khi đã thu thập dữ kiện ban đầu, và dựa vào thông tin cá nhân, chúng ta có thể ứng dụng một số phương pháp toán thống kê để phát triển một chỉ số phơi nhiễm cho từng cá nhân một. Chỉ số phơi nhiễm này sẽ là một trong những yếu tố để phân tích cho các bước kế tiếp. Ở bước này, ngoài việc ước tính tỉ lệ bệnh tật, chúng ta còn có thể phân tích mối liên hệ giữa bệnh tật và độ phơi nhiễm độc chất.

Tuy nhiên điểm yếu của nghiên cứu trong bước này là chúng ta phải nghiên cứu đảo ngược (tức là tìm căn bệnh hiện tại, và truy tìm nguyên nhân trong quá khứ), trong khi đó y học thì nghiên cứu “viễn cảnh” (tức là tìm nguyên nhân hiện nay, rồi theo dõi bệnh tật phát sinh trong tương lai). Để khắc phục yếu điểm này chúng ta phải tiến hành thêm bước thứ ba.

Bước thứ ba là theo dõi các đối tượng trong một thời gian 20 năm theo định kì. Cứ mỗi 2 năm, họ sẽ được tái khám, lấy mẫu máu và nước tiểu. Tất cả các bệnh tật phát sinh trong thời gian đó đều phải thu thập và phân tích. Một trong những yếu tố quan trọng để phân tích mối liên hệ giữa độc chất và bệnh tật là đo nồng độ dioxin trong máu. Có thể chúng ta chưa có đủ tiền bạc để đo nồng độ dioxin, nhưng tôi thiết tha đề nghị phải lấy cho được mẫu máu của các nạn nhân và bảo quản cho thật tốt để sau này (dù 5, 10 hay 20 năm) khi có điều kiện tài chính chúng ta vẫn có thể xem xét nồng độ dioxin, và mối liên hệ giữa dioxin và bệnh tật mà chúng ta đã thu thập ngay từ đầu.

Bước thứ tư, để giải quyết mục tiêu thứ ba (tức tác hại của dioxin đến cấu trúc gen) tôi đề nghị chúng ta nên chọn ra khoảng 200 người được xem là có độ phơi nhiễm dioxin cao, và từ 200 người này, chúng ta sẽ mời các thành viên trong gia đình (ít nhất là 3 thế hệ : cha mẹ, con, và cháu). Chúng ta sẽ lấy chút mẫu máu, và phân tích khoảng 400 gen markers để xem mức độ đột biến gen cao mức nào. Theo tôi, vấn đề di truyền rất quan trọng, bởi vì tôi nghi rằng những nạn nhân dioxin có thể đã qua đời (tức là chúng ta không có cách gì biết họ có phơi nhiễm hay bệnh tật gì hay không), nhưng dấu tích di truyền của họ có thể lưu truyền cho đời con và cháu. Do đó, nghiên cứu đột biến gen là một cách truy tìm quá khứ để cho phép chúng ta phát biểu về tác hại hiện tại của dioxin.

Về mặt tổ chức, tôi đề nghị chúng ta cần phải có hẳn một cục nghiên cứu, với những ủy ban đặc nhiệm như sau : Ủy ban điều hành nghiên cứu, tức là lo tìm nguồn tài chính, tranh thủ quần chúng (media) và các vấn đề

liên quan đến khoa học & an toàn trong nghiên cứu ; Ủy ban phụ trách về thu thập dữ kiện (data collection committee). Chúng ta cần một hay 2 người trong ủy ban điều hành nằm trong ủy ban này ; Ủy ban phụ trách về kiểm tra sự chính xác và độ tin cậy của dữ kiện thu thập được (data monitoring committee), ủy ban này độc lập với ủy ban phân b ; Ủy ban phụ trách phân tích dữ kiện (data analysis committee) độc lập với hai ủy ban trên ; ủy ban này cũng lo phân công bố các bài báo khoa học trên các tập san y học thế giới.

Ngoài ra, chúng ta phải tranh thủ hợp tác với các chuyên gia và đồng nghiệp nước ngoài để biến chương trình nghiên cứu thành một chương trình mang tính quốc tế và khách quan, để những ai còn nghi ngờ không thể nói chúng ta chỉ làm để mà chứng minh một luận điểm đã có sẵn. Đây cũng là một vấn đề tế nhị, bởi vì khi nói đến các nghiên cứu chất da cam từ Việt Nam, các chuyên gia nước ngoài đều lịch sự nói “cần phải xem xét thêm”, một cách nói rằng họ không tin kết quả nghiên cứu từ Việt Nam, bởi vì tất cả nghiên cứu từ Việt Nam đều cho ra một kết quả nhất quán rất khả nghi vì ngay cả trong môi trường thí nghiệm độ nhất quán cũng không cao như thế !

Nghiên cứu khoa học là một lĩnh vực có thể nói là mạo hiểm và tốn tiền. Đối với nước ta, vấn đề tài chính có lẽ là vấn đề lớn nhất. Chi phí đo nồng độ dioxin cho mỗi cá nhân tốn khoảng 1000 đô-la ; nếu chúng ta nghiên cứu trên 10.000 người thì chi phí đo dioxin cũng lên đến con số 10 triệu đô-la. Đó là một con số lớn. Đó là chưa kể các khoản chi tiêu khác trong việc bảo quản máu và công tác thu thập thông tin y khoa cá nhân. Có thể giảm chi phí trên, nhưng nói chung chúng ta cần ít nhất là 2 triệu đô-la để tiến hành một chương trình nghiên cứu có giá trị.

Cũng cần phải nhìn trước những khó khăn mang tính khoa học mà chúng ta có thể gặp phải. Thứ nhất là vấn đề đối tượng. Như tôi nói ở trên, có thể có nhiều người nhiễm độc chất (những đối tượng lí tưởng cho nghiên cứu) đã qua đời, cho nên những đối tượng mà chúng ta nghiên cứu hiện nay chỉ là thế hệ thứ hai hay thứ ba, và có thể mức độ liên hệ giữa độc chất và bệnh tật không còn rõ ràng như thế hệ đầu tiên. Chính vì thế mà tôi nói đến con số 10.000 người để nghiên cứu. Thứ hai là vấn đề thời gian. Một nghiên cứu có hệ thống, có ý nghĩa khoa học cao, thì thời gian theo dõi đối tượng phải từ 10 năm đến 20 năm. Chương trình nghiên cứu của Ý kéo dài hơn 30 năm. Chương trình nghiên cứu trong cựu chiến binh Mỹ (Chiến dịch Ranch Hand) cũng đã tiến hành hơn 30 năm. Một nghiên cứu từ Việt Nam, nếu được tiến hành ngay bây giờ, thì cũng phải chờ đến khoảng 20 năm nữa mới có kết quả để làm bằng chứng khoa học cho nhà cầm quyền quyết định. Và đến đó thì nhiều người cũng sẽ qua đời ! Nạn nhân ít đi dần. Đối tượng ít đi dần.

Nhưng những khó khăn đó không thể là hàng rào

ngăn cản công trình nghiên cứu, mà là những thách thức chúng ta cần giải quyết một cách sáng tạo. Tôi tin là chúng ta có thể làm được điều này. Không thể thụ động để nói khó khăn mà không bắt tay làm. Chỉ khi nào chúng ta tiến hành nghiên cứu thì mới có số liệu để công bố, để làm cơ sở cho các đàm phán và phản biện với phía các công ti hóa chất Mỹ. Tôi tin rằng với quyết tâm của lãnh đạo và các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước, một chương trình nghiên cứu như thế có thể đem lại nhiều kết quả có ích không chỉ cho nạn nhân của độc chất da cam, mà còn cống hiến nhiều tri thức quan trọng cho thế giới y học.

Nguyễn Văn Tuấn

Tài liệu tham khảo :

- [1] Cerlesi S, Di Domenico A, Ratti S. 2,3,7,8-tetrachlorodibenzo-p-dioxin (TCDD) persistence in the Seveso (Milan, Italy) soil. *Ecotoxicol Environ Saf*. 1989 Oct ; 18(2) :149-64.
- [2] Bisanti L, Bonetti F, Caramaschi F, et al. Experiences from the accident of Seveso. *Acta Morphol Acad Sci Hung*. 1980 ;28(1-2) :139-57.
- [3] Mocarelli P, Needham LL, Marocchi A, et al. Serum concentrations of 2,3,7,8-tetrachlorodibenzo-p-dioxin and test results from selected residents of Seveso, Italy. *J Toxicol Environ Health*. 1991 Apr ;32(4) :357-66.
- [4] Eskenazi B, Mocarelli P, Warner M, Needham L, et al. Relationship of serum TCDD concentrations and age at exposure of female residents of Seveso, Italy. *Environ Health Perspect*. 2004 Jan ;112(1) :22-7.
- [5] Landi MT, Needham LL, Lucier G, et al. Concentrations of dioxin 20 years after Seveso. *Lancet* 1997 Jun 21 ;349(9068) :1811.
- [6] Bertazzi PA, Consonni D, Bachetti S, Rubagotti M, Baccarelli A, Zocchetti C, Pesatori AC. Health effects of dioxin exposure : a 20-year mortality study. *Am J Epidemiol*. 2001 Jun 1 ;153(11) :1031-44.
- [7] Warner M, Eskenazi B, Mocarelli P, Gerthoux PM, Samuels S, Needham L, Patterson D, Brambilla P. Serum dioxin concentrations and breast cancer risk in the Seveso Women's Health Study. *Environ Health Perspect*. 2002 Jul ; 110(7) :625-8.
- [8] Mocarelli P, Gerthoux PM, Ferrari E, et al. Paternal concentrations of dioxin and sex ratio of offspring. *Lancet*. 2000 May 27 ;355(9218) :1858-63.
- [9] Xem “Hóa chất khai quang trong cuộc chiến Việt Nam : qui mô và ảnh hưởng”, *Diễn Đàn* 2003.
- [10] Schecter A, Dai LC, Thuy LTB, Quynh HT, Minh DQ, Cau HD, Phiet PH, Phuong NTN, Constable JD, Baughman R, Papke O, Ryan JJ, Furst P, Raisanen S. Agent Orange and the Vietnamese : the persistence of elevated dioxin levels in human tissues. *American Journal of Public Health* 1995 Apr ;85(4) :516-522.
- [11] Nguyễn Văn Tuấn. Chất độc da cam, dioxin và hệ quả. Nhà xuất bản Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 7/2004.

Nghĩ về nạn đói năm Ất Dậu



Nạn đói năm Ất Dậu (Ảnh Võ An Ninh, 1945)

Văn Ngọc

Điều vừa bất công, vừa vô lý, là nạn đói bao giờ cũng chỉ giết chết chính những người làm ra thóc gạo : người nông dân cùng khổ ! Năm ấy, chỉ riêng ở hai tỉnh Nam Định, Thái Bình và mấy tỉnh miền Trung đã có tới 2 triệu người bị chết đói. Và cái chết của họ đã bị thêm lại càng bị thêm hơn, vì nó đã diễn ra không phải ở chính nơi chôn nhau cắt rốn của mình, mà lại là ở những thành phố xa lạ, nơi họ cố lê gót đến để tìm đường sống.

Ngày đó, không thể nào bảo là những người dân thành thị đã bàng quan trước cảnh chết đói của đồng bào mình. Sự thật, thì dân thành thị phần lớn cũng chỉ là những người xuất thân từ nông thôn, từ các vùng quê xung quanh lên đây làm ăn mới chỉ được có một vài đời. Có lẽ không ai đã sớm quên cái gốc gác quê mùa của mình. Nhưng lúc đó, quả thực là họ đã bất lực trước một tai họa, mà qui mô đã vượt xa những gì từ trước tới nay họ có thể tưởng tượng được.

Đây không còn là những người ăn mày chuyên nghiệp đi xin bố thí như trước kia nữa, mà là những người dân quê đích thực, vì đói mà phải rời bỏ thôn làng, lên tỉnh tìm đất sống. Lúc đầu họ lên các thị xã ở vùng quê mình : Thái Bình, Nam Định, để rồi cũng chết đường, chết chợ ở đây. Hồi đó ở Thái Bình, Nam Định, đã diễn ra trước tiên cảnh người chết ở trên các hè đường và cảnh xe chở xác đi qua các phố mỗi ngày. Cuối cùng, như tuân theo một sự thôi thúc bản năng nào đó, họ đã kéo nhau lên thẳng Hà Nội.

Ngày đó, tôi vẫn còn nhớ, có câu ca dao không biết từ đâu lan truyền ra trên khắp các cửa miệng. Bọn trẻ chúng tôi, tuy không hiểu gì hết về cái ý nghĩa sâu xa, bóng bẩy, của câu ca dao ấy, nhưng cũng vẫn cứ bó buộc phải học thuộc lòng :

Nhiều điều phú lấy giá gương

Người trong một nước phải thương nhau cùng

Hình như cho mãi đến khi Cách mạng tháng Tám lên, rồi đến thời kỳ Nam bộ kháng chiến, câu ca dao ấy vẫn còn hay được truyền tụng trong dân chúng.

Ngày đó, trước cảnh những người nghèo đói kéo nhau lên tỉnh để rồi cuối cùng cũng vẫn chết đói ở đây, bọn các anh chị

thanh niên trong phố tôi, và ngay cả những đứa trẻ mới lên chín lên mười như chúng tôi, đều rất muốn làm một cái gì có ích, nhưng rồi cũng không biết làm gì khác hơn là ngày ngày đi xin cơm của các nhà hàng phố để đem cho họ. Nhưng rồi cũng chỉ được vài bữa. Cũng may là sau đó, Đoàn khát thực ra đời, lập đại bản doanh ở chợ Hàng Da, và lấy nơi đó làm chỗ phát chẩn. Đoàn khát thực gồm thanh niên nam nữ các phố, chủ yếu là ở khu Đông thành. Họ làm việc suốt ngày, quần quật, ở ngay chỗ đóng hầm trú ẩn tránh bom Mỹ-Nhật xây bằng gạch, gần về phía phố Ngõ Trăm. Nhưng rồi cũng không được bao lâu. Làm sao mà có thể cứu đói cho hàng vạn người cùng một lúc với những bát cơm thừa canh cặn ! Và rồi còn những người ốm đau, không có thuốc chữa, những người chỉ còn thoi thóp, đang chờ chết !

Những năm tháng trước và sau Cách mạng tháng Tám dường như đi rất nhanh, nhưng sao mà súc tích đầy những sự việc ! Chúng tôi sống trong một bầu không khí sôi nổi, mà sau này không còn bao giờ tìm thấy lại được nữa.

Nạn đói như một sự cố nằm vắt ngang, nối liền thời kỳ Tiền khởi nghĩa với thời kỳ Cách mạng tháng Tám. Nó là một tai họa do chính con người gây nên, đã đổ ập xuống đầu dân ta. Nó là một vết đen trong tiềm thức và trong ký ức của mọi người.

Nạn đói thực ra đã bắt đầu xuất hiện ngay từ đầu năm 1943 ở hai tỉnh Thái Bình và Nam Định, theo những người đã từng ở đây kể lại. Nguyên nhân chính là do chính quyền bảo hộ cố ý ngăn cản, không cho chở gạo ở trong Nam ra , điều mà trước đây họ vẫn để cho làm cho đến năm 1941. Có nhiều lý do, nhưng chủ yếu vẫn là do lòng ích kỷ (hại nhân). Cả Pháp, cả Nhật đều lo cho phận mình trước, dân Việt Nam có chết đói hàng triệu họ cũng mặc kệ. Không những thế, họ lại còn bắt dân quê « bán thóc » cho họ với một giá rẻ mạt, cứ mỗi mẫu ruộng trồng lúa, dù xấu hay tốt, người dân bó buộc phải bán cho nhà nước từ hai tạ đến hai tạ rưỡi thóc ! Thêm vào đó, họ còn bắt dân phải trồng cây công nghiệp (đay, gai cho Nhật ; thầu dầu cho Pháp, v.v.), thay vì trồng ngô, trồng đậu. Do đó, người dân quê ở miền Bắc và miền Trung thường thiếu thóc và thiếu cả ngô, đậu, để ăn.

Kịp đến tháng 10-11 năm 1944, một trận lũ lụt lớn đã làm cho hầu hết các nơi trên miền Bắc mất sạch cả mùa màng, dân quê bị đói kém, trong khi đó lúa gạo ở trong Nam vẫn bị cả Pháp, lẫn Nhật, thay nhau chặn lại, không cho vận chuyển ra để cứu đói. Lầm vào bước đường cùng, người dân quê ở những vùng Thái Bình, Nam Định đã phải kéo nhau lên Hà Nội để kiếm miếng sống. Hồi đó, tôi đã từng nghe, có những người mẹ hy vọng bán con cho những nhà giàu có ở thành thị để cứu lấy chúng. Có những người mong tìm được chỗ làm thẳng xe, con ở, hoặc làm phu, làm thợ. Mà quả thực là dân Nam Định, Thái Bình, xưa nay vẫn từng có nhiều người lên làm ăn sinh sống được ở trên Hà Nội. Dầu sao, đối với họ Hà Nội vẫn là cái nguồn hy vọng cuối cùng.

Từng đoàn người bồng bế nhau, lê bước trên những con đường quê gập gềnh, khúc khuỷu, rồi trên quốc lộ số 1, để cuối cùng được đặt chân lên hè phố Hà Nội. Không biết họ đã phải đi bộ mất bao nhiêu ngày mới tới nơi ? Vì bình thường, từ Nam Định đi bộ lên Hà Nội, người khoẻ mạnh và đi nhanh cũng phải mất đến hai ngày ! Từ Thái Bình lên thì lại còn xa hơn nữa ! Không lấy gì làm lạ là đến nơi, thì họ đã hoàn toàn

kiệt sức. Nhiều người đã chết ở dọc đường !

Hồi đó, ngày ngày tôi đi học ở dưới làng Trương Mai, cách chỗ cuối đường tàu điện Hà Nội - Bạch Mai một quãng đường dài, phải đi bộ theo con đường đi về Quỳnh Lôi. Từ mấy năm rồi, nhiều trường tiểu học ở trên Hà Nội đã phải di chuyển xuống những làng quanh đây để tránh bom « Mỹ-Nhật ». Chúng tôi ngày ngày chứng kiến cảnh những chiếc xe bò chở xác người chết đói từ trên Hà Nội đi xuống, đóng xác trần truồng và khô đét bao giờ cũng được rắc vôi, và được phủ qua loa bằng một manh chiếu rách. Những chiếc xe xác đi tới chợ Mơ, thì rẽ về phía Quỳnh Lôi, nhưng rồi không biết người ta đem đi chôn vùi ở đâu.

Vào khoảng đầu năm 1945, trên khắp các hè đường xô chợ ở Hà Nội, chỗ nào cũng có những người nghèo đói ở thôn quê lên cầu thực, nằm ngổn la liệt, nhất là ở khu chợ Hàng Da, nơi mà đoàn Khất thực đã lấy làm chỗ tập hợp những người này lại mỗi ngày để phát chẩn, như tôi đã trình bày ở trên.

Số người đi ăn mày, ăn xin, ngày càng đông. Nạn ăn cắp bỗng nhiên cũng bành trướng mạnh, và lạ làm sao, các dân anh chị bị thương hoạt động ở trong Sài Gòn, bỗng nhiên lại thấy xuất hiện ở ngay giữa Hà Nội ! Tôi còn nhớ kiểu cách đi đứng rất đặc biệt của mấy tay anh chị này, có một lúc đã bén mảng đến phố tôi làm ăn, với chiếc nón úp ở đằng trước ngực. Thế là ở phố tôi đã nảy ra một phong trào bài trừ kẻ cắp, cùng một lúc với phong trào tiểu trừ những tên thân Nhật, bọn này thường dựa vào thế lực của Nhật để ức hiếp dân chúng. Hồi đó chợ Hàng da chính là nơi đã từng xảy ra nhiều vụ các anh lớn ở phố tôi trừng trị bọn thân Nhật, thường vẫn hoành hành ở đây : chúng có thói cân sai, và cứ vừa đi mua, vừa cướp giật của những người bán hàng ở chợ. Cùng lúc đó, trong đám thanh niên phố tôi đã nảy sinh ra phong trào đi học Võ Việt Nam ở bãi đá bóng Eclair ngoài bờ sông. Các anh bảo học võ để tự vệ, để « đánh Pháp, đuổi Nhật », và vẫn thường bảo chúng tôi : « Các em có muốn đánh Pháp, đuổi Nhật không ? Nếu muốn thì phải khoẻ ! ». Không bao lâu, phong trào đi tập thể dục, tiền thân của phong trào Khỏe Vì Nước, đã lan rộng ra khắp mọi nơi.

Ngày đó, có lẽ cũng do nạn đói, mà đã nảy sinh ra nhiều hiện tượng lạ. Chuột cống, xưa nay thường ít nhìn thấy, nay bỗng lần mò lên tận cửa hàng để kiếm ăn. Có những con chuột to bằng con mèo, râu ria trông đến hãi, bò lên ngồi lù lù, nhìn thẳng vào mắt người ta, chẳng sợ hãi gì cả ! Thế là lại nảy bày ra phong trào diệt chuột ! Nhà nào cũng có hai ba cái bẫy đủ loại để giết chuột, hoặc bẫy chuột sống, rồi sau mới giết, một thú tính nghịch của bọn trẻ con chúng tôi, vì lúc bấy giờ chúng tôi rất ghét chuột. Đồng thời, người ta đồn rằng nhân bánh cuốn bây giờ cũng làm bằng thịt chuột, nên chẳng ai còn dám ăn bánh cuốn ở hàng nữa ! Có lúc lại có cả tin đồn rằng ở dưới Nam Định, Thái Bình, đói quá, người ta đã ăn cả thịt người ! Thế là mọi người lại thấy ghê ghê, khi đi ăn phở ở hàng !

Nhưng trị gì thì còn được, chứ trị đói lúc đó thì thật là vô phương, vì nó vượt quá khả năng và phương tiện của các thanh niên công tử Hà thành, thực ra hãy còn thiếu đủ mọi kinh nghiệm về mặt tổ chức, và nhất là thiếu hậu cần !

Ở một góc phố tôi, và phố Hàng Bát Sứ, có một cửa hiệu lâu nay vẫn đóng cửa kín mít, nay trở thành chỗ tụ hội lý

tưởng của những người ăn mày, ăn xin, thường là những người đã mệt yếu lắm rồi, không đi được nữa, họ nằm lại đó để sống thêm được ngày nào hay ngày nấy. Thỉnh thoảng lại có chiếc « xe nhà thương » đến, chắc để chờ một người ốm đi, hoặc chiếc xe bò đến để bốc xác. Có những đứa trẻ, người chỉ còn da bọc xương, hai mắt mở to, trắng dã ; chúng cứ phải nằm nghiêng, vì đứa nào đứa nấy đều đã bị mắc chứng lòi dom...

Trước những cảnh tượng đau lòng như thế, dân hàng phố không ai bảo ai, mỗi ngày mỗi nhà đều dành một phần cơm để phát cho họ và cho tất cả những người nghèo đi ngang qua phố. Kịp đến khi Đoàn khất thực ra đời, lúc đó công việc này mới được tổ chức chặt chẽ hơn, sự phân phát mới được công bằng, và đồng đều hơn.

Nhưng không được bao lâu, thì không hiểu sao, Đoàn khất thực cũng ngừng hoạt động ! Nhật đảo chính Pháp (9-03-1945), rồi chính phủ Trần Trọng Kim lên (17-04-1945), gạo ở trong Nam vẫn không tái ra được. Có một lúc, người ta đồn là gạo đã chở ra được tới Đà Nẵng, nhưng rồi bị nghiền lại ở đây. Người dân quê nghèo ở các vùng Nam Định, Thái Bình và mấy tỉnh miền Trung vẫn tiếp tục chết đói. Chính phủ Trần Trọng Kim đòi được « độc lập » từ tay người Nhật, nhưng đã hoàn toàn bất lực trong việc cứu đói này. Và cứ như thế, nạn đói tiếp tục hoành hành cho đến Cách mạng tháng Tám.

Đối với chúng tôi, những đứa trẻ mới chưa đầy mười tuổi lúc ấy, nạn đói năm Ất Dậu đâu sao cũng là một bài học không thể nào không ghi nhớ suốt đời, mặc dầu nó chỉ như một tai hoạ không lồ, vượt quá sức tưởng tượng và khả năng giải quyết của mình. Nó đã chỉ khơi dậy trong chúng tôi lòng nhân đạo và một nỗi niềm uất hận, bất lực, nào đó. Nhưng nó không vạch được ra cho chúng tôi thấy rõ sự vô nhân đạo và sự độc ác của những kẻ đã gây nên tai hoạ, cũng như sự nhu nhược, vô dụng của những kẻ cầm quyền lúc ấy, điều mà mãi sau này, khi nhận thức được những nguyên nhân đích thực của nó, chúng tôi mới rút ra được những bài học cần thiết.

Tuy nhiên, trên cái nền phông đậm một màu âm đạm và vô vọng đó, đã nổi bật lên một vài nét chấm phá, một vài sự cố nho nhỏ, đã làm cho chúng tôi thực sự xúc động và phần nào đã thức tỉnh chúng tôi.

Một trong những sự cố đó, là một câu chuyện thương tâm đã xảy ra ngay tại trong gia đình chúng tôi ngày ấy, và đã làm cho bọn trẻ chúng tôi vô cùng bất bình và oán hận. Nó chính là một trong những sự kiện đã làm cho chúng tôi bắt đầu biết băn khoăn, nghi ngờ và tự đặt ra cho mình những câu hỏi.

Tôi không còn nhớ sự việc đã xảy ra vào năm nào trong thời kỳ ấy, có thể vào cuối 44, hoặc đầu 45, bởi như tôi đã trình bày ở trên, thời gian trong những năm ấy đi rất nhanh, nhưng mặt khác lại như bị dồn nén lại. Dầu sao, thì sự việc cũng chỉ có bấy nhiêu : trong nhà tôi, một hôm bỗng nhiên xuất hiện một nhân vật mới, đó là « thằng xe ». Cái tên gọi này thực ra không xa lạ gì đối với chúng tôi, vì nhà tôi đã từng có những « thằng xe ». Ngày đó, gọi một người kéo xe nhà trong nhà mình bằng « thằng xe », ở ngôi thứ ba, không có gì là quá đáng cả, vì người ta vẫn thường gọi như thế. Có nhà, người chủ ý tứ hơn, gọi là « anh xe », nhưng cũng hiếm lắm. Thường chỉ có những « kẻ dưới », thấp hèn hơn, như con xen, thằng ở, thì mới dùng chữ « anh xe ». Dầu sao, tôi vẫn

còn nhớ rõ khuôn mặt của hắn, khi hắn được nhận vào làm việc, vì trong nhà tôi dạo đó thiếu người để kéo chiếc xe nhà đưa ông anh cả tôi mỗi ngày đi thăm xưởng thợ ở trên Hàng Bún.

Trở lại nhân vật « thằng xe ». Hắn có khuôn mặt hơi gầy và hơi xanh xao. Chắc hẳn cũng đã từng bị thiếu ăn. Khuôn mặt thoạt trông không hiền lành cho lắm, nhưng cũng không có vẻ gì là ác. Nổi bật trên khuôn mặt đó là cặp mắt tinh ranh và lanh lợi. Sau này tôi còn khám phá ra là hắn có một cái cười rất kiêu, một cái cười nhếch mép bất cần đời. Mà hắn kiêu cũng phải, vì hắn có nhiều tài lắm : ăn khỏe hơn tất cả những người thợ ở trong nhà, và rất dai sức khi kéo xe, vật tay cũng một cây, tài bỏ củi của hắn thì không ai bì kịp ! Không hiểu sao, tôi có thiện cảm với hắn ngay từ đầu, có lẽ vì tôi cũng hay thích xuống bếp tập bỏ củi chơi, và hắn đã dạy cho tôi mấy ngón làm cho tôi tiến bộ hẳn lên. Tôi chưa bao giờ thấy ai bỏ củi giỏi như thế ! Mỗi ngày hắn bỏ được một đồng củi to tướng. Cái lưỡi búa dày như thế, mà hắn có thể bỏ đúng thớ gỗ để chẻ cây củi ra thành những thanh mỏng dính, như những que diêm !

Sau mấy tháng làm việc ở nhà tôi, được ăn uống đầy đủ, hắn như đã lấy lại được hơi sức, nên lại càng khỏe thêm, da mặt đã hồng hào hẳn. Trong nhà thầy tôi (chúng tôi gọi bố mẹ bằng thầy, u, theo lối nhà quê), lúc bấy giờ còn nhiều thợ lắm, chưa ai chạy về quê hết, mà chạy về quê lúc đó thì chỉ có mà... chết đói ! Đó là những người thợ làm đồ da, đồ mộc, đồ sắt, đồ khâu, tất cả có đến 60 người, toàn là người làng bên quê nội tôi ở Hà Nam. Họ được đưa lên đây học nghề với thầy tôi từ nhỏ, sau đó được thu dụng làm thợ, có lương tháng, và có chỗ ăn, ngủ, ngay trong nhà. Cũng nhờ thế mà làng tôi, mặc dầu là một làng rất nghèo, có rất ít ruộng, có lẽ vì thế mà không trồng lúa, chỉ có mía, lạc, khoai, đỗ tương, và củ dong, củ giêng, song những năm ấy không có ai bị chết đói cả. Những tráng đinh thì đã có công ăn việc làm ở trên Hà Nội hết cả rồi, những người còn lại ở dưới quê thì ít nhất cũng có những ruộng dong, ruộng khoai, để ăn. Trong nhà tôi còn có mấy cô sen, cô vú nữa, cũng là người làng cả. Chỉ có mình « thằng xe » là không ai biết gốc gác hắn từ đâu đến.

Ngày tháng trôi qua, thắm thoát đã sắp đến Hè. Tôi vẫn ngày ngày, đi học ở dưới Tương Mai, vẫn ngày ngày ra Bờ Hồ lấy tàu điện, mẹ tôi ngày ngày vẫn nhét vào trong cặp cho tôi một bọc cơm nắm muối vừng, hoặc tôm kho, thịt kho, để ăn vào bữa trưa.

Hà Nội đang sống những ngày khấn trương, ít ra là đối với bọn trẻ chúng tôi. Thực ra chúng tôi cũng chỉ linh cảm mơ hồ rằng sắp xảy ra một chuyện gì, nhưng cũng không biết là cái gì ! Hàng ngày, đi học, chiều tối về chúng tôi vẫn tụ tập nhau ca hát và đàn đúm ở ngay ngoài hè phố, còn thứ Bảy, Chủ nhật, thì nào là tập kịch, nào là đi ra bãi Septo ở phố Hàng Bọt tập thể thao, hoặc đi bơi trên Quảng Bá, Hồ Tây, v.v.

Hàng ngày, vẫn những cảnh tượng chết đói trên các hè phố và trên các nẻo đường ngoại ô. Quân Tàu Tưởng sang tước vũ khí của quân đội Nhật bản, bây giờ thay chân Nhật và Pháp, vẫn ngày ngày đến phố nhà tôi mua hàng. Nhưng bọn này khác với bọn khách hàng Pháp và Nhật, chúng nghèo xơ xác, làm gì có tiền mà mua, ngược lại chúng lén lút mang súng ra bán cho các anh ở trong phố. Sau này, đó là những

khẩu súng đầu tiên của các anh tự vệ phố. Tôi còn nhớ hình dáng rất đặc biệt của những khẩu Pạc khoọc ...

Thế rồi, bỗng một hôm xảy ra một chuyện làm kinh động cả nhà : « thằng xe » bị đuổi ! Lý do là vì hắn đã dan díu với một con sen ở trong nhà và đã làm cho cô này có chửa ! Những chi tiết khác thì chúng tôi không được biết, nhưng trước sự trừng phạt nghiêm khắc đó của thầy tôi đối với hắn, vào lúc đó, bọn trẻ chúng tôi ở trong nhà đều cảm thấy hết sức là bất bình !

Băng đi mấy tuần, một hôm trẻ con trong nhà bỗng bám nhau ra gặp « thằng xe » ở ngoài đường. Tôi hí hửng lén chạy ra, thì thấy hắn ngồi co gối ở bậc cửa một cửa hàng, mặt cúi gằm. Chúng tôi chào hỏi, hắn cũng chẳng nói gì hết. Tôi để ý thấy hai chân hắn đã bắt đầu hơi bị phù. Tôi biết đó là một triệu chứng không hay rồi, vì vẫn nhận xét thấy hiện tượng này ở những người sắp chết đói. Chúng tôi bảo nhau đem cơm ra cho hắn ăn mỗi ngày ở cùng chỗ đó. Nhưng rồi hắn cũng không đến đều ở chỗ hẹn. Băng đi một dạo nữa, hắn mới lại lần mò đến. Lần này, đầu hắn đã bị cạo trọc, người đã bắt đầu lở lói. Mặt hắn đã khác hẳn đi rồi, gần như không còn nhận ra được nữa.

Ít lâu sau, không thấy hắn đến phố nữa. Hàng ngày tôi ra chợ Hàng Da cố ý tìm, mà cũng không gặp. Phải chi hắn cứ ở lại phố để cho chúng tôi nuôi hắn !

Chúng tôi không ai bảo ai đều nghĩ thầm : chắc hẳn « thằng xe » đã chết đói rồi ! Riêng tôi, thấy cái chết của hắn thật là vô lý.

Lẽ ra, những người lớn trong nhà, các anh các chị lớn của tôi phải can thiệp mới phải. Tại sao lại không để cho hắn quay trở lại làm việc ?

Lẽ ra, thầy tôi chẳng nên đuổi hắn đi...

Điều này làm tôi cứ băn khoăn mãi. Lẽ ra những người như hắn phải được hưởng một số phận tốt đẹp hơn. Về sau nghĩ lại, tôi vẫn thấy tội nghiệp cho hắn ! Phải chi hắn sống thêm được vài tháng nữa, ít ra cho đến những ngày tháng Tám năm ấy !

Văn Ngọc

Diễn Đàn Forum

Directeur de publication: Nguyễn Quang Đổ

Imprimé par Point Concept, Vitry sur Seine

Dépôt légal: 178/91 * Commission Paritaire: AS 73 324 * Prix: 6 €

Địa chỉ bưu điện:

BP 50, F-92340 Bourg la Reine (FRANCE)

Địa chỉ điện tử (E-mail):

diendan@diendan.org

Trang nhà : <http://www.diendan.org>

Đại diện các nước: xin coi thẻ lệ mua báo (trang 3)

Bài viết tay hay đánh máy trên một mặt giấy, hay trên đĩa PC (phông Unicode, VNI, TCVN, VPS, ...); hoặc qua Email (bỏ đầu theo quy ước Vietnet VIQR)